

RECHUNG
ĐỖ ĐÌNH ĐỒNG dịch

MILAREPA
CON NGƯỜI SIÊU VIỆT



Nguyên tác Tây tạng: Mila Khabum
Tác giả: Rechung
Anh dịch: Lama Kazi Dawa-Samdup
Cô đọng và phóng tác: Lozang Jivaka
Việt dịch: Đỗ Đình Đồng

Cùng người dịch:

Đã in:

Góp Nhật Cát Đá
Milarepa, Con Người Siêu Việt
Gửi Lại Trần Gian
Ca Ngợi Cô Đơn
Ba Trụ Thiền (2012)

Thiền sư Muju
Rechung
Milarepa
Kahlil Gibran
Philip Kapleau

Ấn bản điện tử (e-book):

Đạo Bước Vườn Thiền
Tiếng Sáo Thép
(100 công án Thiền)
Ba Trụ Thiền (2011)
Trung Luận
Milarepa, Con Người Siêu Việt (2012)

Đồ Đình Đồng góp nhật
Thiền Khi Như Huyền

Philip Kapleau
Bồ-tát Long Thọ
Rechung

Đang dịch:

Đạo Ca Milarepa (Mila Grubum)

Jetsun Milarepa



Những Cảnh Đời của Milarepa

Ghi Chú

“Milarepa, Con Người Siêu Việt” là bản dịch tiếng Việt do chúng tôi thực hiện vào năm 1970 và được nhà xuất bản Nguồn Sáng ấn hành tại Sài Gòn vào năm 1971, đã được chúng tôi hiệu đính trong ấn bản điện tử này.

Bản dịch này chúng tôi thực hiện theo nguyên văn tiếng Anh “The Life of Milarepa, Tibet’s Great Yogi,” do Lobzang Jivaka cô đọng và phóng tác vào năm 1962, được J. L. Cranmer-Bying M.C. hiệu đính và cho in trong loạt sách The Wisdom of the East, dựa theo bản dịch tiếng Anh, “Tibet’s Great Yogi, Milarepa,” của cố Lạt-ma Kazi Dawa-Samdup từ nguyên tác Tây tạng, “Mila Khabum,” và được Tiến sĩ W. Y. Evans-Wentz hiệu đính khi cho nhà xuất bản Oxford University Press ấn hành đầu tiên vào năm 1928, tại Luân-đôn, Anh quốc.

Frederick, đầu Thu 2012
Đỗ Đình Đồng

LỜI NGƯỜI DỊCH

Tây tạng như một đóa sen đêm chỉ nở đón ánh trăng朦胧 lung, huyền diệu và kỳ ảo của Đông phương. Vào hậu bán thế kỷ mười một, nơi xứ sở u huyền này nghe vang dậy một giọng hát vừa trầm hùng như loài sư tử, vừa thánh thót như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, vừa rạt rào như lời cây tiếng lá, vừa cao thâm như đỉnh cao và hồ thẳm. Tiếng ca này lần đầu tiên xuất hiện trên các triền núi âm u hoang vắng của dãy Hi-mã-lạp sơn và dần dần lên mãi đến tuyết đỉnh Everest tuyết phủ tiếp giáp với mây trời vẫn vũ thiên thu. Tiếng hát lời ca này phát nguồn từ một giai tầng trí tuệ và nghệ thuật viên dung siêu việt của một bậc thánh tăng Bồ-tát Tây tạng với mảnh vải che thân mong manh rách rưới và chiếc tích trượng nhỏ bé nhưng rắn chắc vô biên nện vang từng tiếng rõ ràng theo nhịp chân leo lên từng phiến đá tuyết trắng ngần sau hơn mười năm tu luyện các năng lực thượng thừa và tu tập thiền định không ngừng theo các Diệu Lý của Mật-tông Phật-giáo: giọng hát của Jetsun Milarepa, Đại Hành Giả Du-già Tây Tạng.

Cuộc đời đại hiệp sĩ phi thường phi phi thường này bắt đầu từ khi lên bảy, cái tuổi thơ dại đã thực sự bước vào địa ngục trần gian này: ngục của lòng tham không đáy; ngục của lửa thù hận phụt lên vô bờ vì bị người thân cướp đoạt quyền thừa kế gia tài của dòng họ quý phái giàu sang, vì cái chết quá sớm của người cha đáng kính. Cuộc sống bị đầy đọa khốn cùng của cậu bé bảy tuổi Mila Thopaga kéo dài chịu đựng cho đến năm mười lăm tuổi, cái tuổi chập chững nhưng lại quá phong trần: một người một ngựa lên đường tìm thầy học Huyền thuật để mong trả thù rửa hận cho thỏa lòng người mẹ góa yếu đuối nhưng vẫn giữ niềm kiêu hãnh vô biên. Sau khi học thành tài, Mila Thopaga đã dùng tuyệt nghệ huyền thuật của mình giết hằng ba bốn chục người có liên hệ với hai kẻ tử thù chính là ông chú và bà thím độc ác của chàng, và phá hoại rất nhiều của cải, hoa màu của những người khác...Mila Thopaga bị lương tâm cắn rứt, cõi lòng xao xuyến bất an và phát tâm tìm thầy học Đạo, khát khao giác ngộ và giải thoát đến cực độ đến nỗi phải hy sinh bất cứ thứ gì kể cả thân mạng của chính mình.

Định Mệnh của Mila Thopaga là một thứ định mệnh Đại Hạnh, nhưng quá khốc liệt khắt khe. Cuối cùng Mila Thopaga đã gặp được Đạo sư định mệnh của mình: Đại Dịch giả Marpa, tổ sư khai sáng tông phái Bkarh-gyudpa của Phật giáo Tây Tạng. Sau tám lần được bậc Đạo sư ném tận cùng đáy sâu hồ thẳm tuyết vọng, Mila Thopaga đã được thanh thân tẩy thể, gột sạch ác nghiệp và thọ lãnh tất cả những Giáo lý Tối mật của tông phái này, để rồi một mình một bóng lang thang khắp các vùng thâm sơn cùng cốc để thiền định và tu tập Giáo lý Giải thoát Vô thượng. Sau khi đã quì lạy từ giã Đạo sư với lời thệ nguyện vĩ đại là phải đạt Giác ngộ để cứu độ chúng

sinh như thái tử Tát-đạt-đa trước đó khoảng mười bảy thế kỷ dưới gốc cây Bồ-đề xứ Thiên Trúc: nếu Ta không đạt được giải thoát rốt ráo thì vĩnh viễn không trở lại với thế giới loài người.

Sau khoảng mười năm ẩn tu trong trong thâm sơn cùng cốc tuyết phủ giá lạnh của vùng Hy-mã-lạp sơn, với thân thể suy nhược đến cùng độ vì thiếu thức ăn và quần áo thích hợp, Milarepa đã hiến mình trọn vẹn cho Chân lý, phối hợp Nhân Tâm và Thiên Tâm, Tiểu ngã với Đại ngã thành Nhất Thể Chân Như của Bản Thể Vũ Trụ kỳ ảo, Milarepa đã đạt được Giác ngộ và Giải thoát cho chính mình để rồi cất tiếng hát phổ độ tất cả chúng sinh trong ba cõi.

Người dịch hôm nay cầu mong dư âm của lời thơ, lời hát khởi nguồn từ một Trí tuệ nhìn suốt ba nhìn thế giới này, và hình ảnh cuộc đời phi thường, phi phi thường của một Con Người đã vượt người này, đi sâu vào tận đáy lòng của mọi người trong thời Tịch dương hôm nay để khai mở một Triều dương huy hoàng ngày mai trong lòng mỗi người và tất cả.

Sài gòn, Hè 1970

Đỗ Đình Đồng

MỤC LỤC

	Lời Người Dịch	6
	Mục Lục	8
1.	Hạ Sinh và Những Năm Thơ Ấu	9
2.	Huyền Thuật	15
3.	Câu Đạo	23
4.	Đền Tội	27
5.	Điềm Đạo Truyền Pháp	47
6.	Giáo Lý của Đạo Sư	50
7.	Nhớ Nhà	58
8.	Thức Tỉnh và Khước Từ	63
9.	Thâm Sơn Cùng Cốc	66
10.	Milarepa Nói về Nghiệp	89
11.	Tạm Nghỉ	92
12.	Cổ Âm Sát	95
13.	Milarepa Nhập Diệt - và Sau Đó	111
14.	Phụ Lục	125

I

HẠ SINH VÀ NHỮNG NĂM THƠ ẤU

Tôi là Rechung, một trong những đệ tử của Jetsun Milarepa, hành giả Du già danh tiếng nhất xưa nay và người Thầy yêu mến của tôi. Chẳng bao lâu trước khi người viên tịch, đúng như một thị kiến tôi đã thấy trong lúc thiền định vào một chiều nọ, tôi đã xin người kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về cuộc đời của người. Việc này được những đệ tử khác ủng hộ. Tất cả đều biết chút ít, nhưng muốn nghe kể chi tiết, vì người ta có thể rút ra được nhiều bài học từ câu chuyện lịch sử cuộc đời của người. Và tôi đã chăm chú lắng nghe để viết xuống đây mỗi ngày những gì chúng tôi được nghe, để cho thế giới được phong phú thêm, do kết quả học được từ những đau khổ và vinh quang, tri thức và thành tựu của người.

Nó đã là của chung, làm sao người đã luyện tập Huyền thuật thuở thiếu thời và lúc thanh niên để trừng phạt kẻ thù, những kẻ có thể nói là thật đáng phải chịu tất cả hình phạt đó; làm sao về sau người đã bị lương tâm cắn rứt và thực sự ham muốn học Chân lý; người đã chịu đựng những đau khổ về tinh thần và thể xác trong lúc theo đuổi truy cầu Chân lý, trong khi gạt sang một bên những việc nhỏ nhặt hơn; nhưng với bao kiên gan, người đã khước từ chấp nhận chiến bại, và cuối cùng đã chiến thắng vinh quang; rồi làm sao người đã rút mình ra khỏi thế gian để ẩn tu và phát triển sự hiểu biết mà người đã đạt được một cách quá gian lao. Rồi về cuối đời, người đã hiến mình để cứu độ bao nhiêu người khác đã lắng nghe người nói. Tôi là một trong những người đó.

Chúng tôi biết rất nhiều nhưng câu chuyện còn nhiều hơn tất cả những gì chúng tôi đã biết! Với bao nhiêu tình tiết, người đã làm chúng tôi vui và với lối diễn tả phong phú người đã khiến chúng tôi rơi lệ! Chúng tôi đã vui cười biết bao nhiêu vì những chuyện vui và biến đổi. Chúng tôi đã lắng nghe biết bao nhiêu lời người nói, như sợ rằng chúng sẽ mất đi! Và tôi thật chẳng xứng đáng để ghi xuống đây những gì người đã nói -- song cũng thật là một đặc quyền vậy.

Những gì quý vị đọc nơi đây là sự thật. Câu chuyện về một người đã bắt đầu cuộc đời mình giống như bất cứ người nào trong chúng ta, nhưng đã kết thúc đời mình – ôi, thật khác biệt biết bao! Rất ít người đạt được những Năng lực Tối thượng, nhất là chiến thắng trong những cuộc kiểm soát chính cái “ta” của họ để rồi chiến thắng các đại và chúng sinh ở các cõi khác, hay hiểu được hoàn toàn chân tướng của Vũ trụ và Nhất thể của vạn vật trong Vũ trụ, vì đây là Giác ngộ. Rất ít người kiên gan đối mặt với những chương ngại

bề ngoài có vẻ như không thể vượt qua được. Rất ít người phạm trọng tội mà biết tu sửa những gì họ đã phạm phải và vươn lên để nhận những phần thưởng xứng đáng.

Milarepa đã làm điều đó. Milarepa là Sư phụ của tôi khi người còn sống bằng nhục thân và người vẫn là Sư phụ tôi mãi mãi, dù thân thể của người bây giờ chỉ là một đồng tro tàn. Ôi bậc Đại Đạo sư, con xin cúi đầu đánh lễ trước người và cầu mong câu chuyện này được ánh mắt người khích lệ! Và bây giờ kính xin người hãy cất tiếng nói cho thế giới cùng nghe!

* * *

Những năng lực huyền thuật của tôi, ắt tôi đã thừa hưởng từ tổ tiên của tôi. Vì những huyền lực đó dường như là một sở hữu của gia đình tôi. Năm thế hệ trước, một bậc tiên nhân của tôi đã tạo được cho ông một danh hiệu cho mình, theo nghĩa đen, bằng cách dùng huyền thuật đánh đuổi một con quỷ mà các nhà phù thủy khác bó tay đầu hàng. Người ta nói rằng nó bị ông đuổi vừa chạy vừa kinh hãi kêu lên: “Mila! Mila!” “Người ôi! Người ôi!” Vì chuyện này, dân chúng trong làng bắt đầu khôi hài gọi ông là Mila, và danh hiệu này bền vững đến nỗi đã được truyền từ đời cha đến đời con, gắn liền với những tên khác.

Lúc vừa sinh ra, cha tôi rất mừng khi nghe tin này, nên ông đặt tên tôi là Thopaga, có nghĩa là “Vui Nghe.” Cái tên này tỏ ra thích hợp kỳ lạ, vì tôi được phú bẩm một giọng hát tốt. Tuy nhiên tôi có hơi phỏng đoán, và phải ngược dòng thời gian trở lại với tổ tiên tôi, nhờ đó các người có thể hiểu được bản tướng hoàn cảnh sinh hoạt của gia đình tôi vào lúc cái chết quá sớm của cha tôi.

Người con trai của Phù thủy Mila là một tay đánh bạc kinh niên, đôi khi gặp may, nhưng điều đó chắc rất hiếm đối với ông. Vì toàn bộ của cải của gia đình đã biến mất trong một đêm vào tay một người chơi giỏi hơn ông. Hắn đã hốt sạch tất cả nhà cửa, đồ đạc, châu báu và ruộng đất vào túi hắn và luôn cả quyền sở hữu nữa. Trong khi ông cố tôi, một người hay sầu muộn, nếu không muốn nói là một người khôn ngoan, đã phải lang thang ngoài đường với Dorje Senge, tức cậu con trai chuyên nghề đánh bạc. Để kiếm sống qua ngày, ông đã tạo những trận mưa giả phá hoại rất nhiều hoa màu của dân chúng, làm những bùa chú cho trẻ con, và xua tà đuổi quỷ ở bất cứ nơi nào chúng đến quấy nhiễu dân làng.

Tuy nhiên, Dorje Senge là một người có khuynh hướng thực tiễn. Ông bắt đầu buôn bán lông cừu. Vì thế trong một khoảng thời gian ngắn, ông đã xoay xở đủ để đền bù lại những gì đã mất và tái lập cho mình thành một điền chủ có nhà cửa, có nông trại để truyền lại cho những người thừa kế mà tôi là

người cuối cùng. Ngôi nhà ông xây cho mình là một ngôi nhà nguy nga tráng lệ, bốn trụ tám cột với danh hiệu là ngôi nhà “Bốn Tám” mà người ta biết đến từ đó.

Sự giàu sang của ông cứ phát triển một cách vững vàng và của cải của ông đã hấp dẫn một số người bà con nghèo khó, họ đã bỏ phần đất quê hương của họ đến cư ngụ bên cạnh ông trong tỉnh Kyang Tsa, với số của cải ít ỏi và con cái của họ -- sự việc xảy ra không gây một ảnh hưởng nhỏ nào đến đời sống chúng tôi, đến biển cố vĩ đại đã biến hạnh phúc gia đình chúng tôi thành cảnh bi đát.

Cha tôi Mila Sharab Gyalten, mẹ tôi Karmo Kyen hay là Vòng Hoa Trắng, và bà sinh tôi vào ngày 25 tháng 8 năm con Rồng Nước Đục (năm 1055 theo D.L.). Bốn năm sau bà lại tặng tôi bé gái Gonkyt, cái tên rất khó phát âm đối với một chú bé con như tôi, chúng tôi đều gọi nó bằng cái tên thân mật Peta.

Vào những ngày đó chúng tôi hạnh phúc biết bao khi tôi và Peta chạy nhảy vui đùa trong nhà hay ngoài đồng ruộng, trang sức bằng châu ngọc và được săn sóc chu đáo, mặc quần áo đẹp, ăn uống phủ phê, sung sướng tràn trề một cách vô tư nào biết những gì sắp xảy đến. Và những người láng giềng ganh tị với chúng tôi biết bao. Bất cứ khi nào họ đến nhà chúng tôi, họ đều nói với giọng thì thầm kính sợ, ngắm nhìn những đồ đạc trong nhà bằng cặp mắt kính ngạc kính phục. Và bất cứ khi nào gặp mặt cha mẹ tôi, họ đều cúi đầu thật thấp cúi chào một cách cung kính. Và tôi cũng được hứa hôn với một cô bé gái tên là Zesay, nhưng trong những ngày đó tôi không quan tâm đến chuyện này, tôi thích Peta và những trò chơi của tôi hơn.

Khi Peta ba tuổi và tôi bảy tuổi thì cha tôi bị bệnh và sau một thời gian ngắn, người đã qua đời. Người đã ủy thác gia đình cho hai người bà con nghèo khó chăm sóc. Đó là chú và thím tôi. Họ cùng nhau nắm giữ tài sản và làm việc theo lời ủy thác cho đến khi chúng tôi trưởng thành để có thể gánh vác công việc. Lúc bệnh – sự thực cha tôi là một người dũng mãnh và được mọi người kính trọng, hầu hết họ là những tá điền của cha tôi, ông đã cho gọi tất cả những tá điền và những người bà con đến bên giường bệnh, vì thế họ có thể nghe và làm nhân chứng cho lời di chúc của cha tôi trước khi ông qua đời. Họ còn được biết những gì cha tôi đã hoạch định cho vợ con; dường như ông muốn có sự bảo vệ chắc chắn để ngăn ngừa những điều bất trắc có thể xảy ra của những người bà con gần gũi, những người mà dường như ông không hoàn toàn tin cậy.

Ôi, ông đã không nhầm tí nào, sự việc hóa ra đúng như vậy! Vào hôm đám táng cử hành, khi thi hài của ông không còn nữa, tất cả những người láng giềng đã cùng nhau tụ họp trong vườn nhà tôi. Một vài người anh em họ xa gọi ý với mẹ tôi cách thức đổi tài sản để lấy sự giúp đỡ khi nào bà cần.

Nhưng chú thím tôi đã lập tức xen vào, chứng tỏ rằng họ là những người bảo trợ duy nhất còn lại vì họ là những người bà con gần gũi nhất, vì thế họ nhất định sử dụng tài sản theo ý họ, không cần ai khuyên bảo. Dĩ nhiên họ sẽ săn sóc góa phụ mấy đứa bé mồ côi.

Hỡi ôi là lời tuyên bố quá lớn! Họ nào săn sóc gì chúng tôi. Peta và tôi sớm lang thang rách rưới, đói khát. Mùa hè bị chú bắt làm việc ngoài đồng, mùa đông bị thím bắt làm việc trong nhà. Họ nào ngó ngàng gì đến những chỗ phỏng da hay những nơi đau nhức trên thân thể chúng tôi, cũng không bao giờ bắt chí hay rận, những con vật sinh sôi nảy nở rất nhanh và rất nhiều trên thân thể nhơ nhớp vì không được tắm rửa... và những quần áo rách nát không được giặt dũ của chúng tôi. Một vài người hàng xóm thương hại chúng tôi và họ đã rơi nước mắt trước cảnh ngộ hiện thời của chúng tôi. Nhưng những kẻ khác, những kẻ nịnh hót, bợ đỡ chú thím tôi, những người bây giờ là những người giàu sang may mắn, nói khác đi, là những người chủ có ruộng đất cho thuê. Sự thực, người ta có thể thấy họ mặc quần áo, mang đồ trang sức của cha mẹ tôi, vì họ đã chia nhau mỗi người một phần sản nghiệp của tôi, không kể gì đến lời khiêu nại của mẹ tôi. Vì thế, bây giờ họ có thể tỏ ra vui vẻ trong hoàn cảnh mới của đời họ mà đối với nó, họ đã tự nâng cao mình lên. Hơn nữa, những kẻ nịnh hót bắt đầu chỉ trích mẹ tôi, người mà trước kia họ rất kính trọng và bây giờ họ gọi bà là người đàn bà yếu đuối, vô dụng; một người đàn bà có thể làm nội trợ được là nhờ có người chồng khỏe mạnh và thành công giúp đỡ.

Cha mẹ của Zesay ở trong số những người tử tế. Họ thương hại cho hoàn cảnh khốn cùng của chúng tôi. Thỉnh thoảng họ cho chúng tôi – những đứa trẻ thơ – vài món nhu cầu cần thiết để sống, và họ đã ghi vào tâm khảm chúng tôi “bài học đời” đầu tiên phải dạy cho mọi người; của cải thì vô thường và dễ tan như sương trên ngọn cỏ, bây giờ thì còn đây nhưng giờ kế sẽ ra đi. Và rồi họ an ủi tôi bằng cách quyết đoán rằng tôi cũng giống như ông cố tôi, ngày nào đó tôi sẽ giàu sang trở lại.

Trong tám năm dài, mẹ tôi chịu đựng sự bép xép, mĩa mai bóng gió của những người hàng xóm. Nhưng cuối cùng, khi tôi được mười lăm tuổi, mẹ tôi cố gắng phản kháng. Bà có một thửa ruộng riêng, hàng năm mang lại cho bà một lợi tức nhỏ, và thửa ruộng này do người em trai của bà, một người đồng tình bí mật. Nhưng rồi chúng ta sẽ thấy, người em trai của bà không có can đảm và tự tin. Năm nay, mẹ tôi quyết định dùng tất cả lợi tức của mùa gặt đem lại, làm tiệc mời tất cả những người trong làng cũng như những người bà con thân thuộc; và nhân danh tôi, đòi hỏi quyền thừa kế sản nghiệp cho tôi. Vì mục đích này, tôi và Peta cố gắng hết sức làm việc, chà xát và lau chùi, sửa soạn đồ ăn thức uống, mượn những dụng cụ và đồ đạc trang trí trong nhà những người bạn của chúng tôi. Khi ngày trọng đại này đến,

những người khách được mời đã tụ hội, giữa đám thực khách đó, cặp vợ chồng đã làm những hành động lỗi lầm kia được ưu đãi bằng những món ăn ngon nhất. Khi mọi người ăn và bia rót tự do, mẹ tôi đứng lên bước đến giữa đám đông, tay cầm tờ di chúc phát lên và bảo người em trai đọc lớn lên cho mọi người cùng nghe để làm sống lại ký ức họ có liên quan đến nội dung tờ di chúc. Sau đó, mẹ tôi khéo léo cảm ơn chú thím tôi vì họ đã giữ gìn những đồ vật tài sản chu đáo. Và rồi đến điểm quan trọng nhất, mẹ tôi yêu cầu rằng tôi, con trai bà, giờ đây đã gần đến tuổi trưởng thành, đã đến lúc quyền thừa kế phải giao lại cho tôi đảm đương và sự bảo trợ đã hết kỳ hạn.

Chúng tôi nhìn thấy khuôn mặt những kẻ ngược đãi chúng tôi kích động, vì giận dữ, những người mà, mặc dù bình thường họ không bao giờ đồng ý bất cứ việc gì, giờ đây họ tỏ ra đoàn kết để đánh đổ lời tuyên bố của mẹ tôi và coi đó như lời nói vô lý không có giá trị gì, nếu không muốn nói đó là một lời đề nghị phi lý. Họ còn ám chỉ rằng nhà cửa ruộng đất thật sự vĩnh viễn thuộc về họ, và rằng tất cả những thứ đó là cha chúng tôi đã mượn của họ. Tôi không hiểu nổi ai có thể tin được một lời tuyên bố xác lảo như thế. Họ còn nói thêm mấy câu đơn giản để cảm tạ những người trước đây đã được họ cứu cho khỏi chết đói, và họ đã thẳng tay tát vào mặt mẹ tôi mấy cái thật mạnh cuối cùng để hậu thuẫn cho những lời họ nói. Trong khi đó, Peta và tôi được bình yên. Việc này thật quá đau đớn cho mẹ tôi, khiến bà bật khóc điên cuồng rồi ngã quỵ xuống nền nhà. Người em trai mẹ tôi đứng dậy, nhưng không dám can thiệp, nghĩa là ông sợ phải gây thù chuốc oán với những đứa con trai to khỏe của kẻ thù. Những người hàng xóm có hảo cảm với chúng tôi bu quanh để cứu mẹ tôi tỉnh lại. Nhưng thím tôi vẫn chưa thôi, ra đến ngõ, bà quay lại cất tiếng chửi mắng:

“Này chúng mày đòi của mà chúng mày có thể đãi tiệc lớn như thế này này,” bà thét be be, “Tụi tao không thể đãi tiệc nổi! Đồ thứ mờ cô! Hừ! Đừng tưởng chúng mày sẽ lấy được của tụi tao đồng xu nào, chúng mày làm gì nào! Đánh đập hay nguyên rửa; tụi tao cũng chẳng cần! Chúc chúng mày một ngày tốt đẹp!” Và hai người bước đi với tất cả những tên ninh bợ, bỏ lại chúng tôi với số đông bạn bè.

Những người này chẳng bao lâu tìm được những lời khuyên trong những gì còn sót lại của rượu bia, và sau khi đã cạn những bình rượu lớn, họ đề nghị phát động một cuộc quyên tiền cho tôi đi học. Một người chú khác muốn đem mẹ tôi và Peta về nhà ông và bù lại mẹ và em tôi phải làm việc ngoài đồng cho ông. Nhưng mẹ tôi vẫn giữ được chút kiêu hãnh còn lại, người thích ở trên thửa đất riêng của mình, trong khi bà chấp nhận cuộc quyên tiền cho tôi đi học. Nhưng rồi sau một thời gian, cuộc lạc quyên đề nghị đó cũng tự nhiên chệnh mảng dần cho đến khi bị lãng quên hoàn toàn.

Vì thế, chẳng bao lâu sau cái ngày đáng nhớ đó, tôi đã khăn gói đường hoàng lên đường đến một vị thầy dạy tu, một Lạt-ma có chút ít danh tiếng, trong khi mẹ và Peta tiếp tục làm việc để sống, được sự giúp đỡ bằng nhiều cách của người chú tốt bụng và gia đình ông, nhờ đó Mẹ và Peta cũng không phải đi ăn xin. Zesay thường được cha mẹ cô ta cho phép đến thăm tôi, và cô ta thường mang cho tôi những món quà nho nhỏ. Áo quần của chúng tôi vẫn rách rưới; thức ăn của chúng tôi vẫn đơn sơ, đạm bạc, vì thế trong tôi một niềm thù hận to lớn tăng dần đối với những kẻ đã gây nên những đau khổ bất công cho chúng tôi.

*
* *

II

HUYỀN THUẬT

Vài năm trôi qua như thế, vào một hôm trường học tôi đến kỳ nghỉ hè. Thầy dạy kèm tôi, người nổi tiếng như một thầy giáo dạy học, được mời dự tiệc trong làng. Rượu rót tự do và ông uống không can được. Ông đã dắt tôi theo để hầu hạ ông, và tôi cũng trở thành một chú tửu đồ ngã say trên đường về nhà, lòng đầy hoa mộng cuộc đời và tay trĩu nặng những tặng phẩm của thầy tôi, vì tôi được cho về trước để đem quà về nhà. Nổi sung sướng tràn trề trong lòng thúc giục tôi cất tiếng hát vang, rồi say sưa với tiếng hát của chính mình nên giọng hát tôi vẫn vui vẻ hân hoan khi đi qua thửa đất nhỏ mẹ tôi đang ở trên đường về nhà thầy tôi. Mẹ tôi, đang rang lúa mạch trong nhà, không thể không nhận ra giọng hát tuyệt diệu của tôi, song bà không tin vì không thể nghĩ ra tôi có điều gì mà vui vẻ cho cam, khi nhìn lại tình cảnh gia đình tôi.

Ngay khi mắt bà xác nhận rằng tai nghe đúng, tay phải buông cái kẹp gấp, tay trái bỏ chiếc đũa khuấy, rồi một tay đẩy tro than và một tay xách một que củi, bà chạy ra khỏi nhà ném ngay nắm tro vào mặt tôi không ngần ngại, rồi tiến tới quất que củi tủa bụi lên đầu tôi, trong khi cất tiếng gọi người cha đã chết để ông về chứng kiến đứa con trai ông sinh ra chẳng xứng đáng gì, cho đến khi mẹ tôi đột nhiên ngã quỵ xuống ngất đi.

Peta nghe thấy náo động, chạy tới kêu tôi: “Anh ơi, anh nghĩ gì vậy? Anh hãy làm gì cho mẹ chứ, nhanh lên!” rồi Peta bật khóc. Việc này cùng với sự đánh đập, đã ảnh hưởng tôi trầm trọng. Peta và tôi cố gắng cứu tỉnh bà, đập đập vào tay bà để gọi bà. Chẳng bao lâu mẹ tôi tỉnh lại, bà ngồi dậy mắng chửi tôi đủ điều vì sự vui vẻ của tôi.

“Con ơi, có gì vui sướng lắm sao con có thể đến đây ca hát? Đối với mẹ, gia đình chúng ta là gia đình bất hạnh nhất trần gian và mẹ chỉ biết khóc cho sự khốn cùng của chúng ta.” Lúc này cả ba chúng tôi cùng khóc.

Rồi tôi nói: “Thưa mẹ, mẹ nói đúng lắm. Nhưng mẹ đừng buồn nữa. Con sẽ làm bất cứ điều gì mẹ muốn, con xin thề với mẹ như vậy. Mẹ thích con sẽ làm gì hở mẹ?”

Mẹ tôi đáp: “Mẹ thích nhìn thấy con kéo lê xác những kẻ thù trong cát bụi, nhưng điều đó không thể được. Việc kế tiếp hay nhất vẫn là phải đi học Huyền thuật rồi con mới có thể giết được chúng một cách an toàn, nhất là thằng chú con và con thím con, những kẻ đã đối xử với chúng ta một cách thật tồi tệ và hãy quét sạch trọn ổ, đừng để tên nào sống sót. Hãy cố gắng, nếu con làm được việc đó cho mẹ”.

Tôi thưa: “ Nếu mẹ có thể cho con tiền để trả học phí cho thầy, chắc chắn con sẽ làm được những gì mẹ bảo. Con cũng cần một ít để làm lộ phí và duy trì sự sống”.

Đó không phải là việc trở ngại với sự quyết định của mẹ tôi, vì người lập tức đổi ngay một nửa thửa đất để lấy một vòng bích ngọc, một con ngựa tơ lông trắng, và còn xoay xở góp nhặt được hai lọ thuốc nhuộm bằng rễ cây màu đỏ, hai khối đường đen. Sau đó tôi đem bán những vật này đủ tiền làm lộ phí. Vì thế tôi đã lên ngựa ra đi và tôi đã ngủ đêm tại Lữ Quán Tự Hoàn Thiện ở Gung Thang. Nơi đây tôi đã gặp những người khác cùng đường và kết bạn đồng hành với họ. Tôi đã gặp năm người thanh niên quý phái, tất cả đều có nhiệt tâm muốn học Huyền thuật, và chúng tôi đã đồng ý cùng đi với nhau. Nhưng thoát tiên, mẹ tôi từ xa đến, kéo họ qua một bên để gửi gắm với họ, tôi chỉ là cậu bé phung phí chi đó...và xin họ vui lòng chiếu cố cho tôi theo đuổi việc học hành và bắt tôi phải luôn luôn học tập.

Cùng đi với chúng tôi một quãng đường, mẹ tôi đã cung cấp bia cho chúng tôi ở những trạm nghỉ chân, nhưng cuối cùng mẹ tôi đã đến lúc phải từ giã chúng tôi. Mẹ tôi đã òa lên khóc nức nở khi từ giã, bà nói với tôi: “Hãy nhớ hoàn cảnh chúng ta mà học hành cần mẫn nghe con. Con phải là người có đủ sức để trả thù cho hủ dạ và tiêu diệt những kẻ nào đã tàn ác với chúng ta. Những bạn đồng hành với con họ học tập để kiếm danh vọng. Còn con, con học vì rất cần thiết. Nếu khi con trở về mà không thể thi triển Huyền thuật của con thì mẹ sẽ tự tử trước mặt con đó.”

Tôi rất xúc động vì biết mẹ tôi muốn nói gì. Tôi cũng khóc và hứa sẽ làm như mẹ mong muốn, và nói lời từ giã với bà.

Dĩ nhiên tôi phải đổi con ngựa tơ và mớ thuốc nhuộm để lấy mấy đồng tiền vàng. Tôi và các bạn đồng hành đã đến nơi vị thầy dạy huyền thuật ở. Tôi dâng lên ông tất cả những gì tôi có, gồm cả bản thân, sự phục dịch để đổi lấy Huyền thuật và để đổi lấy thức ăn duy trì sự sống trong thời gian tôi cần để học tất cả những gì tôi cần học.

Vị Lạt-ma mỉm cười chấp nhận. Như thế chúng tôi bắt đầu học tập không ngừng gần một năm. Vào lúc này, năm người đồng hành rất thỏa mãn với những gì họ đã học được. Họ đã giải tán để trở về nhà sau khi mỗi người đã nhận một chiếc áo tốt làm quà khi học nghề đã thành. Nhưng những gì chúng tôi đã học chỉ là những cái tên nghe rất kêu mà thôi. Tôi không cảm thấy mình đã đạt được mục đích hay cảm thấy mình bước xa hơn mép rìa của môn học. Vì thế tôi quyết định trở lại để xin học thêm. Với mục đích này, tôi đã xếp chiếc áo kỷ niệm mà thầy tôi đã tặng một cách tươm tất để làm lễ vật dâng lại ông. Đó là tất cả những gì tôi phải dâng lên.

Tuy nhiên trên đường trở lại nhà thầy tôi, tôi đã lượm một ít phân để bón cho khu vườn của ông, không biết ông đang đứng trong cửa sổ nhìn tôi. Sau

này từ một đệ tử khác mà tôi biết được ông nói rằng tôi là một người tử tế, thương người và siêng năng như thế nào. Điều này đã khích lệ tôi rất nhiều. Thầy tôi đón tiếp tôi một cách tử tế và hỏi tại sao tôi muốn học nữa. Vì thế tôi đã trút ra tất cả câu chuyện đau khổ của gia đình tôi. Việc này làm ông rất xúc động vì thương hại nên ông chấp nhận lời yêu cầu của tôi, mặc dù ông kể với tôi rằng ông đã từ chối nhiều người giàu có mang những món quà vô giá đến biểu ông để xin học. Tuy nhiên, ông đã cẩn thận phái một đệ tử đến làng tôi để điều tra và xác nhận sự thật câu chuyện của tôi. Khi ông biết chắc chắn về câu chuyện, ông gọi tôi đến và nói rằng:

“Trước kia thầy không dạy hết cho con những gì thầy biết vì thầy không biết con sẽ hành động ngu ngốc hay chính đáng. Nhưng bây giờ thầy bằng lòng truyền hết nghề cho con. Chỉ vì bước kế tiếp con phải đến một học trò cũ của thầy trong thung lũng Tsangpo, anh ta vừa là một thầy thuốc vừa là một giáo sư Mật tông. Anh ta thiện nghệ trong việc phóng nhưng trận bão đá và điều khiển chúng bằng các đầu ngón tay. Thầy sẽ viết thư giới thiệu, cho con những tặng vật cần thiết, và cho con trai thầy dẫn đường. Anh ta và thầy có hiệp ước với nhau: Bất cứ ai đến thầy muốn học những gì có liên quan đến giết chóc, phá hoại; thầy sẽ gửi đến bạn thầy. Và bất cứ kẻ nào đến anh ta muốn học cách thức để gây những trận bão đá, anh ta sẽ gửi đến thầy.”

Như thế tôi và anh con trai thầy tôi đến nhà vị thầy mới. Ông ta tiếp đón chúng tôi một cách niềm nở với sự vui vẻ lộ trên mặt. Ông ta dạy tôi tự tay dựng một cái am nhỏ thật vững chắc và tôi phải giam mình trong đó để thực tập những bài học. Cái am đã dựng xong, tôi phải mất nửa tháng để học cách phá hoại các vật ở xa. Vào lúc chót của thời gian này, tôi đã thấy một ảo cảnh, trong cảnh có một tiên nữ xuất hiện đặt dưới chân tôi ba mươi lăm chiếc đầu người be bét máu. Sáng hôm sau, thầy tôi đến báo có hai người nữa hy sinh, hỏi tôi có muốn giết họ không? Vì hai người này là chú thím tôi, tôi thưa rằng tôi muốn để dành lại cho đến khi tôi đủ sức trả thù những sự đối xử bất công của họ đối với chúng tôi, để tôi có thể được hả dạ khi nhìn thấy cảnh khốn khổ của họ. Vì thế hai người đó được thoát chết một lần.

Và bây giờ tôi kể các anh nghe việc trả thù của chúng tôi đã xảy ra như thế nào.

Người con trai trưởng của chú thím tôi lấy vợ. Nhiều người khách được mời dự đám cưới đã tụ tập trong nhà; những người khác còn đang trên đường đến dự. Họ không hăng hái đi dự cho lắm, vì họ là những người có thiện cảm với chúng tôi. Họ đang nói chuyện với nhau về những cơ duyên may mắn của tôi như việc đã học Huyền thuật để trả thù. Họ còn bảo rằng tôi có đủ sức để làm bất cứ việc gì, chắc chắn đã đến lúc Nghiệp báo đến với

đôi vợ chồng độc ác kia. Những người này vừa đến nơi thì tôi phóng Huyền thuật ra. Và đây là những gì xảy ra trong nhà chú tím tôi:

Một chị giúp việc đang từ trong nhà ra giếng xách nước, khi đi ngang qua chuồng ngựa, thật là một cảnh hãi hùng đối với chị, thay vì những con ngựa tơ trong chuồng lại là những con nhện to lớn, những con rắn và những con bò cạp, một con bò cạp khổng lồ có vẻ như muốn kéo ngã cây cột giữa chuồng. Chị hét lên và chính sự sợ hãi của chị truyền đến những con ngựa tơ đang buộc dưới nhà, một con tông mạnh vào cột khiến nó kêu răng rắc. Ngôi nhà sụp đổ tan hoang, vùi lấp ba mươi lăm thực khách. Thân thể họ nằm bên cạnh những con ngựa đang nghệt thở trong đống gạch đổ nát. Một đám mây bụi bốc lên.

Tiếng xô xát, tiếng kêu la của những người chứng kiến cảnh bi đát trước mắt nổi lên. Họ mang Peta ra tra khảo. Khi nhìn thấy cảnh xảy ra Peta xúc động gọi mẹ: “Mẹ ơi mau lên, đến xem! Nhà thím đã sụp đổ tan tành, nhiều người chết ghê quá!”

Mẹ tôi không tin tai mình khi nghe Peta nói. Bà chạy ra xem và khi nhìn thấy bên trên nơi bị tàn phá vẫn còn đám bụi mù lơ lửng, mẹ tôi chỉ còn bật lên tiếng hát reo mừng để diễn tả nỗi sung sướng trong lòng bà. Mẹ tôi gọi những người qua đường chứng kiến việc làm của đứa con trai yêu quý nhất của bà và kết thúc bằng những lời này: “Ôi con trai tôi đã cho tôi nhìn thấy cảnh sung sướng biết bao. Ôi là đại phúc cho tuổi già của tôi! Chắc chắn tất cả những buồn phiền chúng tôi đã được đền bù xứng đáng lắm rồi! Tôi sung sướng làm sao đã sống để nhìn thấy cảnh hôm nay! Trọn đời tôi chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc như lúc này!”

Bây giờ nghe những lời này, vài người lảng giềng nghĩ rằng mẹ tôi đã được minh oan. Nhưng những người khác cảm thấy rằng như thế là mẹ tôi đã đi quá đà trong việc nhà sụp người chết lại lấy làm hả hê trong lòng và họ sẽ bắt mẹ tôi tra tấn vì mẹ tôi là một bà già ác độc, nhưng họ cũng ngại khi họ nhớ lại những gì đứa con trai bà đã làm và bất cứ lúc nào hấn cũng có thể tái diễn những việc tương tự như thế, nếu có kẻ nào làm phật lòng hấn. Người ta bảo nhau rằng trước hết phải giết chết tôi đã, như thế mới có thể đem mẹ tôi ra trước hạch hỏi và trừng phạt một cách an toàn.

Chú và thím tôi lại thoát chết. Ông dùng hết sức để tấn công mẹ tôi và cố gắng giết mẹ tôi với hai bàn tay của ông. Nhưng ông bị những người trong làng không muốn thấy bất cứ một tai họa nào nữa cản lại, và họ bảo thẳng với ông rằng ông cũng đáng khiển trách nhiều như bất cứ ai đối với tình cảnh này. Rồi họ chụm đầu vào nhau lập kế hoạch ám sát tôi. Chính trong lúc ấy, cậu tôi tức người em trai của mẹ tôi, nhieác mắng mẹ tôi đủ điều bằng những lời nặng nề vì mẹ tôi đã biểu lộ những xúc cảm quá tự do nơi công

cộng. Rồi ông bảo mẹ tôi phải ở trong nhà đóng cửa cài then cẩn thận để đề phòng.

Chị giúp việc được thoát chết. Trước kia chị là người giúp việc cho gia đình tôi trong những ngày phát đạt, chị đã bí mật gửi thư cho mẹ tôi báo cho bà biết rằng tôi đang ở trong tình trạng rất nguy hiểm và nhờ mẹ tôi chuyển lời cảnh cáo đến tôi. Rồi mẹ tôi bán nốt thửa đất còn lại và đang nghĩ xem có thể ký thác món tiền cho người mang nào hộ đến tôi. Lúc đó có một người hành cước đến trước cửa nhà mẹ tôi xin ăn. Mẹ tôi bèn mời ông ta ở lại nhà ít ngày để dò xét. Rồi bà quyết định rằng ông ta là người có thể tin nhiệm được trong việc mang thư cho tôi. Vì thế bà tiếp đãi ông ta rất tử tế và tặng ông vài món quà nhỏ cần thiết.

Bây giờ người hành cước đã có một chiếc áo nhật bình vải dày đã cũ, cần phải sửa lại nhiều chỗ. Mẹ tôi đem chiếc áo ấy mượn lại lấy lệ, rồi may vàng vào trong một mảnh vải vá và trên mảnh vá đó bà may thêm một mảnh vải khác màu đen, rồi thêu một chòm sao trên đó. Mẹ tôi trả lại chiếc áo cho người hành cước và khích lệ ông bằng một món quà xinh xinh, rồi bảo ông mang thư đến tôi khi đã nói rõ chỗ tôi ở để ông tìm. Sau đó, mẹ tôi khôn ngoan bảo Peta nói với mọi người rằng người hành cước đã mang thư gửi cho mẹ tôi. Một bức thư dài do chính mẹ tôi giả mạo viết ra. Sau cùng bức thư được gửi đến người em trai mẹ tôi để phô trương cho mọi người biết. Trong thư đó, mẹ tôi làm như tôi viết về những huyền lực của tôi một cách huênh hoang, dùng những lời đe dọa tất cả những người âm mưu hại chúng tôi.

Thực tế, việc này đã làm nguội sự hăng tiết của những kẻ mưu hại chúng tôi, khiến họ sợ hãi khuyên chú tôi trả lại mẹ tôi phần nhỏ sản nghiệp của tôi, miếng đất lớn gọi là miếng Tam giác Worma, khiến mẹ tôi có vật để bán lấy tiền cung cấp cho tôi.

Người hành cước sau một hồi tìm kiếm vất vả mới tìm thấy tôi và nói cho tôi lời chào hỏi của mẹ và em gái tôi, và cùng với bức thư mà lời lẽ trong đó thật trọng đến nỗi nó hầu như hoàn toàn không có nghĩa gì hết đối với tôi, hay ít nhất cũng là phần liên quan đến món tiền cất dấu. Trước tiên mẹ tôi khen ngợi tôi và kể cho tôi biết về tai họa do tôi gây ra. Kế tiếp yêu cầu tôi phóng bão đá để phá hại hoa màu của người đã chúc xấu cho chúng tôi và báo cho tôi biết âm mưu ám hại tôi đang tiến hành. Rồi đến một đoạn thư mà tôi không hiểu đầu đuôi chi cả, viết: “Nếu con cần tiền, hãy tìm đến một thung lũng quay mặt về hướng bắc, ẩn mình dưới mây đen có chòm Thất tinh soi sáng. Đến đó con sẽ tìm thấy bảy người bà con của chúng ta. Họ sẽ cung cấp cho con tất cả những gì con cần. Nếu con không tìm thấy thung lũng, người hành cước này mang thư này sống ở đó. Chớ hỏi ai khác.”

Đây là một câu đố rất hay! Tôi không biết gì về thung lũng cũng như những người bà con sống ở đó, mà người hành cước cũng không thể trả lời được bất cứ câu hỏi nào có liên quan đến việc đó, mà cũng thấy bí ẩn như tôi. Vì thế tôi quyết định trình bức thư lên thầy tôi. Ông giảng giải về sự thù hận của mẹ tôi, muốn có những trận bão đá sau khi lòng hận thù đã hả hê. Nhưng ông cũng không rọi được tia sáng nào vào những lời bí ẩn đó. Không như vợ ông, người đàn bà nhanh trí giải đáp câu đố có vẻ dễ ợt!

Bà bắt đầu gọi người hành cước, và sau khi khảo hạch ông một chập, bà đốt một ngọn lửa lớn rồi mang bia cho ông uống, trong khi đùa nghịch cởi chiếc áo của ông ra và xoay tròn cho chiếc áo bung ra như một căn phòng nhỏ chứa không khí bên trong. Rồi bà lướt nhanh ra cửa chạy lên thang lầu đến sân thượng. Ở đây bà xé toạt miếng vải đen ra và tìm thấy vàng mẹ tôi đã giấu trong đó, bà may áo lại sau khi đã lấy tiền ra. Rồi bà trở xuống trả áo lại cho người hành cước và cho ông ta ngủ trọ lại đêm đó. Khi thấy ông ta đã yên nghỉ, bà gọi tôi:

“Thopaga, Thầy cần con.”

Lúc đi vào phòng thầy, bà đưa cho tôi bảy thẻ vàng. Tôi hết sức ngạc nhiên hỏi bà làm sao tìm được vàng. Bà nói, “Con ơi, mẹ con là một người đàn bà rất thông minh. Thung lũng quay mặt về hướng bắc là chiếc áo của người hành cước, vì một thung lũng ở hướng bắc không bao giờ thấy mặt trời và ánh mặt trời cũng không thể xuyên qua chiếc áo nhật bình được. Đám mây dĩ nhiên là mảnh vải đen và chòm Thất tinh là bảy ngôi sao trên trên đó. Mẹ con bảo chỉ cần hỏi tin tức nơi người hành cước là để hướng sự chú ý của con đến ông ta.”

Bài toán nan giải có vẻ đơn giản như trò chơi trẻ con mà những người đàn ông chúng tôi cảm thấy bàng hoàng vì sự giải bày đó do sự nhanh trí của một người đàn bà. Thầy tôi nói, “Trực giác đàn bà là câu ngạn ngữ; đây là một bằng chứng rõ ràng.”

Vì thế tôi thưởng cho người hành cước một phần nhỏ thẻ vàng, phần lớn hơn cho vợ của thầy tôi, và dâng lên Thầy tôi ba thẻ với lời yêu cầu ông phải dạy tôi thuật tạo và điều khiển những trận bão đá. Nhưng ông thích gửi tôi trở lại vị thầy trước để học môn này, theo hiệp ước của hai người. Rồi ông cho tôi thư giới thiệu và một chiếc khăn quàng để tặng vị thầy trước.

Khi tôi đến nhà vị thầy trước, ngôi nhà mà tôi chỉ từ già nó vài tuần trước đây, tôi trình thư, khăn quàng cổ, và dâng lên ông ba thẻ vàng còn lại. Sau khi ông hỏi về sự thành công trong cuộc thí nghiệm Huyền thuật trước của tôi, ông chấp thuận và cho tôi bắt đầu học ngay. Rồi tôi giam mình trong một cái cốc bảy ngày để luyện tập những điều tôi đã học. Cuối ngày thứ bảy, mây đen tụ hội, sấm chớp âm âm khi tôi chú tâm niệm chú, nhưng thầy tôi không cho tôi phóng bão đá, chờ đến khi đúng thời cơ cho cuộc phá hoại hoa

màu vĩ đại nhất. Vì thế tôi phải chờ cho đến khi những bông lúa mạch no hạt trĩu nặng. Cuối cùng ngày đó đã đến. Tôi được phép về làng để phóng một trận bão lớn.

Cùng đi với tôi là một người bạn học, một người được người ta chú ý đến vì tốc độ chạy nhanh và sức mạnh phi thường của anh ta. Hai chúng tôi nguy trang thành hai người ăn mày để tránh sự nhận diện và tìm đường riêng hướng về nhà tôi. Trên đường đi, chúng tôi nhìn những thửa ruộng hai bên đường với hoa màu thừa thãi. Thực tế, khi chúng tôi đi gần, các bậc trưởng lão trong làng bảo rằng suốt đời họ chưa bao giờ thấy mùa hoa màu nào trù mật như thế. Tất cả mọi người đang đứng chờ gặt từ lâu, bởi vì số lượng to lớn của hoa màu mùa này nên người ta cùng chấp nhận một điều luật phụ là mọi người bắt đầu gặt một lượt và không ai được chiếm phần tiện lợi hơn người khác.

Ồi là một đấu trường để tôi phô diễn Huyền thuật! Chúng tôi chọn một ngọn đồi leo lên để nhìn xuống cái thung lũng tôi đã biết từ thuở bé và ở đó tôi đã triu mến đặt những đồ vật chuẩn bị phóng trận bão đá. Rồi tôi bắt đầu niệm thần chú.

Không có gì xảy ra cả! Tim tôi ngừng đập. Rốt cuộc không phục thù được sao? Tôi kêu gọi các thần linh và tuôn ra tất cả câu chuyện đau khổ của tôi cho các ngài nghe và cuối cùng tôi đập chiếc áo xuống đất. Khóc vì buồn khổ, vì những kỷ niệm quá khứ.

Ngay lúc đó những đám mây đen khổng lồ tụ lại, chẳng bao lâu trận bão đá đổ xuống trong khi sấm dậy ầm ầm và chớp giăng tứ phía. Chẳng mấy chốc, những thửa ruộng trở thành bình địa tang thương. Những bông lúa mạch no tròn xinh xắn tã tơi trên mặt đất. Mấy hố dài hiện ra trên sườn đồi vì con bão đá xuôi chiều đổ xuống tạo thành những lòng sông. Mưa đập, rồi gió cuốn. Dần dần bị ướt lạnh. Chúng tôi tìm được một cái hang trên đồi. Chúng tôi chui vào hang và đốt một bụi cây rậm lấy lửa để sưởi ấm và hơ khô quần áo. Trong khi ngồi ở đó, chúng tôi nghe có tiếng của vài người dân làng bị bão trong khi ra ngoài săn bắn, vọng đến rồi tan đi. Họ định mang cuộc chơi về nhà để dự lễ đầu mùa, ngày lễ mà tất cả mọi người đều tham dự vui mừng. Chúng tôi nghe họ nói:

“Hừ Thopaga, cái thằng đó là tai họa của xứ này. Có trời mới biết nó giết bao nhiêu người. Và bây giờ hãy nhìn xem mùa màng chúng ta – ôi tan hoang! Nếu tụi mình mà chộp được cái thằng đó, phải xé xác nó ra.”

Khi họ đi ngang qua hang, một người lớn tuổi nói:

“Suyt! Đừng có nói lớn. Tôi thấy khói lên ở cái hang đằng kia. Không biết ai ở trong đó.”

Rồi một người trẻ hơn nói: “Tôi cá đó là thằng Thopaga. Nó không thể thấy chúng ta đâu. Chúng ta hãy chạy về làng tập trung một toán lính tuần kéo lên vây hang rồi bắt nó giết đi kéo nó gây thêm tai họa nữa.”

Chúng tôi lắng nghe, tiếng chân họ xa dần. Rồi bạn tôi, người có đôi chân chạy rất lẹ và sức mạnh như sư tử, nói: “Anh hãy chạy nhanh lên, để tôi giã anh đánh lừa bọn họ.”

Vì thế, chúng tôi hẹn gặp nhau ở Lữ quán Tingri. Đã biết tài chạy lẹ của anh ta, tôi không lưỡng lự gì cả về việc bỏ anh ta lại đó, tôi bắt đầu chạy nhanh, chỉ tiếc một điều là phải bỏ qua cuộc viếng thăm thích thú với mẹ và em gái tôi trong khi họ ở rất gần đó. Vì vết thương chó cắn, tôi đến nơi hẹn trễ. Nhưng khi gặp bạn, anh ta kể cho tôi nghe việc anh ta đã đánh lừa những người đuổi theo anh ta như thế nào. Chạy được một quãng, anh ta dừng lại đợi họ, rồi lại đổ ra chạy nữa. Mỗi khi dừng lại, anh ta dùng lời nói chế giễu bọn họ, làm như anh ta là tôi: “Coi kìa! Thằng thứ nhất tấn công tao, tao sẽ dùng bùa chú đánh cho biết tay. Tao rất hả dạ về những người bị tao giết chết và mùa màng bị tàn phá, hừ cũng do chính tay tao! Nếu tụi bay không để mẹ và em gái tao yên và đối xử tử tế với họ, tao sẽ giáng họa xuống cả thung lũng thành sa mạc. Tụi bay xem tao làm hay không thì biết.” Những lời này làm những kẻ rượt theo anh ta kinh sợ, họ tưởng anh ta là tôi nên bỏ cuộc rượt đuổi và tụ lại một chỗ. Cuối cùng họ quyết định phải can đảm hay tốt hơn hết chính là thận trọng. Vì thế, họ bỏ cuộc và ai về nhà nấy, mỗi người trách những người kia đã khơi dậy lòng uất hận của tôi.

Anh ta cũng kể cho tôi biết, khi đến Lữ quán Tingri anh ta hỏi tìm tôi, người chủ quán bảo rằng ở đó không ai thấy hình dạng tôi đâu cả. Rồi ông ta thêm: “Những người lang thang như các anh đi đâu chả có chỗ ngụ nhạ. Này, đảng kia có đám cưới, sao không nhập bọn với thực khách? Nếu muốn uống, hãy cho tôi mượn cái bát đi.”

Anh ta nhận sự bố trí tử tế này và tìm đường đến nơi có đám cưới. Đến nơi, người ta đang dọn bữa điểm tâm, anh ta tìm thấy tôi ở đó và hỏi tôi bị trở ngại việc gì. Vì thế, tôi kể cho anh ta nghe việc bị chó cắn.

Anh ta nói: “Không sao,” và chúng tôi tiếp tục đến vị thầy trước của tôi. Ông đã biết rõ chuyện bằng cách dùng Huyền thuật của ông. Vì thế ông ca ngợi chúng tôi ngay trước khi chung tôi mở miệng nói.

Và đây là cách tôi đã nhúng tay vào Huyền thuật để làm những việc ác bằng cách trả thù những kẻ thù của tôi, và vì thế nhiều xác chết đã được mang đến đặt trước cửa nhà tôi.

*

*

*

III

CẦU ĐẠO

Chúng tôi đã chăm chú lắng nghe Milarepa kể chuyện về những phiền não và kinh nghiệm của người trong thời thơ ấu và sự lạc đường của người trong thế giới Huyền thuật. Và bây giờ chúng tôi lại nóng lòng muốn biết làm sao người đã thực hiện cuộc thay đổi quá vĩ đại như thế từ cuộc sống đầy đau buồn thù hận sang cuộc đời đạo nghiệp thâm uyên. Với cuộc đời bắt đầu như thế làm sao người có thể tránh được sự chìm sâu hơn nữa? Tất cả chúng tôi đều muốn biết những gì đã xảy ra tiếp theo, vì thế tôi hỏi: “Bạch thầy, xin thầy kể cho chúng con nghe, làm sao thầy quay về với tôn giáo và thầy bắt đầu như thế nào?” Jetsun tiếp:

* * *

Thời gian đi qua, phản ứng bước vào, lòng tôi ngập tràn hối hận vì những người đã chết và sự phá hại do tôi gây ra, tôi bắt đầu ao ước Chân Tri, Chân Tín. Cuối cùng khi sự ao ước đó trở thành một ám ảnh đến nỗi tôi không thể nghĩ đến việc gì khác được. Bất an là đặc tính nổi bật trong giai đoạn này; nếu tôi ngồi, tôi lại muốn đi quanh quần; nếu tôi đang đi thơ thân, tôi lại muốn ngồi. Tôi không thể ăn hay ngủ; nhưng dù thế nào đi nữa, tôi cũng không thể đem điều đó nói cho thầy tôi biết và như thế tôi vẫn tiếp tục hầu hạ ông, luôn luôn tìm cơ hội thuận tiện xin phép từ già ông để sống cuộc đời tu hành.

Rồi một hôm, hoàn toàn bất ngờ, cơ hội đã đến với tôi. Vị Lạt-ma đã vắng nhà mấy ngày để thăm một người bạn cũ của ông bệnh nặng và đã chết ngay khi còn ông ta ở lại với người bạn. Khi ông trở về, chú ý sắc mặt u buồn, băn khoăn của ông, tôi đánh bạo hỏi ông có việc gì, ông đáp:

“Đời thật vô thường. Đêm qua người bạn của thầy qua đời và thầy rất buồn về việc này. Trên thế gian này biết bao tang thương! Đời thầy đã lãng phí trong việc nghiên cứu và luyện tập Huyền thuật và như thế thầy đã tạo ra sự chết chóc, nỗi đau khổ cho đời này. Và con ơi, rồi con cũng sẽ chết theo vết chân thầy, giờ đây con đã chồng chất ác nghiệp; việc này cũng gia tăng thêm nghiệp cho thầy bởi vì thầy có trách nhiệm đối với con. Ước gì bây giờ thầy có thể hiện mình học Đạo. Nếu con có thể ở lại chăm sóc con cái và học trò của thầy, thầy sẽ đi – hoặc là con hãy đi học Chân lý cho hai chúng ta, để cứu vớt thầy và cứu vớt chính con. Con còn trẻ có nhiều năng lực và kiên trì. Hãy đi đi và làm người cầu tìm chân thành.”

Không còn gì phù hợp với lòng tôi hơn, vì đó là tất cả những gì tôi muốn nghe ông nói. Vì thế tôi xin phép ông cho tôi khởi sự ngay. Hơn nữa, ông còn cho tôi thêm một con bò yak, một gói vải len để làm lễ vật. Ông cho tôi biết phải đến nơi nào. Tôi phải đến làng Nar ở trong thung lũng Tsang, đến một Lạt-ma phái Cổ Mật tông. Vị Lạt-ma này nổi tiếng về các Năng lực Thượng thừa, vì thế thầy tôi muốn gửi tôi đến đó và muốn tôi học tập chuyên cần.

Tôi đến Nar vào một ngày nọ.

Khi tôi đến, vị Lạt-ma không có ở nhà, nhưng tôi gặp bà vợ và các đệ tử của ông. Họ chỉ cho tôi chỗ ông đang ở; bất cứ ai chỉ dẫn, tôi cũng lễ tạ họ. Cuối cùng tôi đã đến chỗ ông ở. Tôi dâng con bò yak và gói vải len vị Lạt-ma. Tôi kể cho ông nghe tôi là con người độc ác như thế nào và tôi đã từ Cao nguyên Miền tây đến đây theo lời yêu cầu của Thầy tôi để cầu Chân lý, tìm sự giải thoát cho cả hai chúng tôi ra khỏi vòng sanh tử luân hồi trong thế giới huyền ảo này. Rồi tôi cầu xin ông chỉ dạy cho tôi.

Ông nhận lễ vật và nói: “Giáo lý của ta gọi là Giáo lý Đại Hoàn Thiện, là ba hoàn thiện và gập đôi ba hoàn thiện, hoàn thiện ở rễ, hoàn thiện ở thân và cành, nghĩa là ở đầu, ở giữa và ở cuối. Và ‘nó ban phúc cho kẻ cho và người nhận,’ quả của nó là Tri thức Du già. Bất cứ ai thiên định chỉ trong một ngày thôi cũng được giải thoát. Về tâm cũng như về trí, đối với những người thượng căn chỉ nghe nói cũng đủ thấy giải thoát, chẳng cần thiên định gì hết. Nó dành cho những người phát triển ở độ cao nhất. Ta tặng nó cho anh.”

Rồi ông cho tôi nhập môn và dạy tôi giáo lý đó.

Trong tình trạng ác hại của tôi, lời dạy của giáo lý ấy cứ đi vào óc tôi không thể tránh được, và tôi bắt đầu suy nghĩ làm sao tôi đã mất một hay hai tuần để làm chủ những bài thần chú Huyền thuật và bây giờ tôi đã tìm được một Giáo lý giải thoát tôi chỉ qua đêm thôi, bất cứ khi nào tôi muốn ngừng lại hay suy nghĩ về nó, đúng như vị Lạt-ma đã nói, những người đầu óc mở mang cao độ chỉ cần nghe thôi cũng có thể giải thoát, đầu óc tôi bắt đầu căng phồng và tôi không cần cố gắng để thiên định hay luyện tập những gì tôi đã được dạy.

Vì thế, vài hôm sau vị Lạt-ma đến nói với tôi mấy lời thẳng thắn như vậy:

“Thopaga,” ông nói, “anh bảo anh là một người ác, có lẽ tôi cũng đã khoác lác một chút về hiệu lực giáo lý của tôi. Dù sao tôi thấy tôi không thể dạy hay chuyển hóa anh được, anh ở vượt quá năng lực của tôi. Trong thung lũng Lúa Mì có một đệ tử của bậc Đại thánh Thiên trúc Naropa ở đó. Ông ta là Dịch giả Marpa, một bậc thầy chú giải các bản kinh văn. Anh và ông ta có duyên với nhau từ mấy kiếp trước. Hãy đến với ông ấy đi!”

Bấy giờ nghe danh hiệu Marpa Dịch giả, một cảm giác rúng động lạ lùng chạy qua người tôi, và toàn thể hệ thống thần kinh của tôi dường như ở trong trạng thái rung động, và như thế tôi biết ông ta là bậc Chân Đạo sư của tôi. Vì thế, không lãng phí giây phút nào, tôi nhặt vài quyển sách, vì bây giờ đó là những vật sở hữu duy nhất của tôi, và lấy chút ít thực phẩm cho cuộc hành trình, và tôi khởi hành. Trong óc tôi một câu hỏi bùng cháy: ‘Bao giờ tôi gặp được Đạo sư của tôi?’

Sau này tôi biết rằng đêm trước khi tôi đến, Sư phụ Marpa đã thấy một giấc mộng kỳ lạ: Sư ông, Đạo sư Naropa, hiện đến và đem cho ông một cái chày kim cang (dorje) đã mờ vì bụi bám và một bình vàng đựng nước thánh, bảo ông nếu lấy nước ấy rửa sạch cái chày kim cang sẽ được một đại hảo sự cho tất cả mọi thế giới. Ông đã vâng lời Thầy làm việc đó nên chư Thiên nhân trong khắp Vũ trụ đều kính lễ. Bấy giờ, kỳ lạ hơn nữa, khi vợ ông mang bữa điểm tâm đến cho ông, thuật lại cho ông nghe bà cũng thấy một giấc mộng có ý nghĩa tương tự, rửa sạch một chiếc hộp đựng thánh tích.

Sư phụ Marpa không kể giấc mộng của ông cho vợ nghe, chỉ bảo bà rằng ông sẽ đi xuống đồng cày ruộng và bà phải sửa soạn bia cung cấp đầy đủ cho ông và vài người khách ông mong đợi. Dù vợ ông phản đối rằng một vị Lạt-ma không phải đi làm những việc của người lao động tầm thường, và mặc cho hàng xóm muốn nghĩ gì thì nghĩ, ông bắt đầu đi làm chẳng buồn cãi cò gì về việc đó. Sau khi cày được ít đất, ông ngồi nghỉ và chờ tôi đến.

Chính khi đó tôi đang đi dọc theo một con đường, vừa đi vừa hỏi thăm. Tôi hỏi những người đi đường Dịch giả Marpa ở chỗ nào, Marpa cũng còn nổi tiếng là một Đại Hành giả Du già, nhưng dường như không ai biết. Cuối cùng tôi tìm được một người có nghe nói về Marpa, nhưng anh ta không biết đại danh vang dội của ông. Vì thế tôi hỏi thung lũng Lúa mì ở chỗ nào, anh ta chỉ hướng cho tôi, thêm rằng Marpa ở đó. Rồi tôi hỏi ngoài cái tên Marpa, ông ta không còn danh hiệu nào khác sao. Anh ta nói đôi khi người ta gọi ông ta là Lạt-ma Marpa, do đó tôi biết như thế là sắp kết thúc cuộc hành trình của mình. Tôi tiếp tục bước đi, thỉnh thoảng lại hỏi thăm đường. Nhưng chỉ hoài công.

Cuối cùng tôi gặp một thanh niên ăn mặc rất xa hoa, tươm tất, tôi tiến đến hỏi về Marpa, anh ta đáp:

“Ồ, anh muốn hỏi cha tôi, người thường bán tất cả đồ đạc trong nhà rồi biến mất sang xứ Thiên Trúc một thời gian, rồi lại trở về với từng cuộn, từng cuộn giấy ấy chứ gì. Nếu đúng là ông, hôm nay anh sẽ tìm được ông cày ruộng ngoài ruộng kia, ông làm cái việc từ trước tới giờ ông chưa bao giờ làm.”

Tôi có thể tưởng tượng được phần đầu câu trả lời của người thanh niên đã xác định được Marpa Đại Dịch giả, nhưng thấy khó tin được ông ta đi cày

ruộng, hơn nữa trước giờ ông ta không bao giờ làm việc đó. Nhưng tôi vẫn thẳng đường ra đồng theo hướng đã chỉ.

Ngay khi mắt tôi chạm phải một bóng người ngồi đó, tim tôi đập thình thịch và cảm thấy sự hồi hộp chạy suốt qua khắp thân tôi như lần đầu tiên nghe tên ông. Lòng tôi tràn ngập sung sướng xuất thần. Tôi hỏi đường một lần nữa. Tôi đã hỏi một cách rất cung kính chỗ ở của Marpa, môn đệ của Naropa lừng danh xứ Thiên trúc. Ông đưa mắt nhìn tôi từ đầu đến chân một lượt rồi hỏi: “Anh ở đâu đến và muốn gì?”

Tôi kể cho ông nghe những gì tôi đã kể với vị Thầy trước của tôi. Rằng tôi là một người độc ác như thế nào và từ Cao nguyên miền Tây đã nghe đại danh đại trí của Lạt-ma Marpa nên đến đây xin học Đạo và đạt Giải thoát.”

Đức Lạt-ma đáp: “Hay lắm, tôi sẽ giới thiệu anh với ông ta, nếu anh cày xong thửa ruộng cho tôi.” Rồi sau khi cho tôi tôi uống bia lấy sức, ông bỏ tôi ở lại cày ruộng với bia mà tôi đã uống hết một cách nhanh chóng.

Ông sai người con trai đến gọi tôi về nhà. Tôi thấy đức Lạt-ma ngồi trên bồ đoàn, đã tắm rửa sạch sẽ và thay đổi y phục, nhưng những vết bầm vẫn còn trên lông mày và lỗ mũi tố cáo cho tôi biết. Cái bụng phệ của ông nhô ra phía trước hơn bao giờ hết khi ông ngồi ở đó. Tôi nhìn quanh căn phòng để xác định cho chắc ông là đức Lạt-ma đó, nhưng tôi không thấy ai nữa ngoài ông, và ông lên tiếng:

“Dĩ nhiên là anh không biết tôi. Tôi chính là Marpa đây, vậy anh có thể làm lễ được rồi.” Tôi cung kính lập tức vâng lời. Tôi quỳ lạy cúi đầu dưới chân ông, rồi tôi lập lại lời tự thú về những việc làm độc ác của tôi, xin ông chỉ dạy và cho chỗ ở và thức ăn để sống trong thời gian thụ giáo.

Ông hỏi về tính chất những hành động lỗi lầm của tôi nhưng không tỏ ra quan tâm đến những lỗi lầm đó. Và khi tôi tự dâng cả tâm hồn lẫn thể xác của tôi cho ông, ông tỏ vẻ bằng lòng, nhưng bảo rằng ông chỉ có thể cho tôi hoặc giáo lý hoặc chỗ ở và thức ăn chứ không thể cho cả hai được, vậy tôi chọn thứ nào?

Tôi thưa: “Bạch ngài, con đến đây với ngài là để cầu học Chân lý, còn về thức ăn và quần áo con sẽ tự tìm lấy.”

Như thế là tôi đã ổn định. Nhưng khi tôi sắp đặt mấy cuốn sách quý của tôi lên bàn thờ thì ông chặn tôi lại, hiển nhiên cảm biết được sách thuộc loại Huyền thuật, ông bảo: “Hãy cất những thứ đó đi, ta không muốn những Kinh điển thiêng liêng và những Thánh tích của ta bị ô uế vì sự có mặt của chúng.” Vì thế tôi phải cất những cuốn sách đó ở căn phòng nhỏ bé tôi ở, và bà vợ của Thầy tôi bắt đầu nuôi dưỡng và săn sóc tôi rất chu đáo.

*

*

*

IV

ĐÈN TỘI

Bấy giờ tôi cần phải tìm những lễ vật để dâng lên Đạo sư tôi. Vì thế tôi bắt đầu làm một cuộc hành khất gấp rút. Và sau khi leo đèo, vượt suối và đi khắp vùng quê, tôi trở về mang theo nhiều dạ lúa mạch để đổi lấy một chiếc bình bằng đồng nguyên vẹn với bốn quai cầm. Hơn nữa, cuộc đổi chác còn đem lại cho tôi một ít thịt và bia. Tôi cho phần lúa mạch còn lại vào một cái bao và xếp tất cả những vật đổi được vào bao thành một đống cao nghệu rồi vác về nhà của Đạo sư tôi.

Bao đồ quá nặng nên khi vừa đến nhà, tôi buông nó từ trên lưng xuống kêu một tiếng “bịch” nặng nề làm cả nhà giật mình, và Thầy tôi dậm chân nhảy lên, hét: “Ô hô! Mi cho là mi mạnh lắm phải không? Mi muốn phá nhà để biểu diễn sức mạnh cho chúng ta xem à? Hãy mang cái đồ đó đi chỗ khác!” và liền với câu nói, ông đá bay bao lúa mạch ra ngoài nhà. Tôi phải đi nhặt những đồ vật bị đổ ra, góp lại trên lối đi. Hỡi ôi, Thầy tôi là một người nóng tính làm sao! Nhưng niềm tin của tôi nơi ông là một vị Đạo sư vẫn không gì lay chuyển. Vì thế tôi quyết định xử sự đúng đắn hơn khi có mặt ông. Sau khi lấy tất cả những đồ vật trong chiếc bình đồng ra, tôi mang nó vào nhà, lòng hơi e dè, tôi cung kính làm lễ và dâng chiếc bình lên Thầy tôi.

Ông đặt một bàn tay trên chiếc bình, như thế có nghĩa là ông chấp nhận, một sự nhẹ nhõm lớn đối với tôi; và dường như ông mất hút trong sự cầu nguyện. Sau một lúc, tôi nhìn thấy những giọt nước mắt lăn dài xuống hai má ông khi ông nói: “Ấy là điềm lành, ta dâng nó lên Đạo sư Naropa của ta,” và ông đưa bàn tay lên như đang dâng hiến một vật gì. Kế đó ông lúc lắc chiếc quai bình và đập mạnh tay lên nó làm nó kêu vang. Cuối cùng ông cầm chiếc bình đến trước bàn thờ và lấy loại bơ cháy được mà ông dùng để rót vào những chiếc đèn trên bàn thờ đổ đầy cái bình.

Ngày lại ngày, suốt mấy tuần lễ, tôi khẩn khoản cầu xin ông dạy giáo lý, cuối cùng ông nói: “Ta có nhiều đệ tử từ xa cố gắng đến đây, nhưng bị bọn cướp chặn cừu phá phách trên vùng đồi phục kích đánh cướp. Hãy đến đó phóng một trận bão đá phá hết hoa màu của bọn chúng đi rồi ta sẽ dạy Đạo lý cho anh.”

Vì thế tôi đã đi phóng những trận bão đá kinh khủng xuống bất cứ nơi nào tôi tìm thấy bọn cướp. Rồi tôi trở về trình báo đã làm xong lời hứa nhưng chỉ gặp sự từ chối chua cay:

“Cái gì! Anh tưởng mấy con bão đá nho nhỏ đó xứng đáng với Chân lý ta phải trăm cay nghìn đắng mới học được từ bên Thiên trúc sao? Nay, bây giờ

nếu anh là người đứng đắn thì hãy dùng bùa chú tiêu diệt tất cả những người của các bộ tộc khác trong vùng Lhobrak vì họ đã đánh cướp các đệ tử của ta và đôi khi còn làm phiền ngay cả ta nữa, rồi ta sẽ dạy anh Đạo lý có thể đạt được Giải thoát và thành Phật ngay trong chỉ một đời thôi.”

Tôi lại tức khắc vâng lời ông. Tôi dùng Huyền thuật khiến cho người trong các bộ tộc bắt đầu đánh nhau và kết quả nhiều người chết. Tôi trở về, lòng đầy hy vọng lần này tôi có thể đạt được điều mơ ước vĩ đại từ lâu. Nhưng rồi một lần nữa, những hy vọng trong lòng tôi tan vỡ chua cay. Thầy tôi đón mừng tôi một cách tử tế và tặng tôi danh hiệu “Đại Phù thủy,” nhưng khi tôi yêu cầu dạy Giáo lý, ông cười àm lên và hỏi tôi làm sao ông có thể truyền Đạo lý cho tôi để trả giá những hành vi tàn ác đó, dù rằng tôi đã làm tròn phận sự. Ông bảo: “Hãy đi đi, trước tiên hãy hoàn nguyên lại tất cả những gì anh vừa phá hoại; hãy cứu sống những người đã chết và hoàn trả đầy đủ số hoa màu bị tàn phá.” Rồi ông bắt đầu mắng nhiếc tôi dữ dội, tưởng chừng như ông sắp đánh tôi. Tôi vừa bước đi vừa khóc trong thất vọng, trong khi đó bà vợ của Thầy tôi đến cố gắng an ủi tôi.

Có lẽ đêm đó bà đã nói gì với chồng, nên sáng hôm sau ông tìm tôi bảo:

“Có lẽ hôm qua ta hơi quá nóng một chút, nhưng con đừng để trong bụng nhiều làm gì. Hãy kiên nhẫn đi, vì cuối cùng ta sẽ dạy cho con. Bây giờ thì thời giờ vẫn còn thông thả mà dường như con là người khéo tay, ta đề nghị con xây cho thằng con của ta một ngôi nhà. Khi nào xây xong đường hoàng, không những ta dạy con Giáo lý mà còn cho con thức ăn quần áo trong lúc con học tập nữa.”

Khá nghi ngờ, tôi đánh bạo hỏi ông:

“Rồi sẽ ra sao nếu con chết trước khi con được học Đạo lý và đạt được Giải thoát?”

Ông thuyết phục:

“Ta quả quyết rằng con không chết như thế đâu. Với Giáo lý của ta, ấy là tùy con, chính con, vì con có vẻ đầy năng lực, để đạt Giác ngộ ngay trong đời này, nếu con muốn. Môn phái ta hơi khác những môn phái khác, chúng ta nương nhờ vào những phát khởi từ Suối Nguồn Thượng Thừa và sự trực ngộ.”

Được bảo đảm như thế, tôi hỏi đồ thị ngôi nhà để xây cất theo ý muốn. Bây giờ nhìn lại tôi mới thấy đức Lạt-ma đã thực sự dùng một công mà được hai việc. Vì ông muốn xây ngôi nhà tại vị trí đặc biệt mà những người có cùng lợi ích đã đồng ý để trống chỗ đó, vì thế cần thiết phải làm lạc hướng sự chú ý của họ đối với mục đích thực sự của ông bằng cách bắt đầu sự xây cất ở một chỗ khác, nhưng ông cũng muốn thử tôi một cách hoàn toàn nhất về sự đền tội những hành vi độc ác của tôi – và đây là điều thực sự ông cần phải làm. Thực tế, cuối cùng ông đã đạt được cả hai mục đích.

Đức Lạt-ma bắt đầu đem tôi lên một ngọn núi quay mặt về hướng đông và ra lệnh cho tôi xây ở đó một ngôi nhà hình tròn. Một hôm ông đến xem khi ngôi nhà đã xây lên được một nửa và rồi sau một hồi quan sát ông bảo rằng ông đã đổi ý. Vì thế tôi phải phá bỏ những gì tôi đã xây và mang những tảng đá trả lại chỗ cũ của chúng. Rồi ông dẫn tôi đến một ngọn núi khác quay mặt về hướng tây, bảo tôi xây một ngôi nhà hình trăng lưỡi liềm; và rồi việc cũ lại xảy ra. Một lần nữa, tôi phải mang trả lại nguyên chỗ từng tảng đá theo lệnh của ông; vì ông bảo rằng ông đã hơi khắc khe một chút khi ông ra những mệnh lệnh như thế.

Ngôi nhà thứ ba quay mặt về hướng bắc và có hình tam giác. Tôi hơi áy náy trong lòng vì nghĩ rằng thật là phí thì giờ, phí tiền bạc để xây rồi phá như thế này. Nhưng được đáp lại bằng sự trầm lặng lạnh lùng, và tôi phải thực hiện theo ý ông muốn... Một lần nữa, nào đá lớn, đá nhỏ đè nặng trên vai tôi và ngôi nhà mới bắt đầu thành hình.

Thật hãi quá! Khi ngôi nhà mới xây xong được một nửa, một hôm Thầy tôi đến tỏ vẻ khó chịu và hỏi tôi tại sao lại xây một ngôi nhà hình dáng đặc biệt như thế này. Thật là điên đầu và chán nản, tôi nhắc lại rằng đó là ý riêng của ông.

“Ta không bảo anh xây như thế này,” ông rống to. “Hoặc nếu có bảo, lúc đó ta bị mất trí.”

Tôi đánh bạo thưa: “Nhưng bạch thầy, thầy không nhớ con đã yêu cầu thầy suy xét kỹ, rồi bây giờ bắt con bắt đầu xây lại, thầy muốn như thế nào?”

Ông chế nhạo: “Ồ, anh viện dẫn gì thế? Có phải anh đang cố gắng đọc thần chú để tiêu diệt ta bằng cách bằng cách muốn bắt ta nhốt vào trong ngôi nhà tam giác huyền bí đó? Thật là khiến cả qui thần chung quanh đây cũng phải phát điên. Hoặc anh phá nó đi và mang những tảng đá đó trả lại chỗ cũ hoặc là bỏ tất cả đi vì ta sẽ không dạy cho anh nữa trừ phi anh làm theo lời ta bảo.”

Thầy tôi dường như quá phần nộ khiến cho tôi tự cảm thấy chính mình khó sai bảo, nhưng vì không có việc gì khác để làm, tôi lại khom lưng vác từng tảng đá trả lại hàm đá, hết hy vọng bao giờ cũng làm vừa lòng Thầy. Nhưng tôi cần Giáo lý đến nỗi tôi không thể làm được việc gì khác trừ vâng lời ông một cách tuyệt đối. Bây giờ trên lưng tôi, giữa hai bả vai đã đau đớn vô cùng, nhưng tôi không dám nói ông biết, sợ ông lại tức giận nữa; cũng không dám nói với vợ ông, e rằng bà nghĩ tôi đang cố gắng tìm cách làm mọi người chú ý đến việc làm nặng nhọc của tôi. Vì thế, tôi im lặng làm việc, chỉ nhờ bà cố gắng thuyết phục chồng bà dạy cho tôi chút ít. Người đàn bà đứng tuổi có tâm hồn mẹ hiền này đến nói thẳng với chồng rằng sự xây cất vô ích của ông đã làm cho tôi chán ngán và bà xin ông dạy cho tôi chút ít.

Thầy tôi bảo:

“Hãy đi nấu cơm đi rồi mời hẳn vào.” Bà bèn đi nấu cơm ngay, xong đợi tôi vào ăn cơm. Sau khi chúng tôi ăn xong, đức Lạt-ma nói:

“Này Đại Phù thủy, đừng có buộc cho ta những việc ta không làm như hôm qua nhé. Bây giờ ta sẽ dạy cho anh.” Rồi ông dạy cho tôi về ba ngôi Tam Bảo, và mấy Giới luật và ông kết thúc: “Đây là Giáo lý cụ thể. Nếu anh muốn được truyền thụ Tri thức Thượng thừa, anh phải kiếm cách lấy.” Và ông kể cho tôi nghe câu chuyện Đạo sư Naropa, rồi thêm: “Dĩ nhiên đây là điều quá cao xa đối với anh, ta sợ anh khó đạt đến.” Điều này làm tim tôi xúc động mạnh, mắt tôi rơi lệ; tôi quyết tâm vâng lời Đạo sư của tôi mọi việc.

Vài hôm sau, ông dắt tôi đi dạo và khi đến địa điểm nơi ông đã bị cấm xây cất, ông bảo tôi xây ở đó một ngôi nhà bốn mặt thông thường, cao chín tầng; ông thành thật hứa rằng ngôi nhà này sẽ không bị phá bỏ nữa và khi xây xong ông sẽ truyền Chân lý cho như tôi ao ước.

Đã có kinh nghiệm lần trước nên tôi cẩn thận hơn. Tôi thử đề nghị vợ ông làm chứng những lời ông nói và tôi nhắc ông về chuyện ba ngôi nhà trước:

“Thưa thầy, lần trước thầy đòi con trung bằng chứng những mệnh lệnh thầy đã ra cho con, con đã không có nhân chứng; vì thế lần này xin thầy cho phép để vợ làm chứng những lời thầy nói.”

“Dĩ nhiên ta sẽ đứng ra làm chứng, nhưng thầy con quá ư độc tài, rồi ông ta sẽ không lý gì đến cả hai chúng ta. Tất cả việc xây cất này chẳng cần thiết gì cả, lại hoàn toàn phí thì giờ vô ích. Xây rồi phá, phá rồi xây, cứ hoài hoài như thế. Và lại người ta không cho phép ông xây nhà chỗ này. Nhưng ông sẽ không bao giờ để ý đến tiếng nói yếu ớt của ta và ta chỉ làm cho ông thêm bực bội thôi.”

Đến đây đức Marpa nói với vợ:

“Bà hãy làm đúng theo lời yêu cầu và làm nhân chứng đi; hơn nữa bà cứ chú tâm việc của bà, còn tôi, tôi chú tâm việc của tôi.”

Với sự bảo chứng này, một lần nữa tôi bắt đầu đặt móng xây nhà. Một hôm ba đệ tử cao cấp của Thầy tôi nghĩ làm một trò vui, họ cùng nhau khiêng một tảng đá mòn khổng lồ đến chỗ xây nhà. Vì tảng này có kích thước rất hợp nên tôi dùng nó để làm viên đá đầu tiên đặt trên móng nhà, bên cạnh chiếc cửa lớn tương lai. Lúc Thầy tôi nhìn thấy tảng đá này thì tôi đã xây đến tầng thứ hai.

“Anh lấy tảng đá này ở đâu ra vậy?” Thầy tôi hỏi khi quan sát việc tôi làm.

Tôi đáp: “Bạch thầy, ba sư huynh khiêng nó vào để đùa con đấy ạ.”

Ông nói: “Nhưng anh không có quyền dùng tảng đá này. Hãy lấy nó ra trả lại chỗ cũ.”

Tôi nhắc lại cho ông nhớ lời ông đã hứa rằng nhà xây lên sẽ không được kéo sập xuống nữa, nhưng ông chỉ bảo:

“Ta không có hứa để anh dùng những đệ tử chính của ta như những lao động trong công việc xây nhà, họ là những người đã được Điem Đạo Truyền Pháp. Và lại anh không phải kéo sập ngôi nhà mà chỉ lấy tảng đá này ra thôi.”

Nhưng toàn thể bức tường đó đã đổ xuống, và tôi phải cực nhọc vận dụng toàn lực mới trả được tảng đá vĩ đại đó về chỗ cũ. Chẳng mấy chốc sau đó, đức Lạt-ma lại bảo:

“Bây giờ chính anh phải mang nó trả lại chỗ đầu tiên và nhớ đặt nó đúng vào vị trí cũ của nó.”

Lần đầu tiên phải ba người mới khiêng nổi tảng đá ấy, bây giờ chỉ một mình tôi cũng phải đặt nó đúng vào vị trí đầu tiên. Nhưng dù sao tôi cũng đã thành công và tảng đá mòn đó đã lưu lại một kỷ niệm về sức mạnh vĩ đại của tôi.

Những người đã nhất định rằng việc xây nhà trên địa điểm đó sẽ bị cấm chỉ, bây giờ họ bắt đầu tự hỏi hay là Marpa thật có ý định đúng đắn trong việc dựng nhà ở đó. Nhưng thói quen hay ra lệnh phá hủy những cố gắng của tôi trước kia của ông đã đánh lừa họ. Vì thế tôi đã xây đến tầng thứ bảy của ngôi nhà trước khi họ nhận thấy rằng cuối cùng ngôi nhà này là một ngôi nhà vĩnh viễn, và nó không phải là một sự luyện tập tinh thần và thể xác cho một chú tiểu lỗi lầm. Nhưng đã quá trễ, đức Marpa đã được một sở hữu bên ông và bằng cách dùng những Năng lực Thượng thừa, ông đã chuyển hóa những người đã đến với chủ ý thù nghịch cuối cùng đã trở thành những đệ tử của ông. Bây giờ trên lưng tôi bị đau thêm một chỗ thứ hai.

Vào lúc này đức Lạt-ma sắp sửa làm lễ Điem Đạo Truyền Pháp cho các đệ tử, và bà vợ của ông giục tôi nhập bọn với những người dự thí vì bà nghĩ rằng, và tôi cũng nghĩ như thế, tất cả những công lao khó nhọc của tôi và ngôi nhà hầu như đã hoàn thành sẽ là món lễ vật xứng đáng để dâng lên Đạo sư. Hỡi ôi, tôi hy vọng biết bao nhiêu!

Thấy tôi ngồi ở hàng cuối cùng, đức Marpa nói:

“Đại Phù thủy, anh có lễ vật gì mang theo đây?”

Tôi thưa: “Bạch thầy, thầy đã hứa khi ngôi nhà cho con trai thầy hoàn thành, thầy sẽ Điem Đạo Truyền Pháp cho con, vì thế bây giờ con hy vọng thầy sẽ ban ân huệ đó cho con.”

Ông hét lớn: “Mi là con chó nhỏ đầy kiêu căng tự phụ, Với vài tảng đá nhỏ và vài bức tường bùn đó, mi nghĩ ta sẽ cho mi Tri thức Thượng thừa ta mang từ Thiên trúc về đây bằng một giá quá đắt sao? Hãy nộp lệ phí thụ

pháp nếu không hãy bước ra khỏi nơi tôn nghiêm này.” Rồi ông đánh tôi và nắm tóc tôi lôi ra ngoài. Tôi thật muốn chết ngay tại chỗ nếu tôi chết được, và tôi khóc suốt đêm đó.

Bà Marpa lại đến an ủi tôi và nói: “Ta thật không hiểu chồng ta như thế nào. Ông bảo ông đem Giáo lý từ Thiên trúc về đây là để giúp đỡ mọi người và bình thường ông ta đã dạy hay giảng cho bất cứ ai đến đây – ngay cả chó nữa. Nay, con đừng đánh mất niềm tin của con nơi ông, nghe con.”

Sáng hôm sau Thầy tôi bảo:

“Này Đại Phù thủy, hãy ngừng xây ngôi nhà đó đi; hãy bắt đầu xây một ngôi nhà khác, mười hai cột, một tiền đường và một chánh điện. Khi nào anh xây xong, ta nhất định sẽ dạy Giáo lý cho anh.” Như thế một lần nữa tôi lại đặt móng xây nhà và người bạn tốt của tôi, bà Marpa, cung cấp thức ăn và bia; và giúp đỡ tôi bằng những lời khuyên và thiện cảm của bà.

Khi ngôi nhà mới này gần hoàn thành, một đệ tử khác đến để được Điểm Đạo Truyền Pháp ở một mức độ cao hơn lễ Điểm Đạo Truyền Pháp vừa rồi. Lập tức bà Marpa đến bảo tôi:

“Lần này Thầy chúng ta chắc chắn sẽ cho con. Đây, con cầm lấy miếng bơ, cuộn vải len, và chiếc bình đồng này làm lễ vật và hãy ngồi chung với những người kia.” Tôi không bao giờ nghĩ đến việc bà đã lấy những thứ ấy ở đâu và tôi nhập bọn ngồi xuống với lòng đầy hy vọng.

Thầy tôi bảo:

“Này Đại Phù thủy, lễ phí Điểm Đạo Truyền Pháp của anh đâu mà anh lại có mặt với những người dự thí đó?”

Tôi xuất trình bơ, vải, và chiếc bình đồng mà bà Marpa đã cho tôi. Nhưng hỡi ôi, đó là tất cả những vật do những người phát nguyện khác đã mang đến làm lễ vật!

Đức Lạt-ma hỏi:

“Cái gì! Sao anh dùng những vật của ta để làm lễ vật dâng ta? Hãy dâng thứ gì của anh, nếu không hãy rút đi cho khuất mắt ta!” Rồi ông đá tôi bay ra khỏi phòng bằng những cú đá trời giáng, đến nỗi tôi cảm thấy như lún xuống nền nhà. Sau đó tôi bắt đầu suy nghĩ tìm lý do tại sao tôi phải chịu tất cả sự đối xử tàn nhẫn như thế. Có phải tôi đang trả nghiệp cho những hành vi tàn ác trong việc dùng những trận bão đá giết chết quá nhiều người và phá hoại mùa màng phi nhiêu không? Hay là thầy tôi không xứng thọ lãnh và tu tập Giáo lý? Hay ông ghét bỏ tôi? Dù sao, nếu không có cuộc sống tôn giáo để sống cho xứng đáng, tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện tự tử. Ngay khi đó bà Marpa mang đến cho tôi một phần thức ăn đã dâng cúng trong buổi lễ và cố gắng an ủi tôi. Tôi ăn nhưng chẳng thấy ngon tí nào và tôi gào khóc vang vọng trong đêm.

Sáng hôm sau, đức Lạt-ma bảo tôi: “Hãy xây cho xong hai ngôi nhà đó rồi nhất định ta sẽ dạy Giáo lý cho anh.”

Và như thế tôi tiếp tục việc xây cất cho đến khi một vết thương nữa xuất hiện trên lưng tôi, máu và mủ từ ba vết thương chảy ra nhầy nhụa. Toàn thể cái lưng của tôi đã biến thành một vết thương to lớn. Bây giờ tôi phải bày lưng ra cho người đàn bà tốt bụng với tôi biết, nhờ bà nhắc chồng bà nhớ những lời hứa của ông và yêu cầu dùng uy thế của bà để bắt ông dạy Giáo lý cho tôi. Nhìn thấy tám lưng đau đớn của tôi, bà khóc và lập tức chạy đến nói với thầy tôi:

“Thân thể của thầy Đại Phù thủy đang ở trong tình trạng trầm trọng lắm, tất cả do việc xây nhà gây nên; chân tay nó bị nứt nẻ, tím bầm và lưng nó mang ba vết thương lớn hành hạ. Trước giờ tôi nghe người ta nói lừa ngựa bị lở da lưng vì yên cương chứ không bao giờ nghe nói người bị lở da lưng vì yên cương. Nếu thiên hạ nghe được chuyện này họ sẽ chê cười ông cho ông xem, ông Lạt-ma tôn kính, ông phải ý thức sự tàn ác của ông, ông phải có một chút tình cảm chứ! Ông đã hứa dạy nó Giáo lý, nó đang khao khát khi nó xây nhà xong, ông nhớ không?”

Đức Lạt-ma đáp:

“Vâng, tôi thực có hứa như thế. Tôi hứa rằng khi nào nó hoàn thành ngôi nhà mười tầng nó phải xây. Nó đã xây xong chưa?”

“Nhưng nó đã xây cái thứ hai lớn hơn cái đó nhiều,” bà Marpa xúc động biện hộ.

Ông vặn lại:

“Nói nhiều, làm ít; đó là lời tục. Khi nào nó xây xong ngôi nhà mười tầng, tôi sẽ dạy Giáo lý cho nó. Nếu xây chưa xong, tôi chưa dạy. Nhưng thực lưng nó đau nhiều sao?”

Bà Marpa nóng nảy đáp:

“Nếu ông không quá bạo ngược, ông hãy đi xem nó ra sao. Không những lưng nó bị đau đớn hành hạ mà cả cái lưng của nó là một vết thương to lớn. Ông có biết không?” Sau khi trách mắng ông, bà Marpa bỏ đi thật lẹ. Nhưng ông chỉ nói với theo bà:

“Hãy để thằng bé đó lên đây.”

Tôi bước lên với hy vọng cuối cùng thầy sẽ thương xót mà dạy cho tôi, nhưng ông chỉ bảo đưa lưng cho ông xem. Khi xem lưng, ông nói:

“Hừ! Đâu có đáng gì so với Đạo sư của ta, Chúa Naropa đã chịu đựng. Ngài chẳng tiếc thân mạng ngài chút nào. Ta cũng đã bỏ ra tất cả của cải, thân mạng để làm lễ cúng dường tinh nguyện theo ngài. Nếu anh là người cầu Đạo chí thành thì đừng khoe khoang những gì anh làm, hãy tiếp tục kiên nhẫn siêng năng cho đến khi hoàn tất ngôi nhà. Ta để anh suy nghĩ về những tình cảm thâm trầm của ta trong những lời này.”

Rồi ông gấp chiếc y thành tám nệm nhỏ và chỉ cho tôi biết người ta lót nệm cho ngựa lở lưng vì chiếc yên như thế nào và ông khuyên tôi hãy làm như thế.

Tuyệt vọng khiến tôi hỏi:

“Nhưng cái nệm nhỏ có ích gì cho con khi cả cái lưng của con là một ung độc mưng mủ.”

Bất ngờ ông đáp:

“Nó sẽ chặn bụi bẩn khỏi xâm nhập vào vết thương làm nó tệ hại hơn; anh vẫn mang đá và đất sét được.”

Nếu đây là mệnh lệnh của thầy, tôi phải vâng theo. Và bây giờ tôi làm việc bằng cách mang những vật nặng phía trước ngực. Thầy tôi thấy tôi làm việc như vậy, ông ngầm khen ngợi trong lòng. Sự chân thành và tin tưởng của tôi làm ông cảm động đến rơi nước mắt. Nhưng vết thương trên lưng tôi lại trở nên tệ hại hơn, cho đến cuối cùng, sự đau đớn khiến tôi phải ngừng làm việc. Một lần nữa tôi xin bà Marpa yêu cầu chồng bà dạy tôi Giáo lý hay cho phép tôi tạm nghỉ một thời gian.

Câu trả lời của đức Lạt-ma là: “Giáo lý thì hẳn không thể có được trước khi hẳn hoàn thành ngôi nhà. Tuy nhiên hẳn có thể nghỉ làm việc, bởi vì việc này cũng không giúp hẳn được gì. Dù sao cứ để hẳn làm được gì thì làm.” Và bà Marpa bắt tôi nằm xuống để chữa những chỗ ung độc trên lưng. Những chỗ ung độc trên lưng tôi vừa lành thì Thầy bảo tôi đi làm và tôi sắp sửa vâng lời ông đi làm thì bà Marpa đề nghị với tôi mưu kế để lấy Giáo lý. Tôi phải gói kín những vật sở hữu của tôi thành một gói và lấy một bao bột mì rồi lên ra khỏi nhà đến một địa điểm mà người ở trong nhà có thể thấy và nghe tôi nói được. Rồi bà sẽ chạy theo tôi, giả vờ khuyên can tôi đừng bỏ đi và hứa sẽ cố gắng nói với chồng bà dạy tôi Giáo lý.

Và chuyện xảy ra như thế này: Tôi và bà Marpa đang cãi cọ ngoài đường thì Thầy tôi gọi vọng ra: “Hai người đang đóng trò gì đó?” Bà Marpa đáp: “Thằng Đại Phù thủy bảo rằng nó đến kính ông làm Đạo sư để học Đạo lý. Nó đã dâng cho ông tất cả thân tâm nó trong khi ông lại chửi mắng, đánh đập nó. Vì vậy bây giờ, sợ rằng nó sẽ chết mất trước khi học được Giáo lý của ông, nên nó từ giã ông để đi tìm một Đạo sư khác. Tôi đang cố gắng giữ nó lại và bảo nó rằng ông sẽ dạy nó đúng lúc.”

“Thế à?” Marpa hỏi, và từ trên nhà bước xuống đường, tiến tới tát tôi một cái bốp, rồi nói:

“Này, khi mi đến mi đã nói dâng cho ta cả thân, ngữ, ý của mi. Mi hoàn toàn thuộc về ta, thế bây giờ mi muốn bỏ đi đâu? Ta có quyền chém mi ra làm trăm mảnh mà không ai can thiệp được. Này cái gì đây? – bao bột mì rơi xuống đổ ra vì sự tấn công của ông – “Mi có quyền gì lấy thực phẩm của nhà

ta hả?” Rồi ông đá tôi ngã xuống và đánh tôi tàn bạo; sau khi đánh xong, ông mang bao bột mì bị hỏng về nhà.

Bây giờ lòng tôi đau đớn vô hạn. Lỗi đối xử nghiêm khắc của ông làm tôi kinh sợ, và tôi nghĩ rằng đây là hậu quả do sự âm mưu lừa dối với vợ ông sau lưng ông đem lại. Vì thế tôi lại chui vào giường để khóc và cũng để che đậy hậu quả của trận đòn. Như thường lệ, bà Marpa đến an ủi tôi và an ủi rằng thật không thể thuyết phục, không có mưu kế gì có thể làm thay tôi động lòng thay đổi. Nhưng bà quả quyết với tôi rằng, cuối cùng, thế nào ông cũng dạy tôi. Rồi bà thêm:

“Trong khi chờ đợi, ta sẽ dạy con,” và bà bắt đầu dạy tôi phương pháp thiền định khiến lòng khao khát hiểu biết của tôi được thỏa mãn ít nhiều. Tôi rất biết ơn những gì bà đã dạy tôi. Dĩ nhiên, dù bà không thể dạy cho tôi một Giáo lý đầy đủ. Vì thế, để tỏ lòng biết ơn bà, tôi đã bỏ việc riêng của tôi để làm cho bà một vài việc nhỏ. Tôi làm cho bà một dụng cụ để vắt sữa và một dụng cụ khác để bà rang lúa mạch ở sân trước.

Vào thời gian này tôi muốn tìm một Đạo sư khác vô cùng. Nhưng tôi biết rằng Đạo sư hiện tại của tôi là vị Đạo sư duy nhất có Giáo lý Giải thoát để giải thoát tôi ra khỏi Bánh Xe Sinh Tử. Đây là Giáo lý đặc biệt tôi muốn có, vì tôi biết nếu tôi không có được Giáo lý này thì ác nghiệp của tôi sẽ lôi tôi đến một định mệnh hãi hùng sau khi tôi chết. Vì thế, tôi nhất quyết noi gương sư ông Naropa can đảm, kiên cường; và tôi phải được giải thoát bằng cách quyết chí noi theo. Với tâm thân chứa đựng linh hồn này, tôi tiếp tục đem ra làm chiếc xe chở bùn đá để xây vách làm nhà.

Rồi một lễ Diêm Đạo Truyền Pháp nữa được tổ chức. Người dự thí, chỉ một mình Ngogdun. Ngogdun đến với những lễ vật vô giá và đoàn tùy tùng đông đảo. Một lần nữa bà Marpa lại giục tôi vào hàng với những người khác. Bà tặng tôi viên ngọc bích của riêng bà để tôi làm lệ phí như đức Lạt-ma đòi hỏi phải có – dĩ nhiên ông đã hỏi.

Tôi trình viên ngọc bích ra.

Ông hỏi: “Này Đại Phù thủy, anh lấy đâu ra cái này?”

Tôi thưa: “Bạch thầy, người vợ hiền của thầy cho con ạ.”

“Hãy gọi Damema đến đây,” ông bảo. Và tôi đi tìm bà. Khi bà đến, ông hỏi:

“Này Damema, làm sao chúng ta có viên ngọc này?”

Mặc dù thấu hiểu và kính trọng chồng, bà Marpa không bỏ qua tiếng “chúng ta” mà ông vừa nói. Bà đáp:

“Ông chồng của tôi ơi, viên ngọc này không phải của “chúng ta,” nó là của riêng tôi trước khi tôi làm vợ ông, cha mẹ tôi đã cho tôi. Cha mẹ tôi biết tánh ông như lửa và sợ rằng cuộc hôn nhân của tôi và ông có thể không bền vững lâu dài nên cho tôi làm vật phòng thân, nếu khi nào tôi cần xa ông.

Nhưng tôi thấy thằng bé này quá thất vọng không học được Giáo lý nên tôi đã cho nó làm lệ phí. Nó đã làm việc thật cực nhọc và kiên nhẫn vô cùng, vì thế xin ông nhận viên ngọc này và làm lễ Điem Đạo Truyền Pháp cho nó, còn các anh, anh Ngogdun và tất cả những người ngồi đó, xin các anh nhân danh nó, góp tiếng yêu cầu cùng tôi.”

Nhưng những người dự thí không có lòng can đảm như bà, nên họ không dám lên tiếng cầu xin, họ chỉ đứng dậy hướng về đức Lạt-ma thi lễ với mấy tiếng: “Xin Thầy vui lòng.”

Rồi Marpa nói với vợ:

“Này Damema, bà là một người đàn bà ngốc làm sao, sự ngu ngốc của bà làm tôi suýt nữa mất luôn viên ngọc này. Khi mà chính bà đã hoàn toàn thuộc về tôi, thì tất cả những gì bà có, gồm cả viên ngọc này, hiển nhiên là của tôi. Này Đại Phù thủy, nếu anh có vật gì của riêng anh làm lệ phí, hãy dâng lên ta, ta sẽ làm lễ Điem Đạo Truyền Pháp cho anh; vì vật này đã là của ta rồi.”

Dĩ nhiên tôi không có vật riêng nào cả, nhưng tôi nán lại với hy vọng rằng ông có thể thương xót và bớt nghiêm khắc với tôi. Song, tôi chỉ làm kích động tính khí của ông bùng dậy thôi; vì thỉnh linh vừa chửi mắng tôi với những lời tôi đã từng nghe nhiều lần trước kia, ông nện vào đầu tôi một cú làm tôi ngã nhào xuống; rồi ông lôi tôi đứng dậy và xô tôi ngã ngửa ra, cuối cùng ông lấy gậy đánh tôi không ngừng. Nhưng Ngogdun, người dự thí chính trong buổi lễ, đã nhảy vào dùng sức mạnh can ông ra; trong khi quá kinh hãi, tôi co giò phóng qua cửa sổ, việc này ngấm ngấm đe dọa ông. Tôi ngã xuống đất, thân thể không bị đau nhưng tinh thần lại mang một vết thương sâu thẳm, và lúc đó tôi muốn tự tử để giải quyết đời tôi. Như thường lệ, người an ủi vẫn là bà Marpa, bà đã đến an ủi tôi với tất cả tấm lòng thương cảm của bà:

“Này Đại Phù thủy, con đừng lo buồn thái quá. Con vẫn là người đệ tử yêu quý nhất và trung thành nhất. Nếu con thật muốn đi tìm một Đạo sư khác, ta sẽ cho con tiền bạc và quà tặng để làm lễ vật.” Người hiền phụ đó đã ở lại suốt đêm với tôi và chúng tôi cùng khóc. Bà lo lắng cho tôi đến nỗi làm lễ *puja* (cúng) chiều với chồng bà.

Sáng hôm sau Thầy tôi cho gọi tôi. Cuối cùng có phải là để dạy Giáo lý? Nhưng không! Ông chỉ hỏi rằng lòng tin của tôi đối với ông lung lay và tình thương của tôi đối với ông đã trở thành oán ghét phải không?

Tôi thưa: “Bạch thầy, không! Bởi vì đó chỉ là ác nghiệp quá khứ của con quá sâu dày đã ngăn cản lễ Điem Đạo Truyền Pháp của con và lòng con đầy hối hận về những việc ác con đã làm,” và tôi bật khóc.

Ông hét: “Cái gì thế? Mi khóc lóc để buộc tội ta đấy à? Và ông lại nổi giận.

Tôi vội vàng rời khỏi phòng. Tôi cảm thấy lòng tôi tan vỡ và bàng hoàng. Tôi ước làm sao tôi có được nửa tài sản tôi đã bỏ lại quê nhà. Tôi sẽ không được gì cả từ vị Đạo sư này nếu tôi không có một món quà tốt đẹp – mà bất cứ Đạo sư nào cũng vậy, vì đó là tục lệ. Không có gì cả khiến tôi muốn chết cho xong đời trong thiên phước tội lỗi – thế tại sao tôi vẫn tiếp tục sống? Hay để làm việc gì khác? Suy nghĩ và suy nghĩ. Tôi sẽ đi làm việc và kiếm tiền trở lại? Hay về nhà với mẹ? Điều này là một liều lĩnh vì những người trong làng phần nộ tôi vô cùng. Nhưng tôi phải có tiền bằng bất cứ cách nào, hay đi tìm Giáo lý ở nơi khác. Vâng. Đi, đi... Những tiếng đi, đi... như những nhát búa nện mạnh vào óc tôi.

Tôi đã thu góp mấy quyển sách của tôi xong, nhưng lúc này tôi không có quyền lấy thức ăn trong nhà đem đi. Tôi cũng không tỏ bày tâm sự với bà Marpa. Nhưng sau khi đi được bốn năm dặm đường, tôi bắt đầu muốn gặp lại bà để cảm ơn lòng tử tế của bà đối với tôi, sự vô ơn bạc nghĩa lúc bỏ bà ra đi không nói được vài tiếng “cảm ơn” làm lòng tôi tràn đầy hối hận. Đến trưa, tôi xin được một ít gạo lúa mạch và mượn dụng cụ để nấu bữa ăn trưa tiết kiệm. Mọi việc thật khó khăn, tôi bắt đầu nghĩ rằng muốn có lương thực lâu dài, tôi phải làm những trò nhỏ nhỏ rẻ tiền và lấy nhiều nhất là nửa giá tiền công, và điều này cũng không giải quyết được sự phiền phức trong lúc sửa soạn bữa ăn này. Ý tôi nữa đã muốn trở về, nhưng không thể vác mặt về như thế này được.

Rồi khi tôi đi trả những dụng cụ đã mượn để nấu ăn, một cụ già giữ tôi lại, hỏi:

“Tật! Tật! Thanh niên như anh có thể làm việc khá lắm, sao lại đi xin? Anh đọc Kinh được, sao không đọc để lấy mì bơ mà ăn? Nếu không đọc được, sao không kiếm việc gì mà làm? Giả anh đọc được chẳng?”

Tôi thưa rằng tôi có thể đọc được và tôi không phải là một tên ăn mày chuyên nghiệp.

Ông nói: “Được rồi, hay theo tôi về nhà đọc tôi nghe, tôi sẽ trả công anh tử tế. Đi!”

Tôi vui vẻ nhận lời đề nghị. Tôi bắt đầu đọc kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa cho ông nghe, và dĩ nhiên khi tôi đọc đến đoạn vị Thánh nghèo không xu dính túi, đã bán thịt mình để lấy Pháp (Dharma). Thực sự vị Thánh sẽ bán luôn cả tim mình nếu cần. Và đem so sánh những thử thách của tôi chẳng nghĩa lý gì. Rồi một lần nữa tôi lại bắt đầu hy vọng có lẽ rồi đức Lạt-ma sẽ bớt nghiêm khắc và dạy Giáo lý cho tôi. Tôi tự bảo dù sao bà Marpa cũng đã hứa giúp tôi tìm một Đạo sư khác. Vì thế tôi trở về.

Sau này tôi biết rằng trong khi tôi ra đi, bà Marpa đã biết ngay tôi đã bỏ đi và bà đến nói với chồng:

“Hừ, bây giờ ông hả dạ lắm phải không? Kẻ tử thù của ông đã bỏ đi rồi đó!”

“Bà nói gì thế?” ông hỏi nhanh.

“Dĩ nhiên là nói cái thằng Đại Phù thủy khốn khổ chứ ai. Không phải ông đã đối xử với nó như kẻ thù tàn tệ nhất của ông sao?”

Nghe bà nói, hiển nhiên đức Lạt-ma mất bình tĩnh rất nhiều và cầu nguyện cho người “đệ tử định mệnh” của ông sẽ quay về; rồi ông lấy chiếc y trùm kín đầu và chìm mất trong trầm mặc.

Khi về đến nhà, tôi vào làm lễ với bà Marpa, thấy tôi trở về bà vui mừng quá đỗi.

“Thế là con đã làm một việc hay tuyệt,” bà nói, “ta nghĩ rằng, cuối cùng Thầy con sẽ dạy Giáo lý cho con; vì khi ta bảo ông rằng con đã bỏ đi, ông đã rơi nước mắt, và ông ấy lớn tiếng cầu nguyện cho người đệ tử tài năng và định mệnh của ông. Ta nghĩ rằng ông ấy đã dùng thần lực khiến con từ ngoài xa trở về đây.”

Phần tôi, tôi cảm thấy bà nói điều đó như để truyền vào tôi một sức sống mới, vì làm sao sự từ chối không dạy gì cả cho tôi cộng thêm vài lời cầu nguyện lại khiến cho tôi trở về được? Nếu ông gọi tôi là “tài năng” rồi tự lấy đó làm vui mừng. Nhưng tôi hiểu rõ không những ông từ chối dạy tôi mà còn ngăn cản không cho tôi tìm một Đạo sư khác nữa.

Bây giờ bà Marpa nói với chồng: “Cuối cùng thằng Đại Phù thủy cũng không bỏ chúng ta. Nó đã trở về rồi. Ông muốn tôi gọi nó vào làm lễ không?”

“Hắn trở về không phải do thương chúng ta đâu,” ông nói một cách chua cay, “nhưng hắn có thể vào đây chào tôi.”

Vì thế tôi bước vào quì xuống trước mặt ông, và ông tôi nói:

“Này Đại Phù thủy, đừng có do dự như vậy. Nếu anh thật quyết tâm đạt cho được Giáo lý thì anh hãy chuẩn bị hy sinh cả thân mạng anh nữa đây. Bây giờ hãy đi đi. Đi xây cho xong ba tầng nhà cuối cùng, rồi lòng khao khát to lớn của anh sẽ được thỏa mãn. Nhưng nếu anh có tí nghi ngờ nào thì hãy đi nơi khác đi, vì như thế ta chỉ phí mất thời giờ và cơm gạo quý giá cho anh thôi!”

Tôi bước đi chẳng dám nói gì, nhưng khi ra ngoài tôi nói với bà Marpa:

“Thưa bà, con muốn gặp lại mẹ con quá và con tin chắc rằng đức Lạt-ma sẽ không dạy cho con đâu. Nếu con biết chắc ông dạy, con sẽ không đi và sẽ hoàn thành ngôi nhà. Nhưng ông chỉ bào chữa hết việc này đến việc khác. Con biết con sẽ chẳng được Giáo lý dù con có xây xong ngôi nhà; vì thế xin bà cho con về nhà.” Tôi cúi đầu thật thấp chào bà, và khi sắp từ giã bà nói:

Con hoàn toàn có lý. Ta đã hứa tìm cho con một Đạo sư khác, có một đệ tử của thầy con đã được tất cả Giáo lý của ông là Ngogdun Chudor – người

đã đến đây hôm lễ Diễm Đạo Truyền Pháp vừa rồi. Nếu con nán lại ít hôm và giả vờ làm việc, ta sẽ giúp con lấy được những gì con muốn.” Sự sắp đặt này làm tôi rất hài lòng và tôi đi làm việc một cách hăng hái.

Lúc còn sống, sư ông Naropa thường lấy ngày mùng mười mỗi tháng làm ngày thánh đặc biệt và đức Marpa cũng kế thừa làm như vậy. Và ngay cái ngày đó, bà Marpa đã nghĩ ra một kế để lừa vị Đạo sư của tôi. Cát bia thường để lấy rượu mạnh thượng hảo hạng, xong bà chia thành ba bình; lượt đầu là loại mạnh nhất, bà cho chòng dưng; các đệ tử được dưng loại hạng nhì; trong khi bà và tôi chỉ nhấm chút ít trong cái bình hạng ba. Chẳng bao lâu cả nhà lăn ra ngủ. Rồi bà lên vào phòng Thầy tôi gỡ lấy mấy món đồ của ông, gồm hai thánh tích của sư ông Naropa, một xâu chuỗi và một vòng hoa của ông. Bà gói kín những vật này trong một tấm khăn quàng cổ và trao cho tôi với một lá thư trong đó bà giả đức Marpa viết ra để bảo Ngogdun làm lễ Diễm Đạo Truyền Pháp cho tôi, và bà chỉ nơi Ngogdun ở để tôi dễ tìm. Và như thế tôi ra đi với bao nhiêu hy vọng vuron lên trong lòng hướng về miền Trung tâm Tây tạng.

Hai ngày sau, đức Lạt-ma hỏi vợ ông tôi đang làm gì?

Bà trả lời hết sức bất ngờ:

“Tôi đoán bây giờ nó đang trên đường đi, nhưng tôi không thể nói chính xác là chỗ nào.”

“Hắn đi đâu và đi khi nào?”

Bà đáp:

“Nó nói dù nó làm việc khổ nhọc bao nhiêu, ông cũng chẳng thỏa lòng, và ông cũng chẳng dạy gì cho nó, chỉ chửi mắng, đánh đập nó, vì thế nó đã đi tìm thầy khác rồi. Vì có lẽ ông sẽ đánh luôn cả tôi nữa, nếu tôi nói cho ông biết, nên tôi nghĩ tốt hơn là tôi không nói. Không ai giữ nó lại được.”

Mặt đức Lạt-ma tái đen vì phẫn nộ. Ông gầm lên như sấm:

“Hắn bỏ đi khi nào?”

“Hai ngày rồi,” vợ ông đáp. Lời đáp được đón nhận trong im lặng. Rồi sau một lúc, ông nói dường như cho chính ông nghe:

“Bây giờ đệ tử của ta chưa thể đi xa lắm.”

Thực tế, lúc đó tôi vừa đến nhà Ngogdun. Bảy giờ Ngogdun là Lạt-ma cao cấp và tôi thấy ông đang bận giảng triết lý cho các đệ tử. Tôi vẫn còn nhớ những lời ông đọc từ một bản văn: “Ta là giảng sư. Ta là thánh giả. Ta là bậc Thầy thế gian và ta là người Sùng mộ. Ta là Bạc vượt qua mọi cảnh giới thế gian và ta là Bạc An lạc.” Đến đây ông chợt thấy tôi đang đứng bên cạnh nhóm đệ tử và tôi đã thi lễ với ông trong khi vẫn còn cách một quãng xa. Ông nhận lễ bằng cách cất mũ chào tôi.

Nhìn cách thi lễ của tôi, ông biết ngay tôi là đệ tử của đức Marpa và sự có mặt của tôi ở đây trùng hợp với một bài kệ ông đang tụng, dường như đó

là điềm lạnh. Thực sự ông đã tiên tri được hùng lực của nó rằng một ngày nào đó tôi sẽ trở thành một bậc Thầy Ngộ Đạo. Rồi ông sai một đệ tử đến hỏi tôi xem tôi là ai và đến đây có việc gì.

Tôi đáp khá trơn tru rằng đức Marpa quá bận việc không thể dạy tôi được nên gửi tôi đến đây, và có mang theo mấy thánh tích của sư ông Naropa để tặng Lạt-ma. Rồi ông đã nhận ra tôi là Đại Phù thủy và những thánh tích đã làm cho ông tràn ngập hân hoan, ông liền sửa soạn một lễ tiệc để tiếp nhận thánh tích.

Khi tôi bước đến chỗ ông đang đứng đợi, tôi quì mọp xuống dâng gói thánh tích lên. Ông nhận thánh vật, xúc động vô cùng.

Ông đặt thánh tích lên bàn thờ, rồi đọc lớn những lời trong thư bà Marpa viết:

“Ta sắp sửa qui ẩn và vì Đại Phù thủy có nhiệt tâm muốn học Giáo lý, nên ta gửi nó đến nhờ anh làm lễ Điềm Đạo Truyền Pháp và phong Thánh chức cho nó. Mong anh thừa quyền ta làm điều đó và dạy Giáo lý cho nó. Ta gửi anh râu chuối và vòng hoa của sư ông Naropa làm tín vật.”

Kho Ngogdun đọc xong bức thư ông bảo chắc chắn sẽ làm lễ Điềm Đạo Truyền Pháp và phong Thánh chức cho tôi. Nghe ông nói, tim tôi nhảy lên. Nhưng những lời kế tiếp của ông làm cho lòng hy vọng của tôi chìm xuống.

“Tôi có một số đệ tử ở Dol muốn đến với tôi, nhưng khi đi, họ bị bọn cướp phục kích đánh cướp giữa đường. Nhờ anh đến đó phóng một trận bão đá chống lại bọn cướp và dạy chúng một bài học; rồi khi anh làm xong, tôi sẽ làm lễ Điềm Đạo Truyền Pháp và phong Thánh chức cho anh.”

Tôi đã nguyên rủa biết bao nhiêu cái ngày tôi đã từng sử dụng Huyền thuật và biết được uy lực của những trận bão đá gây nên. Dường như tôi không thể nào chạy trốn được dĩ vãng. Tôi đến đây để cầu Chân lý, và một lần nữa lại bị bắt buộc phải làm những việc chỉ tạo thêm ác nghiệp cho tôi. Tại sao tôi lại có cái khả năng đáng ân hận này để giết hại con người và làm tổn thương, hư hại của cải. Song ân hận cũng chẳng ích gì; nếu tôi không vâng lời, ông sẽ không dạy cho tôi Giáo lý. Vì thế, tôi bèn đến ở trọ nhà một bà cụ trong làng tôi phải khai diễn cuộc tàn phá. Nhưng khi mây đen tụ hội và những hạt mưa lớn đầu tiên rơi xuống, bà cụ chủ nhà cho tôi ở trọ bật khóc bị ai rằng bà sẽ chết đói nếu hoa màu bị tàn phá.

Điều này làm tôi lo lắng hết sức, vì bà là một bà lão đáng thương. Tôi làm một việc khá liêu lĩnh, tôi bảo bà vẽ sơ lược cho tôi họa đồ thửa ruộng của bà. Thửa ruộng hình tam giác với cái đuôi dài. Tôi lấy một cái chảo để chiên đồ ăn chụp ngay lên họa đồ. Rồi tập trung tư tưởng cho thửa ruộng của bà không bị tàn phá. Kết quả, toàn thể hoa màu bị hư hại chỉ trừ thửa ruộng của bà lão không việc gì nhờ cái chảo úp trên họa đồ. Khi mọi việc đã xong,

tôi đi xem cuộc tàn phá. Thừa ruộng của bà lão vẫn phôi vể xanh tươi với cái đuôi chạy dọc theo cánh đồng bị tàn phá chung quanh.

Trên đường trở về nhà Ngogdun, tôi gặp một người chặn cừu và đưa con trai của ông bị lạc mắt cả đàn cừu trong trận mưa lớn; và tôi chắc chắn họ sẽ loan truyền rằng trận bão là hậu quả sự cướp phá những người hành cước vô tội của họ, và trong tương lai họ sẽ không còn cướp phá như thế nữa. Rồi họ kính sợ những quyền uy của Ngogdun và tất cả bọn họ đã trở thành tín đồ của ông.

Khi bước dọc theo đường đi, tôi nhìn thấy một mớ chim chết dưới gốc hàng rào chúng đã tìm đến để trú ẩn, những con chuột với những con chim khác, và lòng tôi tràn đầy sự ghê tởm những hành động tàn ác của tôi. Tôi nhặt tất cả xác của những con chim và những con vật đã chết bỏ đầy vào nón và áo tôi. Khi về đến nhà Lạt-ma Ngogdun, tôi trút chúng xuống trước mặt ông. Tôi nói:

“Thưa thầy, tôi đến đây tìm lời dạy chân lý nhưng chỉ gây thêm tội lỗi cho tôi. Xin thầy hãy thương xót tôi vì tôi quá độc ác. Và rồi tôi bật khóc.

Nhưng vị Lạt-ma bảo: “Đừng thất vọng. Chẳng cần sợ hãi việc này. Hãy tin tưởng nơi tôi, trận bão của anh không giết nổi những con chim con chuột này đâu. Nếu không tin, anh hãy xem đây!” Ông ngồi nhắm mắt im lặng độ vài phút, rồi bỗng nhiên những ngón tay ông, ô kìa! Những con chim chồm dậy cất cánh bay mất. Những con chuột chạy biến vào những cái hang gần nhất! Tôi thấy rằng vị Lạt-ma này cũng đã thành Phật; tôi xúc động quá vì kính ngưỡng và biết ơn sâu xa.

Và như thế cuối cùng tôi đã nhận được sự ĐIỂM ĐẠO Truyền Pháp chính Ngogdun đã thọ nhận từ đức Marpa. Rồi tôi tìm một cái cốc quay mặt về phía nhà ông, tôi quét dọn sạch sẽ để có thể ở được; rồi tôi tự giam mình trong đó, chỉ chừa một lỗ hồng để đưa cơm nước vào, theo truyền thống. Vị Đạo sư của tôi đã giảng cho tôi phép thiền định và tôi thực tập nó; nhưng dù cố gắng đến đâu, tinh thần tôi vẫn không tiến bộ chút nào, vì tôi không được sự đồng ý của Sư phụ Marpa.

Một hôm Ngogdun đến cốc hỏi tôi đã được chút kinh nghiệm nào trong lúc thiền định chưa, tôi đã phải thừa rằng chưa.

“Sao thế?” ông hỏi. “Phương pháp tu tập đặc biệt này không bao giờ thất bại trong việc khai mở tâm thần trừ phi có gì trở ngại. Anh có gì trở ngại? Không lẽ Đại Sư phụ không cho phép chúng ta, vì chúng ta có thư và thánh tích làm tín vật. Dù sao anh hãy cứ tu tập để chúng ta xem.”

Việc này làm tôi hoảng quá, suýt nữa tôi đã tiết lộ sự thật, nhưng can đảm ngăn tôi kịp thời! Tuy nhiên, nó chỉ làm tôi nhớ cần phải bình tĩnh đối với đức Marpa. Và tôi dùng hết sức mình vào việc thiền định.

Chẳng bao lâu sau đó, đức Lạt-ma Marpa – trong thời gian đó đã tìm người khác hoàn thành ngôi nhà cho con trai ông – viết thư bảo Ngogdun mang một số cành cây làm viền quanh ngôi nhà lợp tranh của ông; và bảo thêm rằng chừng nào xong việc trang hoàng, Lạt-ma Ngogdun phải đích thân đến dự lễ phong Thánh chức, và ông nhân tiện ông cũng làm lễ mừng cho con trai ông đã đến tuổi thành niên. Trong thư còn thêm rằng nếu có cái thangka Thopaga mất nét ở đó, hãy mang hẳn về luôn.

Lạt-ma Ngogdun mang thư đến cốc và đọc cho tôi nghe qua lỗ hồng, rồi nói:

“Đây có lẽ anh không được Đại Sư phụ cho phép nhận lễ Điểm Đạo Truyền Pháp.”

Tôi thừa nhận:

“Vâng, thưa Thầy, chính đức Lạt-ma không cho phép; đó là bà vợ ông đã giả thư và cho tôi thánh vật.”

Ông gầm lên:

“Hừm, như thế, đó là lý do khiến anh không thể có được sự thành công thường lệ và tất cả đã phí thì giờ vô ích. Anh phải biết rằng anh không được tự tiện trong việc nhận lễ Điểm Đạo Truyền Pháp nếu anh không được cho phép. Dù sao, ông ấy bảo tôi phải mang anh trả lại ông. Anh muốn đi hay không?”

Tôi thưa, tôi muốn đi và tôi xin ông cho tôi làm người hầu cận ông. Vì thế, ông bảo khi nào ông biết chắc chắn ngày cử hành lễ, ông sẽ cho tôi biết. Rồi tôi vẫn tiếp tục ở trong cốc.

Khi những người giúp việc của ông trở về sau khi đã đem cành cây đến nhà đức Marpa, họ nói cho ông biết ngày nào cử hành lễ và ông lại đến cốc tôi ở. Chúng tôi nói chuyện rất nhiều về ngày lễ sắp đến qua lỗ hồng. Sau một lúc, tôi có cơ hội hỏi ông có việc gì liên quan đến tôi không. Ngogdun đáp:

“Có, bà Marpa hỏi thăm anh, hỏi anh đang làm gì. Người đưa thư của tôi thưa với bà rằng anh đã nhập thất ân tu và vui vẻ với bạn riêng. Bà bảo anh đã bỏ quên con xúc xắc và nhờ người giúp việc của tôi gói kỹ bỏ túi đem về đây cho anh.” Rồi ông đưa con xúc xắc cho tôi qua lỗ hồng.

Khi ông rời khỏi cốc, tôi đã chơi với con xúc xắc ấy một cách thích thú, tôi ném nó nhiều lần. Nhưng rồi tôi nhớ rằng tôi không bao giờ chơi những trò này trước mặt bà Marpa, và tôi bắt đầu suy nghĩ tại sao bà gửi nó làm chi, nhất là khi chính nó là vật đã làm tiêu tan tất cả sản nghiệp của tổ tiên tôi? Hay nó là dấu hiệu khinh bỉ của bà đối với tôi? Ý nghĩ này làm tôi không thể chịu đựng nổi và con phẫn nộ thành linh khiến tôi ném mạnh con xúc xắc xuống nền đất làm nó vỡ đôi, một mảnh giấy nhỏ văng ra. Tôi nhặt lên đọc:

“Con, bây giờ Thầy con đã định làm lễ Diễm Đạo Truyền Pháp và dạy Giáo lý cho con. Vì thế, con hãy trở về đây với Lạt-ma Ngogdun.”

Bây giờ tôi nhảy cẫng lên trong cái cốc nhỏ vì sung sướng.

Rồi Lạt-ma Ngogdun đến bảo: “Này Đại Phù thủy, hãy chuẩn bị sẵn sàng để đi.” Tôi làm mọi việc một cách nhanh chóng. Chính vị Lạt-ma đã góp nhặt tất cả của cải có thể mang theo được của ông, bất cứ lúc nào cũng nhiều hơn những gì đức Marpa cho ông, để mang theo làm tặng phẩm dâng lên Đạo sư. Và đó là một tổng số những vật quý giá: kinh sách, thánh vật, châu ngọc, vàng thoi, bình bằng bạc, gia súc... chỉ bỏ lại một vật duy nhất là một con dê già què chân không thể nhập đàn với bầy dê, cừu. Ông cũng cho tôi một khăn quàng bằng lụa để tôi làm tặng phẩm cho Thầy tôi, vợ ông cũng góp thêm một bịch bơ chà thành bột làm quà cho bà Marpa.

Chúng tôi lên đường với đoàn tùy tùng đông đảo. Khi còn cách chừng một quãng đường nữa, Ngogdun bảo tôi đi trước thông báo cho Thầy chúng tôi biết và hỏi xin một ít bia để uống lấy sức. Và như thế tôi trở lại nhà Thầy tôi. Trước tiên tôi gặp bà Marpa, tôi trao cho bà bịch bột bơ và cung kính làm lễ với bà. Rồi tôi thưa với bà rằng Lạt-ma Ngogdun còn ở cách đây không xa và xin bà cho ít bia để ông giải khát. Bà rất hài lòng và bảo tôi vào tỏ lòng kính trọng với Thầy.

Tôi tìm thấy ông đang ngồi thiền định trong phòng trên. Tôi cúi đầu hành lễ và cố gắng dâng lên ông chiếc khăn choàng, nhưng ông ngồi quay lưng lại phía tôi. Tôi đi qua phía khác làm lễ, dâng khăn lần nữa, và lần này ông quay một nửa về phía tôi, thấy thế tôi lấy hết can đảm nói:

“Kính bạch Thầy, mặc dù Thầy giận con và từ chối không nhận lễ của con, nhưng con phải thưa cho Thầy biết là Lạt-ma Ngogdun đang trên đường đến đây và mang theo tất cả những vật sở hữu làm lễ vật dâng lên Thầy,” – đến đây tôi dâng lên ông danh sách những vật Ngogdun mang theo – “như thế, thưa Thầy, Thầy có hoan hỉ tiếp đón ông ta không? Nếu Thầy hoan hỉ, xin Thầy gửi cho ông ta một ít bia và để giải khát trong lúc ông ta còn đi đường mệt nhọc.”

Đức Lạt-ma nóng tính này hiển nhiên đùng đùng nổi giận, một lần nữa bật lên tiếng mắng chửi:

“Ta có bao giờ được ai tiếp đón đâu, khi ta cong lưng mang những vật vô cùng quý giá – những Giáo lý – từ Thiên trúc về đây? Dù cho một con chim què cũng không bao giờ chạy ra kêu vài tiếng chirp chirp để mừng ta, ta Dịch giả Marpa, phải đi đón Ngogdun chỉ vì hấn mang cho ta mớ súc vật lạc loài ở đâu đó sao? Không, không bao giờ! Nếu hấn mong điều đó thì tốt hơn hết, hấn quay về đi.”

Tôi vội vã bỏ đi và đến thưa với bà Marpa; bà nói: “Thầy con thật là người nóng tính. Ngogdun là một bậc đại nhân, phải đón tiếp ông ấy một cách đặc biệt. Đi! Chúng ta hãy đi đón ông ta.”

“Ồ không!” tôi hấp tấp cắt ngang, “Ông ta không mong bà đi đón, chỉ xin bà cho một ít bia mang ra cho ông ta thôi.”

Nhưng bà Marpa không có bia nên bà ra lệnh cho các đệ tử mang theo một ít rượu mạnh loại ngon và chúng tôi cùng nhau đi đón Ngogdun.

Hôm nay, một cuộc họp mặt đông đảo được tổ chức không những để mừng ngày khánh thành ngôi nhà mới mà còn để mừng người con trai duy nhất của gia đình Thầy tôi đến tuổi trưởng thành. Nhiều tân khách tặng quà và người ta đã chuẩn bị một bữa tiệc lớn. Khi tất cả đã sẵn sàng, Thầy Marpa hát bài chúc phúc cho tất cả bằng hữu, kêu gọi sự ban phúc lành cho Tông phái, Giáo lý, cho chính ông và các đệ tử, cho tất cả ý tưởng và hành động; cuối cùng cho toàn thể các Lạt-ma và cư sĩ đã tụ hội nơi này.

Khi ông chấm dứt bài hát, Ngogdun bước đến dâng các lễ vật lên ông cùng với lời trình như sau:

“Lạt-ma Đạo sư chí tôn chí kính, không kể đến chúng con và tất cả những gì của con là của Thầy. Đây con xin dâng tất cả lên Thầy. Vật duy nhất con đã để lại ở nhà là con dê cái già què chân không thể nhập bầy được. Và với những lễ vật này, con xin Thầy ban cho con lễ Diễm Đạo Truyền Pháp Quý báu, những Đạo lý Bí truyền thâm sâu hơn, cùng những Kinh sách cần thiết.” Rồi ông sụp xuống phục lạy để mong Thầy hài lòng, và đức Marpa đáp:

“Nếu ta không nói quá thì ta đã được một ít chân lý và Kinh điển thâm áo nhất và hiếm có nhất. Những Kinh điển và chân lý này thuộc về Con Đường theo đó người ta có thể đạt được Niết-bàn ngay trong đời này, khỏi bị tái sinh đời đời kiếp kiếp đến vô kể, nhưng muốn ban cho những Đạo lý như thế phải có những điều kiện nghiêm lệ đi kèm. Vì thế, trừ phi anh về nhà mang luôn con dê già què chân anh đã bỏ lại đến đây, e rằng ta không thể ban những Đạo lý ấy cho anh. Kể cả những thứ anh đã có ở đây.”

Nhất định nếu Ngogdun về mang con dê già què giò đến thì đức Marpa sẽ làm lễ Diễm Đạo Truyền Pháp cho ông ta, vì thế sáng hôm sau Lạt-ma Ngogdun lên đường về nhà, và vài ngày sau ông ta trở lại với con dê già trên vai. Với lòng mộ đạo như thế, vị Đạo sư thật đã xúc động sâu xa, nói:

“Con thật là một người chí thành trọn tín cầu Đạo. Ta có dùng con dê già què giò nay làm gì, nhưng ta muốn nhấn mạnh sự quan trọng và giá trị của những Đạo lý này thôi.”

Và sau đó chẳng mấy chốc ông đã làm lễ Diễm Đạo Truyền Pháp cho Ngogdun theo sự mong cầu.

Cuộc lễ tiếp tục một thời gian dài, những người khách khác biểu quà vào những ngày khác nhau. Và một hôm khi chỉ có một đệ tử từ xa đến, cùng với những người trong gia đình, bỗng nhiên đức Marpa trừng mắt nhìn Ngogdun và đưa tay chỉ mặt ông ta, buộc tội:

“Này Ngogdun Chudo, anh lấy gì để chuộc tội vì đã làm lễ Diễm Đạo Truyền Pháp cho cái thằng Thopaga xấu xa vô lại này?” Và ông nhìn vào cây gậy đang cầm trên tay.

Vị Thượng tọa đáng thương này hoảng sợ, lúng túng thưa rằng:

“Lạy Đạo sư kính ái nhất đời, chính Thầy đã lệnh cho con trong bức thư Thầy đã ấn dấu ký tên, bảo con làm lễ Diễm Đạo Truyền Pháp cho Thopaga, Thầy đã gửi vòng hoa và râu chuỗi của sư ông Naropa làm tín vật. Con chưa dám làm điều gì sai quấy, vì thế xin Thầy đừng giận con.” Và ông ta nhìn quanh một cách khổ nhọc, có lẽ để tìm đường rút lui.

Và đến lượt tôi. Ngón tay buộc tội đã quay hướng sang tôi:

“Mi đã lấy những vật ấy ở đâu?” Một câu hỏi đầy đe dọa. Tôi hoảng sợ. Tim tôi bắt đầu đập thình thịch và đầu gối tôi bắt đầu yếu oặt.

Sự sợ hãi tràn ngập khắp người, tôi ngập ngừng lắp bắp thưa rằng tôi đã nhận những vật đó do bà vợ ông trao cho.

Tức tốc Marpa nhảy xuống khỏi chiếc trường kỷ và đi về phía vợ ông, tay cầm cây gậy với chủ ý rõ ràng là để gia tăng hình phạt. Nhưng vợ ông, từ lâu đã có kinh nghiệm nên có thể tự bảo vệ mình, bà đã chiếm một chỗ ngồi gần cửa. Bà phóng lệ ra cửa và chạy vào nhà nguyện đóng cửa lại. Ông Marpa đập cửa ầm ầm, nhưng không thể mở cửa được. Vì thế ông quay trở lại nạn nhân khác.

Ông Marpa ngồi xống và nói: “Này Ngogdun Chudo, vì anh đã làm những điều ta không bảo anh làm; ta ra lệnh cho anh về nhà mang râu chuỗi và vòng hoa của sư ông Naropa đến đây ngay.” Rồi ông trùm kín đầu ngồi im lặng, không ai quấy rầy ông được.

Ngogdun cúi đầu chào và im lặng rút lui, khi ông ra ngoài tôi chặn ông lại, vì tôi đã chạy trốn cùng lúc với bà Marpa, tôi khóc lóc xin ông cho tôi theo. Nhưng ông sợ hãi bảo:

“Nếu bây giờ tôi đem anh đi mà không được Thầy cho phép, thì chỉ gây thêm cảnh bi đát khác mà chẳng ích gì. Nếu Thầy chỉ đối xử tệ với anh thôi, tôi sẽ làm những gì tôi làm được để giúp anh.”

Tôi nói: “Tất cả lỗi này là do quá khứ độc ác của tôi nên tôi buồn khổ lắm, và bây giờ lại thêm ngài và sư mẫu Marpa dính líu vào nữa. Tôi không còn hy vọng nào lấy được Giáo lý. Tôi chỉ còn cách kết thúc đời tôi càng sớm càng hay.” Và sự thực nhiều lúc tôi đã có ý định tự tử.

Nhưng Lạt-ma Ngogdun bảo: “Đừng, đừng làm thế, Đại Phù thủy, hãy can đảm lên. Giáo lý đã dạy những nguyên tắc và những khả năng bản thân

chúng ta đều thiêng liêng cả. Nếu chúng ta tự ý cắt đứt sinh mệnh mình quá sớm sẽ mắc phải tội giết chết thần tính trong chúng ta và như thế chúng ta sẽ bị trừng phạt xứng đáng. Không tội nào lớn hơn tội tự tử... Ngay trong Kinh điển cũng lên án nó một cách gắt gao. Vì lợi ích tốt lành, anh hãy hiểu thấu và xóa bỏ cái ý đó trong đầu óc anh! Có thể cuối cùng Thầy sẽ cho anh Giáo lý, và nếu ông không cho, thì vẫn có người khác cho anh.”

Ông ta đã cố gắng an ủi tôi như thế. Vài đệ tử khác cũng xúm lại tỏ thiện cảm, cố gắng an ủi tôi. Nhưng lòng tôi dường như đã tan vỡ, nỗi đau khổ quá độ vỡ bờ.

Như thế, bây giờ các anh đã biết, Rechung và các đệ tử của ta, ta đã phải chịu đựng bao nhiêu đau khổ trong lúc bắt đầu cầu Đạo vì những hậu quả quá khứ độc ác của ta.

* * *

Rất ít khi chúng tôi cảm được nước mắt tuôn trào vì câu chuyện đầy hình ảnh sống động của Sư phụ Milarepa; sự thực có vài người không khóc nhưng cũng mềm lòng vì xúc động.

* * *

V

ĐIỂM ĐẠO TRUYỀN PHÁP

Một lần nữa tôi lại có phận sự thúc giục Đạo sư yêu quý của chúng tôi kể cho chúng tôi nghe, cuối cùng, người làm thế nào đã thành công và lý do tại sao sư ông Marpa thay đổi thái độ đối với người. Vì thế Sư phụ Milarepa tiếp tục:

* * *

Ồ, tất cả các đệ tử đều đang ở trong tâm trạng trầm trọng vì tính tình dữ dội của Thầy chúng tôi. Nhưng sau một lúc, tâm trạng ông đã thay đổi và hoàn toàn vui vẻ. Ông sai một đệ tử đi gọi sư mẫu đến, và trong lúc người đệ tử đi gọi sư mẫu thì ông hỏi:

“Ngogdun Chudo và các đệ tử khác ở đâu?” Một đệ tử can đảm nhất thưa:

“Bạch Thầy, Thầy đã bảo sư huynh Ngogdun về nhà lấy các thánh tích của sư ông Naropa, và sư huynh Ngogdun thấy chú Đại Phù thủy quá buồn nên còn đang cố gắng an ủi chú ấy.” Sư phụ tôi còn hỏi nhiều chi tiết khác, khi nghe đáp đầy đủ tất cả thì đôi mắt ông chan chứa nước mắt và thì thầm nửa giọng như để cho chính mình nghe:

“Được như thế phải là những đệ tử chân thành cầu Đạo; ta muốn thế nào thì người đó lập tức làm theo ý ta. Hãy gọi tất cả các đệ tử đến đây vì ta cảm thấy ta có lỗi với tất cả bọn họ.”

Rồi một người trong bọn đi tìm Ngogdun nói cho ông ta nghe những gì Thầy tôi đã nói, thêm rằng dường như tánh nóng nảy của Thầy tôi không còn nữa và Thầy hoàn toàn có ý định từ tế muốn ông đến gặp Thầy. Vì thế, tôi lại than van, ganh tị những ân huệ ông ban cho các đệ tử khác, và tôi khóc kể rằng Thầy tôi sao đối xử với họ quá yêu thương nhưng riêng tôi ông lại quá tàn bạo; Lạt-ma Ngogdun đã ở lại an ủi tôi. Tôi nức nở:

Thầy không bao giờ muốn gặp mặt tôi, hay nếu cần gặp cũng chỉ để trách mắng hay đánh đập thôi.” Ngogdun bảo một đệ tử vào hỏi Sư phụ xem ông có khoan hồng cho cả tôi không, nếu không ông ta không có trách nhiệm gì về những việc tôi đã làm, vì thế tôi lại buồn vô hạn.

Và khi Sư phụ tôi nghe nói thế, ông đáp đầy bất ngờ:

“Việc của thằng Đại Phù thủy trước kia có lẽ đúng như thế, nhưng hôm nay khác hẳn rồi. Hôm nay nó là người khách chính của ta. Nay Damema, hãy đi mời nó vào đây.

Tôi bước theo sư mẫu, khuôn mặt già nua tử tế của bà được trang điểm bằng những nụ cười vui tươi, bảo tôi:

“Này Đại Phù thủy, ta nghĩ rằng cuối cùng bây giờ con đã được ân huệ của Thầy con rồi đó. Ông vừa bảo ta đi gọi con và con sẽ là người khách chính của ông hôm nay. Đường như ông đã hoàn toàn thay đổi. Bây giờ hãy đi với ta, chúng ta cùng vào với nhau.”

Không hoàn toàn tin rằng tôi lại may phước đến như thế, vì đã bao nhiêu lần thất vọng rồi, tôi rút rè theo sau bà bước vào và ngồi xuống. Rồi đức Marpa bắt đầu nói như diễn thuyết:

“Nghĩ đến những việc đã qua, ta thấy rằng thực sự không ai đáng trách cả. Đệ Đại Phù thủy đền bù những tội lỗi của nó, ta đã bảo nó một mình xây tất cả những ngôi nhà đó. Nếu đó chỉ là mục đích ích kỷ của ta, ta vẫn có thể bắt nó làm nhiều hơn nữa bằng cách đối xử tử tế với nó để dụ dỗ nó làm. Nhưng cách cư xử của ta đối với nó là có mục đích, như thế xin đừng trách ta làm gì. Còn đối với bà vợ của ta đây, tất cả những bản năng của một người mẹ của bà ta đã biểu lộ ra vì tất cả sự đối xử tàn bạo của ta đối với Đại Phù thủy, là người có nhiều ý chí và kiên nhẫn, vì thế chỉ có thể trách bà ta về việc giả mạo thư và đánh cắp các tín vật, dù đó là một trọng tội. Về Đại Phù thủy thì nó hoàn toàn đúng trong việc nó đi đến bất cứ nơi nào khác để tìm Giáo lý. Còn Ngogdun, anh không thể biết, đúng như lời anh nói, và như thế là không thể trách anh. Về phần ta, ta không biết về bức thư giả mạo hay việc ủy thác làm lễ Điểm Đạo Truyền Pháp xảy ra lúc nào. Mặt khác, ta cố đã gắng hết sức để đưa Đại Phù thủy đến một cứu cánh tối hậu cam go. Sự thất bại của ta ở đây là lý do khiến ta nổi giận. Dĩ nhiên, tánh nóng nảy xấu xa của ta ở đây không phải là tánh nóng giận thường tình, mà là một đạo nộ [sự nóng giận của đạo], nó khác với sự nóng giận thường tình, chỉ vì mục đích muốn tìm ra manh mối sự hối hận nơi kẻ phạm tội, nếu như có người nào nào đó trong số các anh ở đây đã bị kích động vì sự phẫn nộ của ta mà không mất niềm tin thì hay biết bao, ta biết rõ những gì ta làm. Nếu ta đẩy Đại Phù thủy đủ chín lần xuống hố thăm tuyệt vọng, nó sẽ hoàn toàn được gột sạch tất cả tội lỗi, nó không còn phải tái sinh nữa mà sẽ đạt được Niết-bàn. Vì vẫn còn một lỗi làm nhỏ nó phải gột sạch, nhờ ở ý tốt, nếu Damema và sự nhẹ dạ của bà ta có dẫn dắt sai lầm. Tuy nhiên, nó đã được gột sạch tám lần và nhiều sửa trị thứ yếu các lỗi làm nhỏ hơn. Bây giờ ta sẽ cử hành lễ Điểm Đạo Truyền Pháp cho nó. Ta sẽ giữ nó lại ẩn tu một thời gian trong một cái am nhỏ có niêm phong.”

Tôi phải ngắt vào da thịt mình để chứng tỏ tôi vẫn tỉnh táo và đó không phải là nằm mộng. Những giọt lệ hân hoan trào xuống khi tôi quì lạy làm lễ dưới chân Thầy tôi. Damema, Ngogdun, và tất cả mọi người không biết cái đáng ngưỡng mộ nhất nơi Thầy của chúng tôi là cái gì. Sự nghiêm khắc và

tính kiên cường, sự tự ái và lòng tử tế phi thường, hay trí tuệ và nội kiến của ông. Họ nhận thấy rằng ông đã thành Phật; với niềm tin và sự đổi mới và tình thương yêu sâu xa hơn, họ cúi đầu thật thấp trước ông để biểu lộ niềm hân hoan và lòng biết ơn của họ như con thủy triều. Tất cả mọi người đều tươi cười hoan hỉ khi chúng tôi ăn những chiếc bánh thiêng liêng, một sự tu hộp hạnh phúc.

Cùng đêm hôm đó lễ vật được dâng lên bàn thờ, tôi được cạo tóc, và tôi mặc chiếc áo tăng nhân, được thọ giới làm tân tăng và giữ hạnh nguyện Bồ-tát.

Khi đức Lạt-ma Marpa ban rượu thánh trong chiếc sọ người, mọi người đều thấy một chiếc cầu vồng từ chiếc sọ người phóng ra. Ông rót rượu dâng lên các vị Thần Hộ mệnh của ông, rồi ông uống rượu trong cái sọ người, và ông trao cho tôi phần còn lại, tôi uống cạn. Ông hứa cho tôi một lễ Điểm Đạo Truyền Pháp đầy đủ vào ngày hôm sau.

Ông giảng giải vài điều của Giáo lý Thượng thừa với sự phụ trợ của những hình đồ và cho phép tôi đọc các Mật điển (Tantra), tiếp theo là giảng giải các phép thiền định. Cuối cùng ông đặt bàn tay lên đầu tôi và nói:

“Con ơi, ngay từ lúc đầu ta đã biết con là người chân thành cầu Chân lý.” Và ông kể cho tôi nghe những giấc mộng của ông và của sư mẫu đã thấy trước khi tôi đến. “Đó là lý do ta giả vờ đi cày ruộng, sự thật là đến để gặp con,” ông nói tiếp. “Việc con uống hết bia và cày hết thửa ruộng là dấu hiệu chứng tỏ con là một đệ tử đáng để uống nước Đạo của ta cho con.” Rồi ông giảng ý nghĩa chiếc bình đồng tôi đã mua dâng lên ông. Sự thực, dường như ông không làm điều gì không có mục đích, và mục đích đó là sự an lạc của tôi hôm nay. Ông kết thúc: “Và bây giờ, vì con đã chịu đựng mọi sự với kiên nhẫn và ôn nhu mà con không mất niềm tin nơi ta; rồi con cũng vậy, con sẽ có những đệ tử nhiều năng lực, niềm tin và trí thông minh như con, và chúng cũng tin con như con tin ta.”

Đó là những lời Thầy tôi khuyên nhủ, ca ngợi, khen tặng tôi. Và những ngày hạnh phúc của tôi đã bắt đầu như thế.

*

*

*

VI

GIÁO LÝ CỦA ĐẠO SƯ

Rồi tôi hỏi Sư phụ Milarepa: “Bạch thầy, Thầy đã ra đi ngay vào hoang sơn để thiền định một mình về Chân lý mà Thầy đã thọ nhận phải không?” Sư phụ Milarepa tiếp tục:

* * *

Đạo sư của tôi bảo tôi an cư trong một cái cốc mà ông đã tích trữ lương thực cho tôi, cứ đúng kỳ hạn là ông lại đến đưa thức ăn cho tôi qua lỗ hồng. Ở đó tôi đã ngồi trên chiếc bồ đoàn liên tục mười một tháng để thiền định với thân mình thẳng đứng, trên đầu đặt một chiếc đèn thắp bằng bơ; trong khi đèn cháy tôi tiếp tục thiền định, chỉ nghỉ trong lúc đèn tắt, dù ngày hay đêm. Rồi mười một tháng trôi qua, Sư phụ và sư mẫu đến thăm tôi, nói rằng tôi đã tu tập tốt, nhưng bảo rằng bây giờ tôi phải ra khỏi cốc để nhập tịch với hai người, và tôi phải kể lại cho Sư phụ tôi nghe về những kết quả nhận được trong các cuộc thiền định. Tôi phải làm việc này một cách miễn cưỡng, nhưng Sư phụ đã ra lệnh nên tôi phải vâng theo. Tôi không vội phá đổ bức tường của cái cốc để ra mà lại cố trì hoãn. Rồi sư mẫu đến hỏi: “Này con, con không ra đây sao?”

Tôi thưa: “Con cảm thấy không muốn phá tường.”

Bà bảo:

“Đừng để ý đến chuyện đó. Con biết các Điem báo trước rất quan trọng, và chúng biểu thị rằng con nên ra. Và lại, tính tình Sư phụ của con không tốt cho lắm, nếu sự trì hoãn của con khiến điem xấu xuất hiện, ta không khổ vì con nữa đâu. Hãy ra đi, ta giúp con phá tường.” Rồi chúng tôi cùng nhau phá tường và chẳng mấy chốc tôi đã thấy ánh sáng mặt trời. Tôi bước vào một thế giới mà tôi cảm thấy đã bị mất hoàn toàn.

“Trong khi hai chúng tôi, cha và con, sẽ thảo luận về Thiền định thì Damema, bà hãy đi nấu một bữa ăn thật ngon nhé.”

Trong bữa ăn, Sư phụ tôi hỏi về những kinh nghiệm tôi đã trải qua trong lúc nhập thất và tôi đã đến cảnh giới nào trong cuộc nhập thất. Ông bảo: “Hãy từ từ kể lại cho ta nghe.” Như thế tôi không phải sợ mất đi cái phần nghệ thuật trong khi tôi ứng khẩu hát. Tôi bắt đầu hát một tán ca để ca ngợi Thầy tôi và vợ ông, trong cung cách kính ngưỡng đối với những người đã giúp đỡ cho tôi quá nhiều; và khi tôi chấm dứt bài tán ca, tôi nói cho ông nghe về Chân lý tôi đã thức ngộ trong thiền định:

“Kính bạch Đạo sư chí thượng, người là Phật, là Vajra Dhara [Kim Cương Thủ]; con mang ân người vô lượng, vô biên; con đã thức ngộ được một ít Chân lý, đó là để báo đáp ân người trong muôn một, và đây là những gì con đã thức ngộ được, nếu người đủ từ ái và kiên nhẫn lắng nghe:

*Giáo lý mười hai nhân duyên con đã liễu ngộ;
 nó bày tỏ sự tùy thuộc của mọi sự vật trong thế giới này
 với mọi sự vật khác, và cùng cách thức này,
 thân con và sự hiện hữu trong đời này tùy thuộc nơi Vô minh,
 vì Vô minh là nguyên nhân căn bản của tái sinh.
 Với những người có thể liễu ngộ điều này thì chính thân họ
 có thể là phương tiện để giải thoát họ ra khỏi tái sinh;
 nhưng những người còn lại, chính thân họ
 cũng là dây xích buộc chặt họ vào Vòng Sinh-tử.
 Vì thế, cuộc đời của chúng ta chia hai giữa cao và thấp,
 tùy theo chúng ta tiến lên cao hay rơi xuống thấp.
 Mỗi người phải quyết định cho mình con đường mình đi,
 vì cơ duyên mình có là kết quả mình đã được sinh ra làm người,
 một cơ hội tốt không thể khinh thường vứt bỏ;
 vì hậu quả lựa chọn đang chờ sẵn chúng ta nơi xa kia.
 Với người, Đạo sư của con, con xin hứa với người con sẽ vượt khỏi
 vòng Sinh-tử không ngừng này, căn nguyên của mọi đau khổ;
 nhưng để đạt được điều này con phải qui y Tam Bảo:
 Phật, Pháp, và Tăng, và giữ Giới luật.
 Và Đạo sư cũng là phương tiện thiết yếu để thành công và hạnh phúc.
 Vì thế con ý thức rằng cần phải tuyệt đối vâng theo
 những mệnh lệnh của Đạo sư
 và trọn tin nơi Đạo sư hoàn toàn vô hại.
 Đây là bước đầu tiên con hiểu, từ đó con bước tiếp.*

*Con đã thiên định sâu xa, được sinh làm người là rất hy hữu,
 Trong tất cả mọi hình thức của cuộc tồn sinh,
 về sự bất định ôm choàng giây phút chết,
 về hậu quả không thể tránh được của nghiệp hành,
 về sự không nơi nào không có của đau khổ trong thế gian này.
 Tất cả những điều đó chắc chắn sẽ khiến người ta mong muốn
 một lần mãi mãi thoát khỏi cuộc tồn sinh như thế.
 Nhưng để được giải thoát như thế,
 người ta phải theo Bát Chánh Đạo
 là phương tiện duy nhất đưa đến Giải thoát.*

Và từ con Đường này
 người ta phải tiến lên những con Đường Cao Hơn,
 không giây phút nào ngừng tự mình tu tập và giữ Giới luật,
 phải thi hành và đổi mới các hạnh nguyện của mình khi cần thiết.
 Kẻ nào chỉ tìm tự do và hạnh phúc cho riêng mình,
 kẻ ấy đi con Đường thấp;
 nhưng kẻ nào cảm thấy thương yêu và từ ái với tất cả mọi người,
 là muốn giúp họ hướng đến Giải thoát,
 và chính y đã đặt chân lên con Đường Cao hơn,
 và muốn từ bỏ Con Đường thấp để đến con Đường Cao hơn,
 người ta phải biết con đường họ đang đi và mục đích của họ là gì.

Bước thứ ba con đã bước là phải ý thức rằng
 Đạo sư rất cần thiết trong sự cố gắng như thế,
 một Đạo sư chính mình đã được khai ngộ và hiểu biết cao siêu
 là bậc Thầy của những phương pháp Điểm Đạo Truyền Pháp
 và biết rõ những gì thích hợp nhất với đồ đệ,
 thì chỉ một mình ông có thể giảng giải cho người đệ tử
 hiểu Cứu cánh Tối hậu.

Lẽ Điểm Đạo Truyền Pháp ban cho tâm
 một uy lực để làm chủ Đạo lý sâu xa và,
 trong lúc thiền định về Cứu cánh Tối hậu
 người ta phải cố gắng với mọi nỗ lực,
 vận dụng tri thức hàn lâm về ngữ pháp và luận lý học
 cũng như tri thức về đạo đức và tinh thần, thực hành tự quán
 để khám phá Chân lý, “Chẳng có cái gì là ta cả,”
 và tất cả lý luận và học thức của chúng ta
 đặt căn bản trên sự giả lập của cái “ta” hư vọng này.

Nhờ cần mẫn và tu tập tinh tấn,
 người ta có thể đi đến giai đoạn mà tâm thức mình hoàn toàn tịch tĩnh,
 tất cả tâm hành ngừng nghỉ, và chính thời gian dường như đứng lặng.
 Khi đã đạt đến cảnh giới này, người ta có thể tận dụng khả năng
 của ý thức để đạt đến cảnh giới xuất thân – sự xuất thân của ý thức
 yên tĩnh.

Những cá nhân bình thường suy nghĩ theo những hạn từ
 “tôi” và “những người còn lại” không bao giờ có thể
 kinh nghiệm được điều đó,
 nhưng người ta phải ở trên con Đường đưa đến Phật tánh
 để đạt nó và như thế do Tư tưởng được kiểm soát

và sự nhiếp tâm quán tưởng, người ta bước chân trên đường Đạo, những sự quán tưởng về các vị thần chỉ là những dấu hiệu trên đường Đạo và chính chúng không có giá trị nội tại.

Như thế, những gì người ta thực sự cần là sự tĩnh lặng của tâm trí, một năng lực vô biên, một cảm thức phân tích sắc bén, một tâm thức trong sáng sinh động; những thứ này giống như những nấc thang thấp nhất của một cái thang.

Tất cả nỗ lực phải được thúc đẩy bởi tâm đại bi và sự quyết tâm mà những thành đạt riêng của một người sẽ được dùng cho điều thiện chung.

Mục đích phải trong sáng và những hứng khởi, cầu nguyện, tiến trình tâm thức của một người phải vượt qua tư tưởng.

Con hiểu đây là Con Đường Tối thượng trong tất cả mọi Con Đường. Không có gì được phép đứng trên con đường thành tựu, và ngay chính thức ăn, không phải danh từ “thức ăn,” mà là những gì làm thỏa mãn sự ngon miệng.

Như thế người ta phải thể nghiệm Chân lý, không phải chỉ có một định nghĩa hàn lâm, và người ta cũng không thể cho phép sự tiện nghi, ngay cả những nhu cầu thể xác ở trên đường đi.

Người ta phải vượt qua mọi chướng ngại, phải sẵn sàng hy sinh mọi sự, ngay cả mạng sống của chính mình.”

“Con không bao giờ có thể đền đáp được gì cho Sư phụ và sư mẫu, cũng không thể nói một tiếng cảm ơn đối với những gì Sư phụ và sư mẫu đã làm cho con, Sư phụ và sư mẫu là những ân nhân muôn đời của con. Cách duy nhất con có thể đền ơn Sư phụ và sư mẫu trong muôn một là con sẽ hiến dâng đời con cho thiền định để ngộ nhập Niết-bàn rốt ráo.”

Những cảm xúc của tôi quá mãnh liệt đến nỗi một lần nữa tôi lại ứng khẩu hát ngay một bài khác để ca tụng những gì tôi đã thọ nhận từ Sư phụ tôi và để ca ngợi lòng tử tế, sự khuyến khích mà sư mẫu đã cho tôi trong những giờ phút đen tối nhất của đời tôi.

Điều này làm Sư phụ tôi hoan hỉ vô cùng và ông nói:

“Ta hy vọng nơi con rất nhiều và con đã không làm ta thất vọng.”

Sư mẫu tôi nói: “Tôi biết con trai tôi có đủ ý chí và thông minh để thành công mà.”

Rồi tôi chào già biệt hai người để trở lại cốc.

Sau đó không bao lâu Sư phụ tôi tổ chức một buổi lễ theo thị kiến của ông: các thiên nữ hiện đến nhắc ông về những ẩn ngữ mà sư ông Naropa đã một lần cho ông biết. Lúc đó ông không hiểu những ẩn ngữ đó nhưng bây giờ ông đã được minh giải rõ ràng. Kết quả khiến ông sang Thiên trúc để gặp Đạo sư của ông.

Vài ngày sau ông trở về, và chính tôi đã thấy một giấc mộng có một thiên nữ xuất hiện bảo tôi rằng tôi còn thiếu một Giáo lý đặc biệt gọi là Drong-jug, một luận thư Du già (Yoga). Khi thức dậy tôi suy nghĩ rất nhiều về việc này, vì đó là một giấc mộng rất rõ ràng và tôi tin rằng Thiên nữ ấy là sứ giả mang tin cho tôi, vì thế tôi nghĩ rằng cần phải phá tường ra khỏi cốc để tham hỏi ý kiến của Sư phụ về giấc mộng, vì chắc chắn ông biết rõ mọi sự kể cả Giáo lý này.

Vì thế tôi phá vỡ bức tường đất ra ngoài gặp ông. Thoạt thấy tôi ra khỏi cốc, ông tỏ vẻ chấn động, bảo rằng đó là việc nguy hiểm, nhưng khi tôi nói cho ông nghe giấc mộng của tôi và hỏi rằng đó là mật khải hay là một mê hoặc, ông ngồi im lặng một lúc rồi bảo:

“Ừ, đó là một mật khải của Thiên thân. Ngay trước khi ta từ già Thiên trúc thì Đạo sư Naropa của ta cũng đã nói về Giáo lý Drong-jug này với ta, nhưng ta không nghĩ ra là ta đã có nó từ bao giờ. Ta sẽ lục tìm tất cả những thủ bản của ta xem có nó không.”

Như thế tôi và Sư phụ phí luôn cả phần ngày còn lại và gần suốt đêm hôm đó lục tìm trong chiếc rương chứa những thủ bản của ông nhưng không tìm thấy cuốn luận thư chúng tôi cần.

Ông nói: “Việc này xác định giấc mộng ta đã thấy trong chuyến đi gần đây, có nghĩa là ta phải đi Thiên trúc một lần nữa để tìm cho được Giáo lý này.” Và ông bất chấp mọi dấu hiệu cảnh cáo của tuổi già và hành trình khó khăn không làm ông nản lòng tí nào. Rồi ông ra đi với những phí dụng do các đệ tử đóng góp.

Lúc đó, đã biết sư ông Naropa đã biến mất tung tích, nhưng không có gì ngăn cản được Sư phụ tôi theo dấu vết truy tìm. Ông nghĩ thà rằng chết đi còn hơn công việc không thành. Bất ngờ, ông gặp sư ông ở một nơi trong rừng rậm và hai người cùng nhau trở về tự viện. Rồi ông hỏi sư ông về Giáo lý Drong-jug.

Sư ông hỏi:

“Chính anh đã nhớ lại Giáo lý này hay được mật khải?”

Ông đáp: “Bạch Thầy, không phải chính con nhớ, cũng không phải con được mật khải, mà con có một đệ tử tên là Thopaga, chính nó đã được mật khải và cũng vì nó mà con đến đây tìm Thầy.”

Sư ông Naropa nói: “Tuyệt vời! Ở cái đất Tây tạng tôi tắm cũng còn những ngọn đèn cháy sáng chiếu rọi cả những đỉnh núi cao! Đáng mừng thay!”

Và Sư phụ hát một tán ca tôn vinh tôi.

Rồi sư ông Naropa cho sư phụ Giáo lý Khẩu truyền mà ông đã hỏi và sư ông còn giải thích mấy điều báo tương lai để suy gẫm, chẳng hạn như cách thi lễ của sư phụ đối với sư ông có nghĩa là dòng dõi của ông sẽ chấm dứt nhưng chính ông sẽ được lưu truyền mãi mãi qua tôi. Và thực tế, chẳng bao lâu sau khi ông trở về thì người con trai duy nhất của ông qua đời.

Vào ngày kỷ niệm biến cố này, sau lễ truy niệm, tất cả các đệ tử xin ông hãy nhớ đến tuổi tác của mình đã cao và xin ông chỉ dạy cho họ theo sự cần cầu riêng biệt của mỗi người Giáo pháp và những Phương pháp Tu tập bằng cách dùng trí tuệ của ông để xem xét căn cơ của họ, vì thấy rằng ông sẽ không có người thừa kế vì bây giờ người con trai duy nhất của ông đã qua đời.

Vì thế, Sư phụ Marpa đáp: “Các con biết ta tin tưởng sự hướng dẫn của chư thiên qua các các báo điềm và những giấc mộng. Vậy, các con, những đệ tử của ta, hãy đi đi và chờ đến khi có mộng rồi đến đây kể cho ta nghe những gì các con đã thấy.”

Do đó, tất cả chúng tôi ra về và tập trung tâm ý mình sẵn sàng để đón mộng, nhưng dường như không một người nào, trừ tôi, được mật khẩu liên quan đến việc Trao truyền.

Giấc mộng tôi đã kể cho sư phụ tôi nghe như thế này:

“Đêm hôm qua con mộng thấy con đứng trên một đỉnh núi ở phía Bắc. Đỉnh núi cao vút trời xanh, mặt trời và mặt trăng chuyển động quanh đỉnh núi, rọi những tia sáng rực rỡ khắp mọi nơi. Chân núi bao phủ toàn thể mặt đất. Và chung quanh sườn núi có bốn con sông lớn, tất cả thú vật đến uống nước của bốn con sông này và rất lấy làm thỏa mãn. Những con sông này chảy vào một đại dương, và trên bờ đại dương có hoa đua nở. Mặt đông của núi, trên đầu một trụ cao là con sư tử với chòm lông bờm rậm trong tư thế sắp phóng mình nhảy tới; móng vuốt của nó đào sâu xuống sườn đồi, đầu nó ngẩng nhìn trời; và rồi nó bỏ trụ cao, phóng xuống sườn núi rong chơi. Trên đầu một cây trụ khác ở phương Nam là một con hổ đang đứng với bộ lông vẫn rất đẹp, móng vuốt của nó ngấp sâu trong rừng rậm và cũng ngược mặt nhìn trời. Rồi hổ cũng rong chơi tùy thích. Ở phương Tây, con chim ưng đậu trên trụ cao với đôi cánh vươn ra và ngược mặt nhìn trời, rồi cất cánh phóng thẳng vào bầu trời. Ở phương Bắc, trên một trụ cao khác là con linh thú đang đậu, cánh xòe, và trên một tảng đá lớn là tổ chim con. Nó ngược mặt nhìn trời và quạt cánh phóng vào hư không. Bạch Thầy, đó là giấc mộng của

con. Bây giờ xin Thầy giải thích ý nghĩa của giấc mộng này cho chúng con nghe.”

Lạt-ma Marpa dường như vui sướng lắm và ông bảo sư mẫu làm một bữa tiệc đặc biệt dọn lên, rồi khi tất cả chúng tôi đã ngồi xuống, ông nói:

“Thế giới phương Bắc tức là xứ Tây tạng, nơi lòng tin Phật nảy nở mạnh mẽ. Núi cao biểu tượng cho Tông phái mà ta, Dịch giả Marpa, sáng lập và các con là những người trực thuộc. Đỉnh núi cao vút trời xanh là Cứu cánh của chúng ta, mặt trời và mặt trăng luân chuyển chung quanh là Giác ngộ và Tình thương, ánh sáng của hai vầng nhật nguyệt là Ân điển rọi xuống Vô minh. Chân núi bao phủ mặt đất chứng tỏ việc làm của chúng ta sẽ tràn khắp thế gian; bốn sông biểu tượng cho Nghi lễ Điem Đạo Truyền Pháp và Chân lý là nước trong dòng sông mà mọi sinh vật uống sẽ được giải thoát. Đại dương là sự Hòa hợp của Mật giáo và Chân lý nền tảng, Ánh sáng Bên trong và Bên ngoài; hoa trên bờ là Chân lý được giác ngộ. Hỡi các đệ tử của ta, đây là giấc mộng báo điềm lành.”

“Trụ cao phương Đông với sư tử sắp phóng mình là Tsurton-Wangay xứ Dol, một người bản tánh sư tử với chòm lông bờm Chân lý Bí truyền; những móng vuốt của anh ta là móng vuốt của quả quyết, ngược mắt nhìn lên là vì anh ta đã được Giải thoát. Trụ cao phương Nam là Ngogdun Chudo giống như con hổ, với bộ lông vằn Chân lý Bí truyền, ngược mắt nhìn trời là đã giã từ những hư giả của thế gian hư ảo này; và dạo chơi tùy thích là đã giải thoát. Trụ cao phương Tây với chim ưng vút cánh là Meton-Tsonpo, đôi cánh vươn rộng là đôi cánh Chân lý Bí truyền, đã vượt qua những hố bẫy của trầm tư, đã nói lời vĩnh biệt với thế giới huyễn ảo này và tung cánh tự do. Trụ cao phương Bắc với linh thú trên đầu, là Thopaga, đồng thời cũng mang danh là Milarepa của xứ Gung Thang với Chân lý Bí truyền nhuần thấm mà cuộc đời đã phải trường kỳ chịu đựng như tảng đá nơi linh thú làm tổ và chim con là chỉ bậc nam nhi vô song; và anh ta cũng đã nói lời vĩnh biệt với cuộc sống thường tình và đạt đại Giải thoát. Hỡi các đệ tử, đây là một giấc mộng tuyệt diệu. Chiếu y của ta trao xuống các con và môn phái chúng ta sẽ thịnh phát.”

Khi nghe những lời này, tất cả chúng tôi đều vui mừng vô cùng. Rồi sư phụ chúng tôi mở tất cả những kinh sách tàng trữ ra cho chúng tôi xem. Ban ngày ông dạy chúng tôi từng người một và ban đêm trợ giúp chúng tôi trong việc thiền định, vì thế sự tiến bộ tinh thần của chúng tôi tiếp tục tiến nhanh.

Một hôm, trong một Nghi lễ Điem Đạo Truyền Pháp, sư phụ chúng tôi đã tìm thấy bằng huệ nhãn những phương pháp tu tập thù thắng thích hợp nhất cho mỗi người trong bốn đại đệ tử là bốn trụ cao trong giấc mộng của tôi, vì thế ông ngồi xuống để nhiếp tâm quán tưởng. Và đến rạng đông hôm sau ông đã có thể nhận biết đã đến lượt mỗi người trong bốn chúng tôi bắt đầu

dẫn thân vào phương pháp tu tập nào; tôi thiền định về phép luyện Tum-mo [lửa Tam-muội], vì thế sau này tôi được tặng danh hiệu mà các anh là những người biết nhiều nhất, đó là danh hiệu Milarepa, bởi vì tất cả những người thành tựu được phép tu luyện này đều mang danh hiệu Repa, hay người mặc Áo vải.

Do đã khám được những căn cơ bẩm sinh của mỗi chúng tôi bằng những năng lực huyền bí của ông, rồi ông tặng chúng tôi tặng phẩm cuối cùng, những bản văn đặc biệt cho sự tu tập của chúng tôi và những lời giải thích bản văn đó. Rồi ông ra lệnh chúng tôi hãy vào những sơn cốc (hang núi) xa xôi hẻo lánh, ít người lui tới để tiếp tục thiền định.

Rồi trước mặt tất cả những đệ tử tụ hội, ông nói với bốn chúng tôi:

“Ta đã cho mỗi người trong các anh những bản văn hướng dẫn thích hợp nhất, và ta báo trước rằng những vật đó cũng sẽ được trao truyền lại cho những đệ tử của các anh, ta không còn con trai để nối nghiệp, vì thế ta ký thác tất cả những thủ bản và những bảo vật thiêng liêng đó cho các anh. Mong các anh hiển mình làm những người hộ trì Niềm Tin để nó có thể thịnh phát và lan xa.”

Sau đó ba sư huynh tôi mỗi người trở về quê họ, nhưng Thầy tôi bảo tôi hãy ở lại với ông vài năm nữa, vì ông còn nhiều Giáo lý khác cho tôi cũng như nhiều cuộc Điểm Đạo Truyền Pháp nữa để sự hiểu biết của tôi phát triển nhanh hơn, vì thế tôi ở lại với ông. Vâng lệnh ông, tôi tự giam mình trong cốc để thiền định. Sư phụ và sư mẫu tôi mang cho tôi một phần những thực phẩm dâng cúng trong các buổi lễ đạo. Như thế tôi được gần gũi Đạo sư của tôi mấy năm kế tiếp, trong thiền định an lành, cho đến khi những hạt giống Linh Trí ông đã gieo nảy mầm trong tâm tôi.

*

*

*

VII

NHỚ NHÀ

Chúng tôi khó có thể chờ đợi lâu, chỉ muốn được biết ngay những gì xảy ra kế tiếp, vì thế tôi hỏi Đạo sư của chúng tôi:

“Bạch Thầy, việc gì khiến Thầy từ giả sư ông Marpa và Thầy đã ở lại trong am bao lâu?”

* * *

Tôi ở lại với Sư phụ tôi không bao lâu và do sự nhớ nhà của tôi dâng lên như một cơn sóng lớn theo sau giấc mộng tôi đã thấy một đêm nọ, và tôi tìm cách xin phép Sư phụ để về thăm nhà. Chuyện xảy ra như thế này:

Tôi rất ít ngủ trong lúc thiền định, nhưng một buổi sáng nọ, tôi đã ngủ say một giấc khá lâu và tôi mộng thấy ngôi nhà tôi, ngôi nhà Bốn Tám mà các anh đã biết, sụp đổ tan tành. Thờ phòng của tôi hư nát vì mưa dột chảy qua mái nhà đã bị mục, thửa ruộng có tên là thửa Worma Tam giác cỏ dại mọc đầy. Hơn nữa tôi thấy mẹ tôi đã chết và em gái tôi lang thang đói rách như một cô gái ăn mày cô độc. Tôi đã bật khóc trong giấc mộng vì mẹ tôi đã chết mà tôi không được thấy mặt bà lần cuối và vì số phận bất hạnh của em gái tôi. Khi tôi tỉnh dậy, chiếc gối của tôi ướt đầm. Tôi càng nghĩ đến giấc mộng, lòng tôi càng muốn về thăm mẹ càng lúc càng gia tăng và ngay cả khi thức tôi lại khóc nữa. Rồi tôi quyết định phải về thăm gia đình.

Vì thế trời vừa hừng sáng, tôi đã phá bức tường đất giam hãm tôi để đến xin phép Đạo sư của tôi. Khi tôi vào đến nơi, ông vẫn còn ngủ say trên giường, vì thế tôi ngồi xuống ở đuôi giường và cất tiếng nhẹ nhàng gọi ông, thưa rằng tôi không còn chịu đựng nổi sự cách biệt những người thân yêu, xin cho phép tôi về thăm họ và rồi sẽ trở lại ngay. Tôi vừa dứt lời thì Sư phụ tôi thức dậy. Những tia sáng đầu tiên của mặt trời mới mọc rọi qua kẽ hở những tấm bình phong che cửa sổ chiếu lên chiếc gối tạo một vòng ánh sáng trên đầu ông. Ngay lúc đó sư mẫu tôi mang bữa điểm tâm vào. Ba việc này dồn lại cùng lúc và dường như là điềm lành.

Khi thấy tôi, Sư phụ tôi bắt đầu cất tiếng la: “Sao bỗng nhiên con dám ra khỏi cốc, hả con?” ông hỏi, “Chắc con biết là con quá liều lĩnh chứ? Bây giờ con hãy trở lại cốc ngay đi!”

Nhưng giấc mộng đã cho tôi can đảm, vì thế tôi đã thưa với ông là nhà tôi sụp đổ, ruộng đất hoang tàn cỏ mọc, mẹ tôi đã chết, em gái tôi thành kẻ ăn mày lang thang cô độc, tất cả thế nào. Và tôi thêm rằng còn nhiều người tôi đã quen biết, bây giờ tôi rất muốn về thăm họ, chẳng hạn như người mục

phu của gia đình tôi và ngay cả bà thím đã ngược đãi chúng tôi. Rồi tôi viện lẽ biện hộ với ông để ông cho phép tôi về thăm nhà.

Sư phụ tôi đáp: “Này con, ngay lúc đầu tiên con đến gặp ta con đã nói với ta rằng con không yêu thích người thân hay bạn bè nào cả, bây giờ không những con muốn gặp họ mà còn muốn gặp bao nhiêu người khác nữa. Dù cho con có về nhà, hầu như con cũng không thấy được mẹ con còn sống và những người khác – biết họ ở đâu? Một lúc con lại muốn đi nơi này nơi nọ. Nhưng nếu con muốn, ta sẽ cho phép con đi.” Rồi ông bắt đầu tiên đoán những báo điềm như thường lệ: “Nếu con định trở về đây, nhưng sự kiện con thấy ta nằm ngủ, có nghĩa là chúng ta không gặp lại nhau trên đời này nữa. Mặt trời và mặt trăng rọi sáng trên nhà là dấu hiệu chứng tỏ con sẽ là một ngọn đèn sáng trong cõi Phật. Những tia sáng chung quanh đầu ta có nghĩa là tông phái ta sẽ thịnh phát và lan tràn. Damema mang bữa điểm tâm vào có nghĩa là con sẽ được nuôi dưỡng bằng thực phẩm của thân linh. Bây giờ ta cho phép con về thăm nhà. Ông bảo sư mẫu: ‘Damema, hãy dâng lễ vật lên bàn thờ cho tôi.’”

Khi tất cả mọi sự đã sẵn sàng, ông cho tôi lễ Điem Đạo Truyền Pháp cuối cùng và cao nhất và những Khẩu quyết chỉ được truyền miệng từ Đạo sư đến đệ tử, ông cảnh cáo tôi phải hết sức chú ý và chỉ được truyền những điều này cùng một cách thức như thế cho các đệ tử của tôi, khi tôi đã biết rõ bằng phương tiện bí mật rằng họ đủ sức tiếp nhận những điều đó. Ông nói:

“Không bao giờ tiết lộ cho họ biết hoặc vì lợi lộc, kiêu hãnh, hoặc vì sợ hãi hay ép buộc. Nhưng bất cứ đệ tử nào có tư chất bẩm sinh để thọ nhận những điều đó, hãy nuôi dưỡng, ấp ủ, thương yêu và ban cho họ. Những phương thức rèn luyện của ta đối với con, Tổ sư Tilopa đã áp dụng với đồ đệ của ông là Naropa, sẽ không thích hợp với những kẻ suy đồi, kém căn cơ của những thế hệ sau, chúng hiểu biết hạn hẹp và không đủ khả năng (tiêu hóa những Chân lý thần diệu. Vì vậy, con hãy ý thức trong việc sử dụng những Giáo lý Bí mật đó. Ở Thiên Trúc có chín bản văn như thế, ta đã cho con bốn bản, năm bản kia vẫn còn ở bên Thiên Trúc, con hãy cho một đệ tử của con sang đó cố gắng lấy cho được từ các đệ tử của sư ông Naropa của con. Còn con cũng phải cố gắng hết sức giữ gìn chúng. Và nếu con nghĩ rằng vì con không có lễ vật dâng ta nên ta giữ lại không cho con những gì đó, thì con hãy bỏ cái ý đó đi; vì việc này chẳng còn gì trói buộc ta với con nữa. Ta thật rất hài lòng vì lòng sùng mộ và năng lực của con. Trong tất cả các đệ tử của ta, chỉ có con được rỉ tai truyền Chân lý Mật truyền mà sư ông Naropa đã truyền như thế cho ta. Ta nhắc lại, ta không truyền Chân lý Mật truyền này cho ai khác ngoài con.” Rồi Sư phụ tôi hát một tán ca do ông sáng tác trong lúc hài lòng, nói lên sự tương phản của kiến thức và Chân tri, giữa giàu sang

[thế gian] và sự Giàu sang Tinh thần, và khuyến giục từ bỏ sự vật thế gian để vì Thực tại Chơn như.

Cuối cùng, ông đặt tay lên đầu tôi và từ ái bảo: “Con ra đi khiến lòng ta tan vỡ, nhưng mọi vật có hợp phải có tan, vì thế đau lòng cũng chẳng ích gì. Con hãy ở lại đây vài hôm nữa để học các bản văn, nếu có gì cần giảng giải, ta sẽ giải thích cho con trước khi con ra đi.”

Vì thế tôi đã ở lại mấy ngày và chúng tôi đã thông qua các bản văn.

Vào hôm cuối cùng với hai bậc cha mẹ tinh thần yêu quý của tôi, một bữa tiệc lớn đã được dọn lên. Trong bữa tiệc Sư phụ tôi đã tự biến ra nhiều hình tượng thần linh với những vật biểu tượng tương hợp với mỗi hình tượng, rồi ông cắt nghĩa đây là Năng lực Thần thông không bao giờ được biểu diễn vì muốn phô trương hay khoe tài. Ông bảo ông thi triển thần thông này là để ban ân cho tôi, là một tặng phẩm của ông lúc tôi sắp ra đi. Rồi tôi nhận thấy rằng mục đích của việc này là để nêu ra sự huyền ảo của vạn vật, tôi cũng thêm chắc chắn rằng Sư phụ tôi là một vị Phật và tôi quyết tâm cố gắng noi gương để tự đạt được các Năng lực tương tự cho chính tôi.

Ông hỏi: “Này con, con có thấy và tin đây chứ?” Tôi thưa: “Lạy Đấng Đạo sư, không thể không tin được. Con sẽ cố gắng hết sức để được như Sư phụ và đạt những Năng lực đó.”

Ông nói: “Tốt lắm! Bây giờ thì con hoàn toàn có thể ra đi được. Vì con đã hiểu rõ sự huyền ảo của thế giới này. Con hãy vào ẩn tu trong núi cao rừng rậm, trong các sơn cốc hay những chỗ hành hương; con hãy hiến cả đời con cho thiền định. Con hãy từ bỏ tất cả những tham vọng trong cuộc đời này và hãy yêu mến cảnh hoang liêu cô tịch của rừng núi, rồi con sẽ hoàn toàn đầy đủ khả năng đền đáp lại tình thương và lòng tử tế của cha mẹ con, và con cũng đủ năng lực để phụng sự cho Đại Thiện Nhân Duyên. Nhưng nếu lòng sùng mộ của con không còn thì con sẽ chông chất thêm ác nghiệp cho chính con thôi. Vì thế con hãy từ bỏ tất cả những tham vọng thế gian và đừng lãng phí thì giờ để cãi cọ với bọn thường nhân là những kẻ chỉ quan tâm đến sự tiến bộ vật chất bên ngoài, và hãy tự giam mình trọn vẹn cho thiền định.”

Đến đây ông khóc công khai và nói tiếp: “Con ơi, chúng ta sẽ không còn gặp lại nhau trong đời này nữa, nhưng ta sẽ ghi khắc những kỷ niệm về con trong lòng ta, những kỷ niệm về ta cũng sẽ ghi sâu trong lòng con. Chúng ta sẽ gặp nhau nơi các cõi cao hơn, khi chúng ta đã hoàn thành bổn phận trong cõi đời này. Bây giờ ta có thể biết rằng trong đời thiền định của con sau này có một lúc thân mạng con ở trong một tình trạng nguy hiểm vô cùng; vì thế đến lúc đó con hãy mở cuộn giấy ta cho con đây để biết cứu pháp, nhưng con đừng mở ra trước lúc đó.” Và ông trao cho tôi một cuộn giấy có niêm phong. Tôi cảm thấy từng tiếng nói của ông như khấn chặt vào tâm trí tôi.

Đức Marpa nói với vợ ông: “Này Damema, ngày mai Milarepa sẽ từ giã chúng ta, vậy bà hãy sửa soạn tất cả những gì cần thiết nhé. Tôi sẽ tiễn nó một đoạn đường, mặc dù tôi cũng sợ sự tiễn đưa sẽ làm tôi khổ lắm.” Rồi ông bảo tôi: “Tôi nay con hãy ngủ bên cạnh ta, như cha với con; ta muốn nói chuyện với con.”

Và như thế đêm đó tôi nằm bên cạnh ông, mặc dù chúng tôi nói chuyện với nhau rất ít; cả hai chúng tôi buồn vô cùng vì nghĩ đến việc ra đi. Ông đã trách sự mầu khóc quá nhiều khi bà hợp mặt với chúng tôi. Ông bảo rằng việc gì phải khóc nhiều quá thế. Đứa con của họ giờ đây đã có những Chân lý quý giá, sắp ra đi vào nơi cô tịch để thiền định và bà lại khóc nhiều hơn cho những người tối tăm ngu muội không biết gì đến Chân lý và vẫn còn đau khổ vì sự vô minh của họ. Sự mầu tôi đã nêu ra như thế, mặc dù lý lẽ của Sư phụ đúng, nhưng nó không có tác dụng gì đến những xúc động của bà. Bà đã mất một đứa con rồi, bây giờ bà lại sắp chia ly với một đứa khác. Chính sư phụ và tôi cũng chẳng hơn gì và đêm trời quá ngắn lại qua rồi!

Một bữa tiệc vui vẻ tổ chức vào sáng hôm sau thuộc loại hiếm có, chúng tôi có tất cả mười ba người được mời chung vui, và đến một đỉnh cao có thể nhìn rõ những vùng chung quanh, chúng tôi dừng lại và cùng nhau ăn một bữa chót. Sau khi ăn xong, sư phụ cầm tay tôi nói:

“Con ơi, ta muốn có một vài người bạn đồng hành để bảo vệ con khỏi bị cướp, nhưng không được. Ôi, ta cầu nguyện cho con lên đường bình an. Con hãy đi cẩn thận và tự bảo vệ lấy mình. Trước tiên con hãy viếng Lạt-ma Ngogdun và hãy so sánh những chú giải các bản văn của con với của sư huynh con, sau đó con có thể đi về nhà được. Nhưng con đừng ở lại đó quá một tuần, con hãy sớm vào hoang liêu để hiến đời con cho thiền định, vì chỉ bằng phương tiện này là có thể ban phúc cho con và cho mọi người thế gian.”

Đáp lại, tôi ứng khẩu hát một bài cho Thầy tôi, bảo đảm với ông rằng, bình an trong Chân lý, trang bị bằng Tri thức, tôi sẽ không cần bạn đồng hành; các Năng lực Bề trên sẽ hộ vệ và hướng đạo tôi. Và cuối cùng tôi cầu xin ông ban phúc. Đáp lại, ông cũng làm ngay một bài kệ mở đầu bằng sự bảo đảm với tôi về phúc lành và hy vọng của ông cho tương lai tinh thần của tôi và rồi giải thích một loạt những cặp câu tiên tri báo trước những gì tôi sẽ thấy ở nhà và bản chất của đời sống của tôi trong núi rừng hoang vắng và kết thúc với sự ban phúc của tất cả chư Thiên và các thần hộ vệ.

Kế đó bà Marpa cho tôi vài món quà hữu ích thích hợp với những nhu cầu vật chất của tôi như giày ống, quần áo, và thức ăn; và rồi chính bà cũng ứng khẩu hát một khúc tán ca để khích lệ tôi đừng bao giờ quên hai bậc cha mẹ tinh thần, khuyên tôi tiếp tục học tập và uống sâu dòng nước Trí tuệ và Tri thức; khuyên tôi nhớ mãi trong lòng mục đích của đời tôi là giúp tất cả

chúng sinh hướng về Cứu cánh Tối hậu. Nhưng những giọt nước mắt trào lên đã ngăn bà lại trước khi kết thúc bài tán ca, rồi bà quỳ xuống khóc nức nở trong khi tôi cúi đầu lễ bái lần cuối cùng với hai người. Khi đứng lên, tôi bước đi nhưng mắt vẫn quay về phía hai người cho đến khi không còn thấy họ nữa. Một lần tiễn đưa một lần giã biệt, tôi vẫn giữ tánh cách thường tình của con người, cho đến khi lên đến một mô gò cao, tôi quay nhìn lại: chỉ thấy một nhóm nhỏ mù xa lơ lửng. Tôi khó giữ được cho lòng mình đừng hồi tưởng lại những bước chân đi lưu luyến và tôi muốn trở lại mãi mãi với hai người.

Nhưng tôi đã có Giáo lý mà tôi mong tìm một cách khổ nhọc, tôi đã có tất cả những Chân lý và bây giờ tôi đã dứt khoát không tạo thêm ác nghiệp nữa. Tôi luôn luôn có thể thiên định rõ ràng về Đạo sư của tôi và ông đã hứa sẽ gặp lại nhau ở các cõi cao hơn. Và lại, tôi chỉ ra đi trong một thời gian ngắn để thăm mẹ tôi và rồi tôi có thể quay về ngay. Vì thế tôi cố gắng tự thuyết phục mình rằng sự chia tay của chúng tôi không phải là sự ra đi vĩnh viễn.

Tôi vẫn tự an ủi mình cho đến khi tôi đến nhà sư huynh Ngogdun và ở đó chúng tôi cùng nhau so sánh các chú giải. Tôi thấy rằng sư huynh Ngogdun hơn tôi hẳn về phương diện nghiên cứu, nhưng về phương diện tu tập tôi không kém hơn huynh ấy bao nhiêu. Và thực tế, tôi có Giáo lý Tối thượng và Tối hậu là giáo lý chỉ được khẩu truyền, còn sư huynh Ngogdun không có Giáo lý đó. Vì thế tôi từ giả huynh ấy để trở về quê nơi đã lâu lắm tôi chưa được nhìn lại một lần. Cuộc hành trình bình thường phải mất đến vài tuần lễ, nhưng tôi chỉ mất ba ngày nhờ vận dụng phép kiểm soát hơi thở, và tôi rất hài lòng vì thấy mình tiến bộ rất nhiều.

Như vậy, bây giờ các anh đã biết làm thế nào cuối cùng tôi đã được các Chân lý và nguyên nhân tại sao khiến tôi từ giả Sư phụ để trở lại quê nhà.

*
* *

VIII

THỨC TỈNH VÀ KHƯỚC TỪ

Bây giờ tôi hỏi: “Kính bạch Thầy, khi về đến nhà thầy có thấy gia đình thầy đúng như giấc mộng của thầy, và mẹ thầy còn sống không?”

Milarepa đáp: “Tất cả đều đúng như giấc mộng. Tôi không có phúc phận gặp lại mẹ tôi còn sống.”

“Bạch Thầy, xin thầy kể cho chúng con nghe cảnh gia đình lúc thầy về, thầy đã gặp những ai và làm sao những người trong làng nhận ra thầy sau thời gian dài xa cách?”

* * *

Qua hết con đường đèo cuối cùng, tôi đã có thể nhìn thấy ngôi nhà xa xa, và khi gặp vài người chặn cừu, tôi giả vờ làm người lạ. Tôi dừng lại hỏi họ các địa danh quanh vùng và ai ở những nơi đó. Cuối cùng tôi bỗng nhiên chỉ ngay ngôi nhà Bốn Tám, ngôi nhà của tôi và hỏi về nó.

“Bây giờ chỉ có ma ở đó thôi,” một người đáp với nụ cười buồn bã.

“Sao thế?” Chuyện gì đã xảy ra với những người chủ cũ?” tôi hỏi.

Một người đáp: “Trước kia có một gia đình giàu có ở đó, nhưng người cha, chủ gia đình đó, đã chết; trong khi người con trai duy nhất còn là một cậu bé con, và rồi một cuộc phong ba nổi lên theo lời di chúc, người em trai của người cha và bà vợ của ông ta đã cưỡng đoạt quyền thừa kế trong tay người con trai và người mẹ góa. Khi trưởng thành, cậu ta đòi lại quyền thừa kế, nhưng cậu chỉ được đáp lại bằng những tiếng cười mỉa mai, vì thế cậu ta đã liên kết với quỷ thần để lấy lại những gì của cậu bằng mọi cách. Cậu ta đã giáng họa xuống nơi đó, đã phóng một trận bão đá khủng khiếp tàn phá rất nhiều khắp mấy vùng chung quanh. Bây giờ chúng tôi vẫn còn sợ những Uy lực của cậu ta đến nỗi không dám nhìn ngôi nhà, cũng không dám đi gần nữa. Mẹ cậu ta đã chết ở đó, xác bà chắc còn bên trong, và sau đó cô em gái của cậu ta đã đi ăn xin, kể từ đó không ai thấy cô ta nữa. Bây giờ có lẽ cậu ta cũng đã chết; từ lâu rồi không ai biết gì về cậu ta nữa. Nếu thầy có can đảm vào đó, thầy có thể tìm được mấy quyển sách trong đó.”

“Tất cả những việc đó đã xảy ra bao lâu rồi?” tôi hỏi người báo tin, anh ta tưởng tôi là một người hành cước.

Anh ta đáp: “Người mẹ chết đã tám năm, trận bão đá thì tôi chỉ nhớ lơ mờ vì lúc đó tôi còn nhỏ, nhưng câu chuyện thì tôi chỉ nghe người ta kể lại.”

Ít nhất tôi cũng biết chắc rằng những người trong làng vẫn còn giữ những kỷ niệm về tôi đủ làm cho họ kính trọng, nếu họ có nhận ra tôi là ai, họ cũng

không dám làm hại. Nhưng tôi buồn khổ vô cùng khi nghe tin mẹ tôi đã chết và Peta mất tích. Tôi ẩn mình trong một thung lũng nhỏ, cây cối rậm rạp để buồn thương mẹ và em gái tôi cho đến khi hoàng hôn xuống. Khi trời bắt đầu tối, tôi xuống làng và ở đó là ngôi nhà của tôi – y như tôi đã thấy trong giấc mộng! Ôi xưa kia là một ngôi nhà nguy nga tráng lệ ở miền quê, giờ đây chỉ còn là nơi đổ vỡ hoang tàn. Những cuốn sách xanh rêu và ướt sũng nước mưa dột từ trần nhà chảy xuống. Chim và chuột làm tổ trên mấy kệ sách và bất cứ nơi nào đổ nát. Dưới ánh trăng mờ, tôi dò dẫm tìm đường đến phòng khách lớn và nơi đó chỉ còn là một đồng đất và giẻ rách trên nền đất – vì nền nhà chẳng còn gì nữa – cỏ dại đã bắt đầu mọc trên mấy đụn đất nhỏ. Khi tôi sờ xuống đất tôi kinh ngạc thấy bàn tay tôi đục xương. Tôi biết ngay đây là tất cả những gì còn lại của mẹ tôi. Bỗng nhiên lòng muốn gặp lại mẹ tôi trở nên mãnh liệt và tôi gằn ngất đi. Nhưng kịp thời nhớ lại những Giáo lý của Sư phụ và thay vì thế, tôi nằm xuống bên cạnh đồng xương, đầu tôi gối lên đồng xương và tôi bắt đầu đi vào con xuất thần, tôi đã hội họp lại với linh hồn của mẹ tôi và của các thần hộ vệ; và tôi nhận thức rằng có thể giúp cha mẹ tôi thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi vô gián, và tôi đã trải qua con xuất thần trong một tuần lễ.

Khi ra khỏi con xuất thần, tôi đã có một niềm tin không lay chuyển về sự vô thường và vô ích của cuộc tồn sinh thế gian, đến nỗi tôi không còn một ham muốn bé nhỏ nào trong việc theo đuổi bất cứ một nghề nghiệp thông thường nào. Vì thế, tôi quyết định ký thác hài cốt của mẹ tôi cho người lo tang sự. Tôi trả công bằng mấy quyển sách tôi góp nhặt trong nhà, và tôi định tìm một trong những sơn cốc mà Sư phụ tôi đã chỉ, để tôi đến đó thiền định một mình trong cô tịch. Và nếu có bất cứ một cảm dỗ nào tìm đến quyển rữ tôi trở lại cuộc sống tầm thường, tôi sẽ tự tử hơn là đầu hàng.

Đó là quyết định vững chắc của tôi.

Vì thế khi xem lại những quyển sách, dù bìa đã hỏng nhưng chữ vẫn còn rõ, có thể đọc được, tôi bó thành một bó rồi mang trên lưng, hai tay tôi mang hài cốt của mẹ tôi và đi tìm nhà của người mục phu của gia đình tôi trước kia. Vừa bước đi tôi vừa làm một bài thơ lặp lại niềm tin kiên định của tôi về sự tạm bợ và huyền ảo của cuộc đời, sự vô giá trị của những cái gọi là khoái lạc của nó. Và tôi quyết định tìm Chân lý bằng thiền định ở những nơi hẻo lánh xa xôi, ít người lui tới.

Khi tôi đến nhà người mục phu thì tôi biết rằng ông ta đã chết, nhưng con trai của ông ta vẫn ở đó. Anh ta bảo rằng sẽ lo việc chôn cất hài cốt của mẹ tôi hộ tôi. Thoạt đầu anh ta sợ hãi phải cầm những quyển sách của tôi vì e rằng tai họa sẽ giáng xuống theo mấy quyển sách đó. Nhưng khi tôi nói rõ rằng không sao cả thì anh ta an lòng nhận sách và chúng tôi cùng nhau tổ chức nghi thức cần thiết cho đám táng mẹ tôi. Khi đám táng đã xong, anh ta

muốn tôi ở lại để cùng nhau ôn lại chuyện xưa, nhưng tôi bảo rằng tôi phải đi ngay và không có thì giờ để nói chuyện. Tuy nhiên, anh ta cố gắng giữ tôi lại đêm đó để anh ta góp nhặt một ít lương thực cho tôi, và tôi bằng lòng.

Anh ta kích động vô cùng vì việc tôi đã thay đổi từ Huyền thuật thành một người hiến mình cho Đạo. Rồi anh hỏi tôi học thầy nào và đã học được những gì. Tôi kể cho anh ta nghe vài chuyện về tôi và Sư phụ Marpa, và cuối cùng làm sao tôi đã được Điểm Đạo Truyền Pháp Đại Hoàn Thiện. Anh ta khen ngợi tôi và đề nghị tôi sửa lại ngôi nhà để cưới Zesay, người con gái tôi đã được hứa hôn, và tôi vẫn sống như một Lạt-ma. Tôi giải thích rằng Sư phụ tôi cưới vợ là để có thể hết lòng hết sức phục vụ người khác, nhưng nếu tôi cố gắng bắt chước Sư phụ tôi mà không đến được cảnh giới tiến bộ tinh thần của ông thì chỉ giống như con thỏ cố gắng bắt chước nhảy như con sư tử, là một việc không thể được. Tôi bảo tôi chỉ muốn sống cuộc đời thiền định trong cô tịch, không thiết gì đến các việc thế gian, và đây là mệnh lệnh của Sư phụ và cũng là việc tôi phải làm. Tôi giải thích thêm rằng bằng cách tu tập thiền định, không những tôi độ được cha mẹ tôi mà còn có thể độ được nhiều người khác, và còn lợi ích cho chính tôi nữa. Cảnh đổ nát, điêu tàn của ngôi nhà cũ làm tôi nhớ rằng chẳng gì vô nghĩa bằng giá trị của những của cải thế gian và bây giờ không có gì, kể cả sự chết đói, cũng không thể làm tôi thay đổi quyết định.

Và một lần nữa, như thường lệ, khi nào tinh thần tôi bị xúc động nhiều, tôi lại cất tiếng hát, mở đầu bằng lễ chào Sư phụ tôi và kêu gọi người trợ giúp kiên tâm tránh khỏi sự trói buộc của sự vật thế gian. Tất cả đều huyền ảo, vì thế tôi phải tìm cuộc sống chiêm nghiệm.

Vợ chồng anh chủ nhà rất xúc động khi nghe tôi hát, và tôi lặp đi lặp lại với chính tôi sự quyết tâm hiến mình cho thiền định và không nghĩ gì đến khoái lạc thế gian.

Và tôi quá quyết với các anh, hỡi Rechung và tất cả các đệ tử của ta, ta không bao giờ ân hận hay nuối tiếc, vì ta đã không lãng phí đời ta trong việc theo đuổi những mục đích và tham vọng thế gian.

*

*

*

IX

THÂM SƠN CÙNG CỐC

Bây giờ tôi xin Thầy chúng tôi kể cho chúng tôi nghe về những nơi ông đã viếng và ở lại, ông đã thiền định những gì và tu tập như thế nào.

* * *

Sáng hôm sau người con trai bác mục phụ tặng tôi một ít thực phẩm, gồm một bao bột lúa mì, một ít phó-mát và bơ; và khi tặng anh ta yêu cầu tôi khi thiền định phải nhớ đến vợ chồng anh ta. Như thế tôi ra đi vào cái hang tôi đến đầu tiên là một hang đá trên sườn đồi ngay phía sau ngôi nhà tôi. Chìm sâu trong sự sùng mộ của mình, tôi đã ăn uống một cách tiết kiệm và số thực phẩm đủ cho tôi dùng trong vài tháng, nhưng người tôi lại hoàn toàn suy yếu. Khi không còn gì nữa, tôi quyết định đi xin thực phẩm, nếu không, tôi không thể tiếp tục thiền định được. Vì thế tôi mang theo cái bát đựng của bố thí ra đi, hướng về mấy ngôi nhà tranh và mấy cái chòi của những người chăn súc vật và sống trên các ngọn đồi.

Căn lều tôi đến đầu tiên là một căn lều da bò, nghĩ rằng mình sẽ gặp may, khi đưa đầu vào nhìn, tôi đã đụng phải – vì nó giống như mọi căn lều khác – căn lều của thím tôi! Dĩ nhiên bà nhận ra tôi ngay và tức tốc bà thả chó ra cắn tôi, tôi phải bỏ cả cây gậy trong tay xuống và nhặt đá ném mấy con chó. Vì thế, chính bà chạy ra, tay cầm cọc lều, chạy tới đánh tôi tàn nhẫn, trong khi cất tiếng sỉ nhục, mỉa mai tôi:

“Mi làm như nhục người cha cao quý của mi! Mi là tên sát nhân của bà con quyến thuộc! Mi là kẻ làm tan nát xứ này. Mi còn đến đây làm chi? Nghĩ cha mi lại sanh thẳng con như mi!”

Và bà lại đánh tôi túi bụi, vì thế tôi quay lưng bỏ chạy, nhưng người tôi đang suy yếu vì thiếu ăn, tôi vấp phải hòn đá và té nhào xuống một ao nước, suýt nữa bị chết đuối. Tôi cố gắng tìm mọi cách ra khỏi ao trong khi thím tôi vẫn con nhục mạ, tôi cố gắng dùng cây gậy chống đỡ thân thể yếu đuối đứng dậy. Rồi trong khi buồn vô hạn, tôi lại cất tiếng hát cho thím tôi nghe và bà đã ngừng chửi rủa để nghe tôi hát. Trong bài hát tôi kể lại rằng bà và chồng bà là hai kẻ đã gây bao đau khổ cho hai đứa trẻ mồ côi và người mẹ góa.

Trong khi một đứa đi lang thang như một kẻ ăn mày, người mẹ đã chết trong nghèo khổ, người em gái lưu lạc nơi đâu không ai biết. Gia đình đổ vỡ, mọi người mất nhau, tôi đang sống cuộc sống cô đơn để thiền định những Giáo lý của Thầy, nhưng vì thực phẩm đã cạn, tôi ra khỏi nơi ẩn tu để tìm lương thực giữ mạng sống. Dù sao ai đó đã khiến tôi mù mắt đến cửa nhà

thím, bà đã thả chó cắn tôi, dùng cọc lều đánh vào thân xác tiều tụy của tôi. Tuy nhiên, mặc dù tôi đã nổi giận vì bà, nhưng nhớ lại những lời Thầy dạy, tôi không để những tình cảm như thế len vào tâm tôi, cũng không được phép lập tâm trả thù bà, tôi cầu xin Sư phụ tôi giúp đè nén lòng uất hận!

Bài hát đã làm cho chị tứ gái đứng sau lưng thím tôi bật khóc. Chính bà cũng có vẻ hồi tâm hối hận và cảm thấy hổ thẹn. Vì thế bà vào lều bảo người tứ gái mang ra cho tôi một miếng bơ và một ít phó-mát. Tôi tiếp tục đánh một vòng các căn lều và chòi còn lại mà tôi không nhận ra được người nào. Nhưng tất cả những người đó dường như họ nhận biết tôi ngay; mặc dù họ nhìn tôi một cách lạnh lùng nhưng họ lại rộng lòng trong việc bố thí thức ăn cho tôi, và như thế, tôi trở về hang đá với lương thực khá đầy đủ.

Đã có kinh nghiệm với những phản ứng của thím tôi, nên tôi có thể tưởng tượng nhưng gì chú tôi sẽ làm và tôi định tránh xa nơi ông ở, nhưng ông đã tự xây một ngôi nhà mới. Dĩ nhiên tôi không biết được điều đó, vì thế tôi đã đến đúng ngay nhà chú tôi, và trước khi đến nơi tôi đã bị một viên đá ném vào người. Tôi biết ngay lỗi lầm của mình. “Tao chờ gặp mi đã lâu rồi,” ông hét, trong khi chạy ra tấn công tôi với nhiều viên đá khác. Tôi quay mình chạy gấp, nhưng ông lại lấy cung và tên vừa bắt đầu bắn tôi vừa la hét với những người chung quanh, cho nên cuối cùng họ bất kể đã phá hoại quê hương xứ sở họ, họ phải bắt hấn.

Dường như lúc này chỗ nọ tôi cũng bị người ta lên án xử tội. Trong vô vọng, tôi kêu cầu Sư phụ tôi, tôi gọi tên ông, tôi kêu gọi các vị thần hộ mệnh cứu tôi thoát khỏi kẻ thù. Việc này đã có hiệu lực chặn đứng được những kẻ vẫn chạy theo tôi, họ lộ vẻ kinh sợ những năng lực thần bí của tôi; họ giữ chú tôi lại, không cho ông làm hại tôi, và trong lúc hốt hoảng họ còn bố thí cho tôi nữa. Chú tôi không như thế, ông vẫn kiên quyết tấn công tôi mặc dù ông đã bất lực trước những thanh niên giữ ông lại.

Trong khi về hang đá tôi đã quyết định rời bỏ ngay vùng này vào ngày hôm sau, vì nơi đó vẫn còn nhiều người thù hận tôi; nhưng đêm đó tôi đã thấy một giấc mộng khiến tôi ở nán lại vài hôm nữa.

Rồi việc đã xảy ra: Zesay, cô gái mà tôi đã được hứa hôn khi còn bé, nghe tôi đã trở về và cô ta đến hang đá thăm tôi, mang cho tôi nhiều thức ăn ngon. Cô ta đầy nước mắt ôm tôi và kể cho tôi những chi tiết về cái chết của mẹ tôi, sự lưu lạc của em gái tôi, khiến tôi buồn vô hạn.

“Cô vẫn giữ lòng trung thành quá, cô vẫn chưa lấy chồng,” tôi nói.

“Người ta ai cũng sợ Uy lực của anh, có ai dám sờ đến bàn tay tôi đâu,” cô ta vừa nói vừa mỉm cười yếu ớt, “Nhưng dù có ai đến hỏi em, em vẫn không thể lấy họ được. Anh đã chọn cuộc sống đạo hạnh thật là việc rất hay, nhưng còn nhà cửa, ruộng đất của anh thì sao?”

Tôi biết cô ta muốn nói gì, nhưng vì tôi từ bỏ tất cả những gì liên quan đến của cải thế gian, nên tôi đáp:

“Nếu cô gặp em Peta ở đâu, nhờ cô nói với nó, tôi cho nó tất cả đó. Tạm thời bây giờ cô có quyền sử dụng những thứ đó cho đến khi Peta trở về. Và nếu Peta chết, thì chúng hoàn toàn thuộc về cô.”

“Còn anh không cần sao?” cô ta hỏi một cách ngạc nhiên. Tôi đáp:

“Còn tôi, tôi sẽ tìm thực phẩm ở bất cứ nơi nào có thể tìm được, nếu không tôi sẽ đến chết đói là cùng, như thế tôi giữ ruộng đất để làm gì? Tôi chỉ ở trong những hang động, những sơn cốc để ẩn tu, như thế tôi giữ nhà cửa để làm gì? Tôi đã biết rằng dù cho tôi có cả trần gian này, khi tôi chết tôi cũng không thể mang theo được, như thế nếu bây giờ tôi từ bỏ tất cả mọi vật thì tôi sẽ được hạnh phúc trong cả đời này và những đời sau. Đây chắc chắn là con đường trái nghịch với con đường thông thường mà phần đông mọi người đều suy nghĩ và hành động, nhưng xin hãy coi như tôi không còn sống nữa.”

Cô ta hỏi:

“Có phải cách tu tập của anh cũng khác hẳn với cách tu tập của tất cả những người của các tôn giáo khác?”

Tôi đáp:

“Dĩ nhiên là tôi trái nghịch với những kẻ trá hình muốn làm thầy tu để được người khác kính trọng và tôn vinh. Họ chỉ mặc áo nhà tu, trong khi họ vẫn cố gắng thu góp của cải, tìm kiếm danh vọng, và như thế, họ cố gắng đạt cho được những gì tốt đẹp nhất của hai thế giới đó.

Họ học thuộc lòng một vài cuốn sách, một vài cuốn kinh rồi tan biến trong sự xung đột bè phái không có vẻ đạo lý chút nào. Nhưng những người cầu Chân lý và Tôn giáo chân thành, dù thuộc đảng phái nào, tôn giáo nào, nếu họ không làm giống như những người kia, thì họ ắt là những người hợp với lòng tôi và thực sự có thể có chút ít khác nhau giữa họ và tôi. Tóm lại, những gì tôi cảm thấy là bất cứ kẻ nào không chân thành, dù họ có mang bất cứ một nhãn hiệu tôn giáo nào, họ và tôi đều cùng chung một niềm tin.”

Cô ta hỏi:

“Nhưng thế nào ấy, hình thức tu hành của anh khiến anh không bằng cả một tên ăn mày tầm thường. Tôi chưa bao giờ thấy ai làm như anh cả. Anh thuộc môn phái nào và tôn giáo nào?”

Tôi nói cho cô ta biết rằng đó là Con Đường Tự Khước Từ Hoàn Toàn, từ bỏ tất cả và theo con đường này, người ta có thể thành Phật ngay trong đời này. Nhưng khi đã theo con đường này, tất cả những mục đích, tất cả những tham vọng thế gian đều như cát bụi tản mát theo gió bốn phương.

Cô ta nói một cách đầy bất ngờ:

“Hừ, ý nghĩ của anh và của họ có vẻ rất khác nhau, con đường anh đi khó khăn lắm.”

Tôi nói:

“Chắc chắn con đường họ dễ đi hơn, nhưng một hành giả Du-già (Yoga) vẫn còn bị trói buộc nhiều mối như thế, theo ý tôi, không phải là một tín đồ chân thật. Ngay cả những người cầu Đạo chân thành cũng không thể để chiếc y vàng của họ nhiễm một vết yếm nhỏ bé nào với mọi vật của thế gian này, nhất là danh vọng và vinh dự; và dù cho họ đã từ bỏ những thứ đó thì cũng vẫn còn một khác biệt vĩ đại nữa giữa những nhà sư áo vàng và tôi trong phương diện mau chóng và hữu hiệu trên con đường thành Phật. Nhưng cô sẽ không hiểu đúng điều đó đâu. Như thế, nếu có thể được, hãy tự hiến mình cho cuộc sống tu tập. Nếu không, cô hãy về nhà mà vui hưởng những của cải nhất thời của tôi đi.”

Cô ta nói:

“Tôi không thể nhận ngôi nhà và ruộng đất mà đứng ra chúng vẫn thuộc về người em gái của anh. Tôi cũng thích làm người hiến mình – nhưng không phải một kẻ hiến mình như anh!” Rồi cô ta từ giả.

Đĩ nhiên việc tôi không quan tâm đến sản nghiệp đã đến tai thím tôi, vì tôi đã tuyên thệ theo mệnh lệnh của Thầy tôi, khiến bà nghĩ rằng bây giờ bà có thể chiếm được nó một cách hợp pháp. Bà đến thăm tôi mang theo thức ăn đồ uống làm quà tặng. Bà đến với tôi một cách ôn hòa lễ độ, khác hẳn với cái bản ngã thường lệ của bà. Bà nói:

“Cháu à, hôm trước gặp cháu, thím đã đối xử rất thô lỗ với cháu, xin cháu hãy bỏ qua cho sự vô minh của thím và hãy hoan hỉ tha thứ cho thím, như thế cháu mới xứng đáng là người tu hành. Giả sử bây giờ thím canh tác ruộng đất của cháu, cung cấp lương thực cho cháu, cháu nghĩ thế nào?”

Tôi đáp:

“Được, mỗi tháng thím mang cho tôi hai chục gạ lúa mạch, phần còn lại thím có thể giữ lấy.”

Vì thế bà ra về với công việc hàng ngày của bà. Sau hai tháng lúa đã lên cao, và rồi một hôm bà lại đến miêng hang nói với tôi:

“Người ta nói rằng nếu thím canh tác đồng ruộng của cháu thì các Thần Hộ vệ của cháu sẽ phật ý mà làm hại thím.”

Tôi hỏi:

“Làm sao tôi có thể thi triển Huyền thuật nữa? Nếu thím cày cấy ruộng đất cho tôi và cung cấp thực phẩm cho tôi là thím sẽ xóa bớt một ít sự ác độc của thím đấy chứ.”

Bà nói ngay:

“Thế thì xin cháu vui lòng thề rằng cháu sẽ không dùng chú thuật nữa, được không?”

Bằng một cách ngây thơ như bao nhiêu người ở thế gian, tôi đã thề theo lời yêu cầu của bà, và bà lại ra về mà lòng còn hân hoan hơn cả lần trước.

Bây giờ tôi kiên tâm dành tất cả thì giờ của tôi cho việc thiền định. Nhưng tôi không đạt được một dấu hiệu nào chứng tỏ có sự tiến bộ hay tăng trưởng về mặt tri thức hay kinh nghiệm của tôi trong phép Du già luyện Thân Nhiệt. Dĩ nhiên việc này làm tôi buồn vô cùng và khiến tôi lo lắng về những gì tôi sắp làm. Rồi một đêm nọ tôi nằm mộng. Tôi đang cày một thửa ruộng nhưng đất cứng quá, tôi không thể cày được. Khi tôi đang thất vọng thì chính Sư phụ Marpa hiện đến khuyến khích tôi hãy kiên nhẫn. Sư phụ tôi đích thân dắt bò cày ruộng thì đất cày vỡ dễ dàng và một mùa gặt với hoa màu thừa thãi theo sau. Điều này làm tôi vui sướng vô cùng.

Trước tiên cái ý tưởng xuất hiện cho rằng những giấc mộng chỉ là những vọng tưởng của con người, sau rốt, kẻ đàn độn cũng không cho chúng có một tác dụng nào cả. Nhưng rồi dường như đối với tôi, tôi cho đó là một thông điệp rõ ràng của Sư phụ tôi gửi cho tôi. Tốt hơn là tôi ghi nó vào trí nhớ, và tôi đã lồng giấc mộng này vào một bài thơ. Tôi ví đất cứng với tâm tôi mà niềm tin là nước tưới xuống và phân bón rải vào để nuôi dưỡng ruộng tâm, và Ân điển tưới xuống như mưa rào. Những con bò và cái cày là sự Tập trung và Trí tuệ; lưỡi cày là Phương pháp và Lý luận Chân chánh; bàn tay dẫn dắt là Mục đích, chiếc roi là nhệ tâm và kiên nhẫn; như thế đất cứng là Vô minh bị phá vỡ, những viên đá tội lỗi và cỏ dại giả hình bị bật gốc. Dĩ nhiên, mùa gặt là Chánh mạng đã thành tựu với những Quả Chân lý được đón hái.

Tôi quyết định đi tìm một hang động khác trong các hang động Sư phụ tôi đã chỉ. Tôi mất một thời gian vì trong lúc tôi sắp ra đi thì thím tôi leo lên đồi mang theo đủ sáu chục gia lúa mạch, một chiếc áo may bằng những mảnh da thú, một cuộn vải tốt, và một ít bơ gói thành một cục. Bà ném những thứ đó xuống chân tôi và nói:

“Cháu ơi, này cháu à, những món này là để trả cho cháu về phần ruộng của cháu đây. Bây giờ thì cháu hãy đi cho khuất mắt thím, hãy đi càng xa càng tốt. Những người chung quanh xóm bảo rằng thằng Thopaga sẽ làm hại chúng ta nữa, nếu thím còn dính líu đến nó. Và họ sẵn sàng giết chết cả hai chúng ta. Vì thế, trong lúc còn êm đẹp, cháu hãy trốn đi để được an lành hơn. Thím không hiểu tại sao họ muốn giết thím, nhưng chắc chắn họ sẽ giết cháu, nếu cháu còn ở đây.”

Tôi biết rõ rằng chẳng có ai nói những lời như thế, vì đó không phải là điều họ nói. Tôi biết rằng bây giờ làm thế nào tôi cũng mất công thề thốt nữa. Tuy nhiên tôi đáp:

“Thím à, nếu cháu không trung thành với những lời thề của cháu thì bây giờ thím đã thành một xác chết rồi, vì hoàn cảnh này làm thay đổi lời thề của

cháu. Nhưng nếu cháu không giữ được hạnh nhẫn nhục với một người như thím là kẻ luôn luôn muốn hại cháu, thì cháu còn giữ được hạnh nhẫn nhục với ai? Nếu tôi nay cháu chết cháu đâu còn hưởng thụ được nữa? Nhưng hạnh Nhẫn nhục là Con Đường để thành Phật, vì thế nó có giá trị hơn ruộng đất nhiều. Và thím cũng như chú là những người đã tạo cơ duyên cho cháu chọn cuộc sống đạo hạnh, vì thế cháu rất biết ơn chú thím, và cháu sẽ cầu nguyện cho thím – và cả chú nữa – cũng có thể thành Phật trong những kiếp sau. Thím đã lấy ruộng đất rồi bây giờ cháu cho luôn ngôi nhà cho thím.” Rồi tôi giảng Phật Pháp cho bà nghe và tôi kết thúc bằng một bài hát diễn tả rõ sự tương phản giữa cuộc sống thế gian với của cải, khoái lạc và thức ăn đồ uống – nhất là thức ăn đồ uống ngăn chặn tất cả sự Phát triển Tâm linh – và cuộc sống của nhà tu khổ hạnh là người thoát khỏi những xiềng xích trói buộc mình với thế gian.

“Cháu ơi, thật thật là một người chân tu,” thím tôi nói khi bà bước chân ra về với lòng đầy thỏa mãn.

Tôi thật không ngờ vì thấy bà đã có thể cư xử như thế nhưng đồng thời tôi cũng rất vui mừng vì đã thoát khỏi trách nhiệm của một người làm chủ những của cải thế gian. Tôi quyết định thực hiện chương trình của tôi và tìm một cái hang khác mà tôi đã nhớ ra trong trí. Vì thế sáng hôm sau, với những thứ mà thím tôi gọi là để trả phần cho tôi và một ít thức ăn còn lại, tôi đã ra đi và dĩ nhiên là để tìm nơi thích nghi cho tôi; tôi đặt chân mền trên chiếc nệm cứng trải trên nền đất. Ngay lúc đó và tại đó, tôi đã nguyện rằng tôi sẽ không xuống những nơi có người ở nữa cho đến khi nào tôi đạt được Năng lực tôi đang tìm kiếm, tức Tri thức Siêu việt mà nó là đoạn mở đầu đưa đến Giác ngộ, và tôi cầu nguyện các vị Thần Hộ mệnh giúp tôi trong việc giữ vững lời nguyện. Nếu tôi phản lại lời nguyện, tôi thề rằng tôi sẽ chết ngay tức khắc.

Và như thế tôi đã tiếp tục sống qua một thời gian dài với một ít bột lúa mì và bất cứ loại thực phẩm nào có thể kiếm được ở đó, và tôi đã lãnh hội được tri thức của sự ĐIỂM ĐẠO Truyền Pháp Cao Nhất mà Sư phụ tôi đã cho tôi. Nhưng lúc này thân thể của tôi quá suy nhược không thể kiểm soát được luôn Khí hay Năng lực của thân tâm vì thế tôi vẫn không đạt được Nội Nhiệt và tôi vẫn dễ cảm thấy lạnh lắm.

Rồi với lòng nhiệt thành vô hạn, tôi đã cầu nguyện với Sư phụ tôi và kết quả đến với tôi là cảnh một số Thiên nữ bảo rằng họ đã được Lạt-ma Marpa phái đến để trợ giúp. Họ đã tổ chức một buổi lễ trang nghiêm và sau đó cho tôi những lời dạy về các phép luyện tập. Vì thế tôi luyện tập theo những lời dạy này và sau đó tôi bắt đầu cảm thấy trong người tôi sinh ra một luồng Nội nhiệt, và tôi tiếp tục luyện tập chuyên cần luồng Nội nhiệt này thêm một năm nữa.

Bỗng nhiên tôi muốn ra ngoài để giải khuây một chút. Lúc tôi sắp ra ngoài thì tôi nhớ lại những lời thệ nguyện và tôi đã dừng lại kịp thời. Tôi tự trách mình một cách chính đáng vì đã có ý nghĩ như thế, chưa chi đã đầu hàng rồi. Rồi tôi hát một bài tự khiển trách mình nhắc nhở rằng Milarepa, một kẻ không ra gì, đã may mắn được sống một mình, không bị những quan tâm thế gian quấy rầy, việc gì mà bỗng dưng y lại cảm thấy cô đơn? Nếu y giữ được tâm bình thường thì những ý nghĩ cảm dỗ đâu có thể len vào tâm y được. Một người hiến mình cho Đạo trở lại với thế gian vì cái gì?

Và như thế tôi lại tiếp tục thiền định thêm ba năm nữa và lúc này thân trí tôi đã được mở mang không ít. Nhưng bấy giờ bột lúa mạch dự trữ đã cạn mặc dù khẩu phần của tôi rất nhiệm nhặt, chỉ hai chục gĩa lúa mạch một năm, và dường như tôi đã bắt đầu sắp chết đói đến nơi mà vẫn chưa đạt đến Phật tánh. Điều này khiến tôi suy nghĩ làm sao những người thế gian lại có thể quá sung sướng khi họ kiếm được một đồng bạc và họ cũng đau khổ nhiều như thế nếu họ mất một đồng. Đem so sánh với sự hạnh phúc nhất thời đó, thì cuộc sống của tôi là một cuộc sống lý tưởng và Phật tánh còn giá trị hơn một triệu đồng rất nhiều. Thật sự nếu có phải chết đi trong lúc tiếp tục giữ vững những lời thệ nguyện vẫn hay hơn là phản bội chúng để được sống. Tôi phải làm gì? Rồi tôi nghĩ không phản lại lời thề để đi tìm thực phẩm, nếu tôi không đến nơi có người ở. Như thế, tôi đã giữ đúng theo những điều tôi đã thệ nguyện trước kia.

Do đó, một buổi sáng nọ tôi đi dạo qua phía bên kia miệng hang, đến một nơi có ánh nắng mặt trời, có con suối chảy và những cây tầm ma mọc chung quanh; một nơi đẹp như tranh mà người ta có thể ước mơ phóng tầm mắt nhìn khắp vùng đồng quê. Tôi rất thích nơi này và đã đem một ít vật sở hữu ra khỏi hang, xuống dòng suối tiếp tục thiền định ở đây, chỉ sống với canh nấu bằng đọt cây tầm ma.

Thân thể tôi tóp lại chỉ còn xương với da, da tôi xanh như tấm giấy da dê, và cả tóc nữa cũng ngã màu xanh. Lúc này, bên ngoài tôi không có quần áo che thân, bên trong không có thực phẩm nuôi mình. Cuộn giấy Sur phụ cho để tham cứu lúc có việc bất trắc xảy ra, tôi thường lấy xuống và nhìn nó một cách triu mến rồi đặt lên đầu như là dấu hiệu tỏ lòng kính trọng những gì ghi trong cuộn giấy, và đó cũng là tục lệ của người Tây tạng chúng ta. Việc này dường như đã xoa dịu được những cơn đau vì đói mặc dù không có gì để ăn. Đôi khi tôi còn ợ nữa làm như vừa ăn xong một bữa ăn ngon. Một hai lần tôi suýt mở cuộn giấy ra nhưng có cái gì đó ngăn lại vì tôi biết rằng chưa đến lúc phải làm như thế. Nguy hiểm sẽ đến với tôi còn to lớn hơn nhiều. Nhưng bao giờ cuộn giấy cũng nằm bên cạnh tôi.

Một năm nữa đã trôi qua và một vài người thợ săn lang thang lạc đến vì không tìm được cuộc vui nào. Thoạt nhìn thấy tôi họ chạy trốn vì nghĩ rằng

tôi là một con quỉ. Tuy nhiên tôi quả quyết rằng tôi là một con người giống như họ, một người hiến mình cho Đạo.

“Ông không có vẻ gì là người cả,” họ phê bình, nhưng họ cũng đã bình tĩnh trở lại và bước tới gần hơn để nhìn đối tượng kỳ lạ. Rồi họ vào trong hang, bới móc từng xó góc, từng kẽ nứt trong hang. Tìm chẳng có gì, họ lại xuống suối hỏi tôi:

“Chỗ để thức ăn của ông đâu? Hãy cho chúng tôi một ít rồi chúng tôi sẽ trả lại đầy đủ cho ông, nhưng nếu ông không có món gì, chúng tôi sẽ giết ông đó.”

Tôi đáp:

“Bần tăng chẳng có gì cả, chỉ có rau tầm ma thôi. Và nếu bần tăng có thức gì khác, bần tăng cũng không cho bất cứ kẻ nào thô lỗ như các thí chủ, những kẻ dùng vũ lực uy hiếp người để lấy đồ ăn. Đặc biệt họ đã làm nhục tôi bằng cách nâng người tôi lên cao rồi thả xuống.

“Chúng tôi không cần cướp của ông,” họ phản đối. “Và ông biết chúng tôi làm nhục ông bằng cách nào không?”

Tôi nói:

“Các thí chủ nên để lại một chút phước đức chứ.”

Họ lập tức đáp:

“Được rồi, chúng tôi sẽ làm nhục ông hoài hoài,” và họ làm theo lời nói. Họ nhấc bổng tôi lên rồi thả xuống nhiều lần, vì thể xương cốt tôi không có gì che chở, bị dập da tím bầm và tôi cảm thấy đau đớn vô cùng.

Tuy nhiên, một một người trong bọn đã từ chối tham dự cuộc đánh phá tôi, nói: “Này chúng mày, ông bạn này dường như là một vị Thánh thật đấy, dù cho ông ta không phải Thánh, thì cũng chẳng hay ho gì chúng mày hành hạ một người yếu đuối không thể tự vệ được. Chúng ta đói đâu phải lỗi tại ông ta, bây giờ chúng mày nên thôi đi!” Rồi anh ta nói với tôi: “Chào ân sĩ, ngài là một người rất tốt, cư xử quá độ lượng. Vì chính tôi không làm gì ngài, vậy xin ngài hãy nhớ đến tôi trong lúc cầu nguyện.”

Những người kia lấy việc ấy làm trò cười:

“Vâng, cũng nên nhớ đến chúng tôi vì đã nâng ngài lên và thả ngài xuống đấy nhé!” Người thứ nhất nói thêm: “Ê! Nếu ông ta cầu nguyện, chắc chắn ông ta sẽ nhớ đến chúng mày, nhưng sẽ nhớ đến một cách khác lắm!” Họ cười âm lên rồi bỏ đi.

Chắc chắn là tôi không nguyên rửa họ. Sau này tôi nghe nói họ bị một quan tổng đốc của tỉnh bắt giữ, kẻ cầm đầu bị xử tử, những người kia bị móc mắt, chỉ trừ người đã nói câu tử tế bênh vực tôi.

Một năm nữa trôi qua, tất cả những y phục của tôi gồm mấy miếng giẻ rách của tấm vải mà thím tôi đã cho và chiếc bao đựng bột lúa mì. Tấm da rách tôi đã dùng trải giường và cuộn vải len để che phần dưới của thân tôi,

chiếc bao tôi đắp trên ngực, và những phần chính của thân tôi đắp bằng mấy miếng giẻ rách kết lại với nhau tạo thành ba tấm buộc lại với nhau bằng một mảnh dây thừng tôi đã lượm được, ban ngày tôi dùng nó làm áo, ban đêm thì có tấm da và chiếc bao. Nhưng tôi vẫn cảm thấy lạnh.

Lại một năm nữa trôi qua. Một hôm, tôi bỗng nghe tiếng nói của nhiều người và nhìn ra cửa hang tôi thấy thấy rõ đám đông những người đang săn bắn. Khi nhóm người đi đầu nhìn thấy tôi, họ buông hành lý la hoảng: “Nhìn kia! Có quỷ!” và họ quay đầu chạy trốn. Nhưng những người phía sau không nhìn thấy chế nhạo những người đi trước rằng giữa thanh thiên bạch nhật mà quỷ thần gì. “Hãy nhìn lại coi!” họ đứng đứng xa xa nói. “Nó vẫn còn đó!” những người nói giọng sợ hãi xác định, và rồi cả những người đứng hàng sau chót cũng phát run. Vì thế tôi bước ra khỏi hang và bảo họ rằng tôi không phải là quỷ thần gì cả mà chỉ là một người ăn tu mắc phải tình trạng này là vì thiếu thức ăn. Không thỏa mãn, họ lục soát trong hang nhưng chỉ tìm thấy những đọt tầm ma và họ tỏ vẻ đầy kính sợ. Họ để lại cho tôi một phần thịt rất nhiều và nói bằng một giọng cung kính nhất: “Ngài là một hiền nhân ăn tu khổ hạnh như thế này, xin ngài hãy cầu nguyện cho những con vật bị chúng tôi giết chết và tội lỗi của chúng tôi vì đã giết chúng.”

Một lần nữa, ý nghĩ có một ít thức ăn thông thường như người ta thường dùng thật là kỳ diệu, và khi tôi ăn, một cảm giác khoan khoái dễ chịu chạy lan khắp người. Vì thế, tôi có thể vận dụng toàn thể tâm trí vào việc tu luyện, và tôi đã đạt đến cảnh giới an lạc mà trước kia tôi không có. Công đức mà những người tốt đã bố thí thức ăn cho một người già xa lạ ăn tu trên sườn núi to lớn hơn là biểu những món quà sang trọng cho những người giàu có ở thành thị. Tôi đã chia thịt ra thành từng phần để ăn từng bữa cho đến cuối cùng, trước khi hết, nó đã hóa giòi. Tôi nghĩ hay là bắt sạch những con giòi trong thịt ra, nhưng tôi lại cảm thấy nếu tôi làm như vậy thì có khác gì ăn cướp, tước đoạt thức ăn của giòi, vì thế tôi để phần thịt lại cho chúng, và tôi trở lại với canh rau tầm ma.

Một đêm nọ, có người nghĩ rằng tôi đã chôn dấu của cải gì đó, nên anh ta lên vào trong hang, lục soát từng xó góc tìm kiếm. Thấy thế, tôi bật cười, nói: “Nếu ban đêm mà anh có thể tìm thấy vật gì mà ban ngày tôi không thể tìm được thì anh đáng mặt giữ nó.” Nghe tôi nói, anh ta cũng bật cười rồi bỏ đi.

Sau đó một năm, một nhóm thợ săn khác đi ngang qua hang. Tôi đang ngồi nhập định xuất thần, mình quấn ba miếng vải buộc bằng sợi dây thừng, vì thế họ lấy đầu cung đâm vào người tôi xem tôi có phải là người hay không. Vì thân thể và “quần áo” của tôi lúc ấy khiến họ nhất quyết là không phải.

Trong khi họ đang cãi nhau xem tôi là gì thì tôi mở miệng nói : “Dĩ nhiên bản tăng là người.”

Rồi một người hỏi:

“Anh là Thopaga?”

Khi tôi bảo họ là phải, thì họ hỏi mượn tôi một ít thực phẩm, hứa chắc rằng họ sẽ trả lại tử tế.

Họ nói:

“Chúng tôi nghe nói anh về quê đã mấy năm nay rồi. Suốt thời gian từ đó đến giờ, anh vẫn ở đây sao?”

Tôi đáp:

“Tôi ở đây. Nhưng tôi không thể cho các anh thức ăn vì tôi không có thứ gì để các anh ăn được.”

Họ nói:

“Anh ăn gì thì chúng tôi ăn nấy; chúng tôi không có gì đặc biệt đâu.”

“Thế thì các anh đốt lửa lên rồi hái những đọt tầm ma bỏ vào nước sôi luộc đi,” tôi bảo. Và họ làm theo lời tôi. Khi rau đang sôi, một người reo lên:

“Chúng ta hãy cho thịt hay xương vào làm canh, hay một chút mỡ nữa cũng được.”

“Rồi, hãy cho chúng tôi một chút bột lúa mì hay chút hạt gì để làm cho nó đặc một chút,” họ hỏi một cách hy vọng.

Tôi nói:

“Nếu tôi có những thứ đó thì tôi đã có món ăn ngon đầy chất bổ rồi, mấy năm nay tôi chẳng có những thứ như thế. Thay vì, các anh hãy ăn món đọt tầm ma xem.”

“Được, nhưng ít nhất cũng cho chúng tôi một tí muối chứ?” họ hỏi một cách thất vọng.

Tôi lặp lại những câu trả lời trên và giới thiệu họ món canh đọt tầm ma. Họ nói:

“Nếu anh sống bằng cái thứ mà anh gọi là thực phẩm này, và mặc bằng những mảnh giẻ buộc dây đó, thực không thể nghĩ ra anh là thế nào. Ôi, anh khó phải là người lắm! Nếu anh không thể tìm được việc làm nào khác hơn, chẳng hạn như người giúp việc, thì ít nhất anh cũng có được ít món ngon lành để ăn. Anh bao giờ cũng là người khốn khổ nhất đời và cũng là người đáng thương nhất.”

Tôi phản đối:

“Bây giờ đừng nói thế. Sự việc còn hoàn toàn trái ngược là khác. Sự thực tôi là người may mắn nhất đời vì tôi đã gặp được Đại Dịch giả Marpa, ngài đã trở thành Sư phụ của tôi và tôi học Đạo nơi ngài; Đạo mà người ta có thể thành Phật ngay trong đời này. Vì thế tôi là người duy nhất, với can đảm và hoài bảo chân thật, đã vượt ra ngoài toàn thể loài người. Về phần các anh –

được sinh ra trong xứ sở Phật giáo mà suốt đời không bao giờ lắng nghe dù chỉ một bài thuyết pháp. Các anh đặt mục đích của mình ở một thế giới thấp kém nhất trong tất cả trong tất cả những thế giới khả hữu và các anh mãi mê trong đó! Các anh đang chông chát những nợ nần oan trái cho chính mình. Các anh có một ý thức rất sai lầm về các giá trị. Trái lại, tôi hạnh phúc trong cảnh An lạc tương lai và vui hưởng những sự vật mà chúng là nguồn hạnh phúc chân thật. Sự thành Phật có giá trị to lớn hơn quần áo, thức ăn; và những vật sở hữu đơm bạc của tôi cũng đủ để giữ cho tôi khỏi chết. Hãy làm như tôi làm. Nếu các anh không thể nhìn thấy sự lầm lạc của những con đường các anh đi, thì ít nhất cũng dành cho tôi một chút tình thương xót của các anh chứ. Trời đang về chiều, mặt trời sắp lặn, đã đến lúc các anh phải từ già, và chết sẽ đến với mọi người chúng ta, tôi không thể lãng phí thì giờ để nói những chuyện vô ích. Vì thế, bây giờ tôi sẽ trở lại việc thiền định của tôi.”

Và như thường lệ, tôi đã đưa phần chót cuộc nói chuyện và một bài thơ. Thay vì ghi vào lòng những lời tôi nói, họ bảo:

“Anh biết anh có giọng hát hay đấy chứ? Ừ mà chúng tôi không thể làm nó khàn được như anh đang làm, vì thế chúng tôi phải từ già anh.” Và họ ra đi.

Tuy nhiên, cuộc viếng thăm của họ không phải không có hậu quả. Nhớ đến bài hát và giọng hát của tôi, họ lại đem ra hát vào một ngày lễ công cộng. Dịp may hôm đó Peta, em gái tôi, đang đi xin ăn ở đó. Khi nghe hát, Peta nói: “Thưa các ngài, người mà các ngài ca tụng trong bài hát thực là một ông Phật.” Nghe Peta nói, họ cười âm lên và cất tiếng chế giễu vì Peta đang ca ngợi anh mình.

Một người nói:

“Phật hay không gì, đó chính là anh của mày, đang thân tàn ma dại sắp chết vì đói rồi đó.”

Peta hét lên:

“Làm sao các ông có thể hả hê khi nhìn thấy những buồn khổ của tôi như thế được? Cha mẹ tôi đã chết từ lâu, anh tôi mất tích và tôi trở thành kẻ ăn mày lang thang.” Và Peta tan biến trong trận khóc ngất đại.

Ngay lúc ấy Zesay đang đi đến gần đó, bèn dừng lại an ủi Peta, không phải họ chế giễu Peta mà có thể họ chế diễu tôi. Zesay nói:

“Tôi cũng đã gặp anh ấy một lần. Hãy đến hang xem anh ấy còn ở đó hay không. Nếu còn, chúng ta sẽ thăm anh ấy.”

Bây giờ đã tin tưởng nhiều hơn, Peta đến miệng hang tôi ở, một tay mang ít bia, một tay xách bao bột lúa mì, nhưng thoát thấy tôi, Peta sợ hãi. Bộ xương bọc da của tôi lộ ra từng mẩu từng đốt, đôi mắt thụt sâu vào hai hốc xương mắt, da vẫn xanh màu lá cây, các bắp thịt hầu như đã hoàn toàn suy

nhược, tóc trên đầu dựng lên, và đôi chân gầy guộc như hai que củi. Vì thế dĩ nhiên khiến Peta kích động kinh hãi, và trước hết nó nghĩ rằng tôi là một loại ma gì đó. Nhưng rồi nó nghĩ lại đã nghe người ta nói rằng tôi sắp chết đói và Peta lấy hết can đảm đến gần tôi và hỏi:

“Ông là người hay là ma?”

Tôi đáp:

“Anh là Thopaga đây.” Và khi nghe giọng nói của tôi, Peta nhào vào người tôi và ôm choàng lấy tôi, gọi: “Anh ơi!” Rồi nó lả người ngất lịm. Tôi phải mất một lúc mới cứu tỉnh nó được. Nhưng khi tôi loay hoay đặt đầu nó lên hai đầu gối tôi thì nước mắt tôi tuôn chảy ròn ròn.

“Mẹ đã chết không thấy mặt anh,” Peta nức nở. “Không còn ai thân cận mẹ và em, em không thể chịu đựng nổi cảnh cô đơn trong ngôi nhà to lớn đó mà không có phương tiện để sống, và vì thế em đi ăn xin xứ lạ quê người. Lúc ấy em nghĩ chắc anh đã chết. Nhưng anh vẫn còn sống, em rất ngạc nhiên thấy anh đến nông nổi này. Anh biết Định mệnh đeo đuổi em thế nào! Trên đời còn ai bất hạnh hơn em?” Và nó tự thương thân trách phận, tự bi ai cho chính nó, nó kêu cha gọi mẹ. Tôi hết sức an ủi nó.

Bị sự khốn khổ của Peta ảnh hưởng, một lần nữa tôi lại cất tiếng hát cho vui bớt những cảm xúc trong lòng. Tôi bắt đầu lặp đi lặp lại những lời thệ nguyện sống cô tịch, và rồi so sánh những ước muốn giàu sang vật chất của em gái tôi với ước vọng được giác ngộ của tôi. Tôi bằng lòng với bất cứ điều gì Thiên nhiên đã công hiến và điều đó đem lại lợi ích cho tôi trong việc thành tựu Tri thức Siêu việt, có nghĩa là tôi sẽ được sinh trong cõi Phật trong đời kế tiếp.

Peta nói:

“Nếu tất cả điều đó có thực thì kỳ diệu biết bao, nhưng em không thể tin được. Nếu thật như thế, thì chắc chắn tất cả những người sùng mộ sẽ tu hành khổ hạnh như anh, nhưng trên khắp cả những bước đường lang thang của em, em đâu có bao giờ thấy ai tu hành hành khổ hạnh như anh.” Rồi Peta cho tôi thức ăn và đồ uống nó mang đến, rồi ra đi. Tôi ăn uống ngon miệng làm sao! Với sức khỏe dồi dào hơn nhiều, đêm đó tôi lại lao mình vào thiền định.

Nhưng sáng hôm sau, thân thể tôi lại mất đi sức khỏe tốt đó. Tôi lại đau khổ vì đã nuôi một ước vọng vĩ đại là muốn làm gương cho những kẻ an ủi thế gian, đau khổ rất nhiều do sự đau đớn thực tế của thân xác đi kèm. Không một nỗ lực nào trong nhiếp tâm hữu dụng trong tình trạng này.

Vài hôm sau, Zesay mang Peta theo đến thăm tôi, trang bị nào thịt ướp, bia, nào bơ và bột mì. Hai người gặp tôi trong khi tôi đang trên đường đến suối để lấy nước, và bây giờ tôi đang trần truồng như nhộng. Cả hai hoàn toàn bối rối, nhưng họ vẫn xúc động đến rơi nước mắt vì cảnh nghèo của tôi.

Tôi uống một chút bia khi Peta nói:

“Anh ơi, dù sao nhìn anh em cũng thấy rằng anh không có vẻ là một người bình thường hoàn toàn. Xin anh hãy đi khát thực và ăn những món ăn thích hợp của con người. Em sẽ cố gắng kiếm cho anh ít vải để anh che thân lúc cần.”

Và Zesay cũng thêm lời khẩn khoản:

“Vâng, anh hãy đi xin của bố thí và em cũng sẽ mang đến cho anh ít vải để anh dùng.”

Tôi nói:

“Thấy rằng một người không bao giờ biết cái chết bắt đầu khi nào, nên tôi không muốn lãng phí thì giờ quý báu trong việc đi xin của bố thí. Dù tôi có phải chết rét thì đó cũng là chết vì Chân lý. Tôi không bao giờ có thể thỏa mãn với sự phô trương bề ngoài của tôn giáo như một nhóm người tụ hội vui chơi chè chén, tự do ăn uống hỉ hả và mặc các thứ quần áo cắt may đẹp đẽ và đắt tiền nhất, tất cả những việc như vậy chỉ đánh mất lòng sùng mộ chân thực thôi. Tôi không cần quần áo và cũng không cần các cô thăm viếng. Và tôi sẽ không chú ý đến lời khuyên của các cô về chuyện đi xin của bố thí.”

Lúc ấy Peta nói:

“Thế thì làm sao bao giờ anh có thể thỏa mãn được? Vì theo ý em, lúc nào anh cũng khao khát một tình cảnh còn tệ hại hơn tình cảnh anh đang sống và đang cố bày ra càng lúc càng nhiều những cuộc ép xác diệt dục mà anh đang đắm mình vào đó trong hiện tại, phải không? Hoặc ngay cả sự khéo léo của anh có tạo được bất cứ một tình cảnh nào khác hơn nữa không?”

Tôi đáp:

“Có ba cảnh giới hiện hữu còn tệ hại hơn cảnh giới của anh: thế giới của súc sanh, thế giới của ngựa quỷ, và thế giới của Địa ngục. Và cho đến bây giờ, anh vẫn thấy con người dường như đang cố gắng hết sức để được sinh vào thế giới này hay thế giới kia, một trong ba thế giới đó. Không, anh hoàn toàn thỏa mãn với tình cảnh hiện tại, với những việc làm của anh.” Và rồi tôi hát cho cả hai nghe một bài hát nói về sự bằng lòng sống cuộc sống cô tịch của tôi.

Zesay nói trong khi cả hai nghe tôi hát:

“Chắc chắc anh thực hành những gì anh rao giảng và người ta không thể không ngưỡng mộ anh.”

Peta phản đối:

“Anh ơi, bất cứ anh nói gì em cũng không thể tiếp tục nhìn thấy anh trần truồng và chết đói được. Em sẽ cố gắng tìm ít vải mang đến đây cho anh. Lòng sùng mộ của anh sẽ không từ giã anh vì anh có đủ thức ăn và quần áo. Nhưng nếu anh không chịu đi xin của bố thí thì có lẽ anh sẽ anh sẽ ôm

ước vọng của anh mà đi sang thế giới bên kia trong cô tịch vì đói rét. Song nếu anh không đi và không chết quá sớm thì em sẽ mang vải đến ngay khi nào em tìm được.” Rồi cả hai từ giã.

Chẳng may thực phẩm ngon lạ này làm tăng thêm những đau đớn thể xác và bất an tinh thần của tôi đến độ tôi không thể tiếp tục thiền định được. Trong tình trạng nan giải đáng sợ này, tôi cảm thấy rằng đã đến lúc phải mở xem cuộn giấy mà Thầy tôi đã cho tôi, vì có sự nguy hiểm nào to lớn hơn đối với một người đã đặt tay vào chiếc cày và rồi bắt đầu nhìn lại phía sau?

Và ô! Bên trong cuộn giấy là lời giải đáp bài toán nan giải của tôi! Phép chữa mạch cơn bệnh của tôi và cách chữa trị mà theo đó sự nguy hiểm không những có thể giải tan được mà còn có thể biến thành chuyện tốt. Hơn nữa, trong cuộn giấy còn viết rằng ngay lúc này tôi phải ăn những thức ăn đơn giản và giải thích rõ ràng sự buồn phiền của tôi cho tôi biết; rằng sự thiền định kiên quyết và bền bỉ của tôi đã điều hòa thần kinh của tôi sang một trạng thái biến đổi nhiệm vụ, nhưng sự biến đổi đó bị chậm đi vì thức ăn, và rồi bị bia của Peta kích thích thần kinh và những món ăn bất thường cũng ảnh hưởng đến chúng. Bây giờ tôi hiểu rõ những gì đang xảy ra trong cơ thể cũng như trong tâm thức của tôi và tôi bước vào những phương pháp luyện tập mới mà tôi tìm thấy trong cuộn giấy. Với sức khỏe dồi dào, tôi luyện tập một cách chuyên cần. Tôi đã bắt đầu thể nghiệm cảnh giới an định và thị lực tinh minh vượt quá bình diện vật chất, giống như tôi đã đạt được trước kia, nhưng lần này vượt hơn các nỗ lực trước rất xa về chiều sâu và cường độ nhập định xuất thần của tôi. Như thế bây giờ, Tri thức Siêu việt và bất tri đã đến với tôi. Tôi đã minh bạch rằng khuynh hướng ác của tôi đã biến thành khuynh hướng thiện chỉ trong khoảnh khắc và tôi bắt đầu hiểu cái Một của Tất cả mà nó phá tan mối quan hệ chủ-khách trong những hạn từ mà chúng ta suy tư cả đời. Bây giờ tôi thấy cả Niết-bàn và Thế giới Huyền ảo cũng là tương đối và là những cảnh giới phụ thuộc; và chẳng có gì cả trừ cái Tâm mà trong đó chẳng có sự phân biệt, phân chia. Theo quan niệm: Tâm như là một Đại Nhân Duyên trong chiều hướng thông thường người ta đi vào Thế giới Huyền ảo, bình thường con người có thể nhận thức được. Trong chiều hướng trái nghịch, nó đưa người ta đến Niết-bàn hay cái hiểu bao quát về huyền ảo và Nhận Thức không có bất cứ một căn nguyên huyền ảo nào. Cả hai thế giới, thế giới của chúng ta và Niết-bàn tôi thức ngộ nằm trong Khái niệm về Chơn Không (sự vô hữu của Hư không) mà nó là Tâm.

Tri thức mới này tôi đạt được đã sinh ra từ các nỗ lực to lớn của tôi trước kia. Tất cả những gì tôi cần trong lúc khủng hoảng là dưỡng chất và những chỉ dẫn, và bây giờ tôi đã có cả hai. Về điểm này, Peta và Zesay đã đóng góp về mặt vật chất, vì thế món nợ của tôi đối với họ thật là to lớn. Tôi đã hát

cho cả hai nghe một tán ca để đáp lại việc làm tốt đẹp của họ, như thế việc làm đó sẽ được dâng lên Mục đích Vĩnh cửu.

Sau khi luyện tập và thiền định kịch liệt hơn, trong tôi đã bắt đầu phát triển các Năng lực, những Lực biến tôi thành bất cứ hình tướng nào tôi muốn và tôi có thể bay lượn được trong hư không. Rồi ban ngày tôi có thể làm việc như phép lạ, và ban đêm tôi có thể băng qua mọi tầng trong Vũ trụ và có thể thấy rõ tất cả những gì trong đó. Trước tiên, những Năng lực này chỉ xuất hiện trong giấc mộng của tôi, nhưng khi tôi tiếp tục, một cách ngẫu nhiên, tôi thấy rằng tôi có thể bay được trong lúc ban ngày và đến bất cứ nơi nào tôi muốn. Việc này đưa tôi đến một tiến bộ lớn trong phép luyện lửa Tam-muội, mà đây là mục tiêu chính của tôi.

Một hôm, tôi đang bay như thế và khi bay ngang qua trên ngôi làng của người bà con xa của tôi đang ở, người này có người con dâu, một trong số ba mươi lăm người bị giết chết vì sự sụp đổ của ngôi nhà của chú thím tôi. Ông ta và cậu con trai đang cày ruộng thì tôi đang bông bênh trên đầu họ. Cậu con trai đang ở trước đầu bò và người cha đang cầm cày cày ruộng.

Bỗng nhiên cậu con trai nhìn lên và thấy tôi, la lên: “Kìa! Có người đang bay!” Người cha giận dữ: “Việc gì thế?” Tại sao mi sững sờ như từ cung trăng rớt xuống vậy?” Đó chỉ là tên vô lại Mila, một tên vô tích sự bệnh hoạn vì thiếu ăn, con trai của mục già độc ác ở gần đây. Đứng tránh ra! Đừng đứng dưới bóng của hắn và làm việc của mi đi!” Người cha tránh sang một bên và tôi cũng cố gắng tránh cho bóng tôi không phủ xuống họ. Nhưng cậu con trai nói: “Con chẳng cần biết người ta vô tích sự hay không, miễn là anh ta có thể bay được là con khoái rồi. Bay được là việc kỳ diệu nhất mà con người có thể làm được.” Và cậu ta tiếp tục ngược mắt nhìn tôi.

Bấy giờ dường như tôi đã đạt đến giai đoạn tôi có thể dùng nó để giúp đỡ chúng sinh nhưng tôi nhận được một lệnh truyền từ Sư phụ tôi đến bảo tôi hãy tự giam mình để thiền định vì đó là hình thức tốt nhất để phụng sự loài người và Phật giáo. Tuy nhiên, nếu tôi ở lại nơi đang ở, khi người ta biết rằng tôi có thể bay được thì họ sẽ kéo đến xem tôi làm các phép lạ, và rồi danh vọng, của cải vật chất sẽ làm trở ngại bất cứ sự tiến bộ nào của tôi. Vì thế, tôi quyết định dời chỗ ở lên vùng sườn núi Everest, nơi có nhiều hang động, và tôi ra đi với vật sở hữu duy nhất trên lưng là chiếc nồi bằng đất sét nung tôi dùng nấu canh tâm ma.

Nhưng bây giờ thân thể tôi quá yếu, không thể bước đi được như lúc bình thường, đến nỗi tôi chỉ vấp nhẹ vào một tảng đá khi tôi rời hang khiến chiếc nồi rơi xuống vỡ tan. Và khi nồi vỡ, một lớp cặn bã màu xanh đóng cứng trong nồi rớt xuống đất giống hệt như một chiếc nồi thứ hai.

Việc này làm tôi buồn vô cùng, sự vô thường của mọi vật trên đời và tôi xem đó như là một điềm tốt để tôi tiếp tục sự sùng mộ của tôi. Tôi ngồi

xuống sáng tác một tán ca cho vị Đạo sư mới của tôi – chiếc Nồi Đất – vì nó đã dạy cho tôi một bài học như thế. Tôi còn đang hát tán ca thì vài người thợ săn đi ngang qua đó dừng lại lắng nghe. Rồi một người nói:

“Này ẩn sĩ, ông có giọng hát rất hay. Ông đang làm gì với chiếc nồi vỡ và lớp cặn xanh đó? Và sao chính ông cũng xanh và tiêu tụy như thế?”

Tôi nói họ nghe và họ trở mắt nhìn tôi một cách hết sức ngạc nhiên và rồi họ mời tôi dùng bữa với họ. Trong khi ăn, một trong những người trẻ tuổi nói:

“Trông ông có vẻ là một người có thân vóc vạm vỡ khỏe mạnh – hay ít nhất cũng đã có lần như thế. Ông mà làm chiến sĩ mang vũ khí, ngồi lưng ngựa thì tuyệt. Ông cũng sẽ trở nên giàu có và con có thể giúp đỡ những người thân thuộc của ông hay hạnh phúc thật sự nữa là khác. Hoặc ông có thể là một thương gia thành công và kiếm được nhiều tiền của. Kém nhất thì ông cũng có thể đi làm việc được và chắc chắn sẽ có thức ăn ngon, quần áo đẹp. Cho đến bây giờ, chuyện đó dường như chưa đến với ông, nhưng bây giờ ông hãy bắt đầu suy nghĩ đi.”

Nhưng một người lớn tuổi hơn và có vẻ khôn ngoan hơn nói:

“Anh ta có vẻ là một người hiền mình rất vĩ đại và không thích nghe chúng ta nói về sự khôn ngoan thế tục đó đâu. Tốt hơn chú hãy im lặng đi.” Rồi ông ta nói với tôi:

“Xin ngài hát cho chúng tôi nghe một bài khác và dạy cho chúng tôi qua bài hát đó.”

Tôi đáp:

“Dường như tất cả các anh đều nghĩ rằng tôi là kẻ khờ cùng và bất hạnh, nhưng sự thực không ai trong cõi đời này hạnh phúc hơn tôi, không ai thành công vĩ đại hơn tôi, nhưng các anh không bao giờ hiểu được điều đó đâu. Tôi sẽ hát cho các anh nghe về những gì tôi vui hưởng cũng như các anh vui hưởng bất cứ lạc thú nào trong thế giới của các anh. Hãy lắng nghe tôi hát.”

Và tôi hát cho họ nghe bà “Du Già Hành Giả Ca”:

*“Trong Cung điện Thân ta,
Trong lòng ngực chiếc bàn thờ là
Con ngựa Tâm đang dậm chân vênh váo.
Phải dùng Thòng lọng nào để bắt ngựa này?
Phải buộc nó vào Trụ nào?
Phải nuôi dưỡng nó bằng thức ăn nào?
Phải cho nó uống gì và
Phải để nó nơi nào cho ấm?
Thòng lọng là Mục tiêu Duy nhất;
Trụ cột là Thiên định,*

Thức ăn là Giáo lý của Đạo sư;
 Nước uống là Dòng Ý thức
 Chỗ nót nó là trong thời tiết lạnh là Tánh Không.
 Dùng Ý chỉ làm Yên, Lý trí làm Cương;
 Kiên định Bất động là sợi Đại buộc bụng;
 Các luồng Sinh Khí là dây Giàm buộc đầu và Cương buộc mũ.
 Kỳ sĩ là Nhiếp tâm:
 Mũi sắt y đội là Vị tha;
 Áo giáp của y là Học thức và Chiêm nghiệm;
 Trên lưng là Chiếc Thuần Nhẫn nhục;
 Trong tay là Mũi Giáo Ước nguyện;
 Bên hông là Lưỡi Gươm Trí Tuệ;
 Những mũi tên là những tia Đại Tâm được thẳng là do không oán
 ghét và giận dữ.
 Đuôi tên gắn những chiếc lông Bốn Hạnh Vô Lượng;
 Đầu tên bịt bằng Tri thức tinh minh.
 Chiếc cung có thể uốn cong là Thần trí kiên định được sửa chữa
 Trong Lỗ hồng của Phương pháp đúng và Con đường đúng.
 Những mũi tên này được kéo ra đến Khoảng Rộng Đây Người;
 Khi bắn ra rơi xuống khắp mọi quốc gia,
 Phấn khích những Kẻ Thành tín,
 Và giết con Quỷ Vị kỷ.
 Như thế là những Ác Phiền não được chế ngự,
 Và tất cả loài người, những kẻ cùng huyết thống với chúng ta được
 an toàn.
 Con Ngựa phi nước đại theo Đồng bằng Hạnh phúc thênh thang
 Với cỡi Phật là Cứu cánh.
 Bỏ lại sau nó những Triền phược của vạn sự thế gian,
 Phía trước nó là chỗ an toàn Giải thoát.
 Như thế đó là hướng ta đang hướng về Phật tánh.
 Bây giờ, các anh có nghĩ đây là ý tưởng về Hạnh phúc của các
 anh không?
 Hạnh phúc thế gian, ta không dùng đến. ”

Họ đã lắng nghe tôi hát và tôi tin rằng tôi đã tạo cho họ một ấn tượng nào đó khi họ từ già, có lẽ tôi đã làm cho họ vững niềm tin. Và bây giờ đã hoàn toàn thanh thoi, tôi tiếp tục cuộc hành trình cho đến khi tôi đến một nơi có thể nhìn bao quát được phong cảnh huy hoàng trước mặt. Tôi đã dừng lại ở đấy một lúc. Tôi nằm dài xuống bên lề đường để thưởng thức phong cảnh.

Khi tôi nằm ở đó, một đám thiếu nữ đến gần và khi nhìn thấy tôi, một cô kêu lên:

“Trời ôi, người gì mà khiếp quá! Cầu trời đừng bao giờ cho con sanh ra giống như người đó!”

Một cô khác nói:

“Ghê quá! Nhìn anh ta làm em phát khiếp.”

Nghĩ rằng họ là những người vô minh đáng thương, tôi đã đứng dậy vì thương xót họ và trách họ như thế này:

“Này các cô, đừng nói như thế. Không có gì để các cô lo lắng vì các cô sẽ không bao giờ được sinh ra giống như tôi đâu, dù cho các cô có cố gắng đến một trăm năm nữa cũng vậy. Đó là điều đáng thương nhưng lòng thương xót và sự tự kiêu không phải là hai kẻ đồng minh vì tự kiêu không có gì vững chắc. Bây giờ hãy lắng nghe bài hát này.” Một lần nữa tôi lại cất tiếng hát bằng những lời êm ái nhã nhặn, nói rõ rằng tất cả mọi người đã nhận thức sai lầm như thế nào về các giá trị, và không ai lo lắng cho kẻ khác mà chỉ lo cho mình thôi. Tôi quả quyết với họ rằng lòng thương xót của chúng ta hỗ trợ nhau, nhưng lòng thương xót của tôi đối với họ đặt căn bản trên sự hiểu biết. Tôi cũng nói cho họ biết tên tôi để họ biết họ đang gặp ai.

Khi bài hát chấm dứt, người thiếu nữ đã tỏ vẻ thương hại tôi tỏ ra xấu hổ và nói với các cô bạn:

“Đây là Milarepa danh tiếng và chúng ta vì tự kiêu đã nói năng một cách rò dại; bây giờ chúng ta hãy xin lỗi ông ta đi.”

Cô ta xin lỗi, nằm phục xuống và dâng tặng tôi ít tiền, cô ta yêu cầu tôi hát nữa để ban phúc cho họ. Tôi đã hát để ban ân cho cô ta. Tôi tiếp tục về đề mục về những giá trị khác nhau trước đó và làm sao người ta có thể nghĩ đến một kẻ phóng đảng nhiều hơn một người mộ đạo thành tín trong thế gian này. Cuối cùng, tôi tha lỗi cho họ về sự tự phụ kiêu căng và cảm ơn cô ta về sự cúng dường.

Tôi tiếp tục đi cho đến khi tôi đến một hang động mà người địa phương gọi là “Lâu Đài Ánh Sáng,” tôi đã sống ở đó vài tháng để tiếp tục thiền định và tôi được dân địa phương chung quanh cung cấp thức ăn đồ uống đầy đủ. Mặc dù được miễn nguyện trong một thời gian, tôi biết điều này sẽ đưa sự tiến bộ của tôi đến bước thoái hậu, vì đông người quá sẽ trở thành quấy nhiễu cho việc thiền định. Vì thế tôi nghĩ đến một lối những hang động mà Đạo sư tôi đã nhắc đến và tôi lại ra đi, lần này tôi hướng về Ngọn Everest.

Ngay trước khi tôi khởi hành thì Peta đến tìm tôi với một tấm vải len mà nó xoay sở kiếm được. Nó đã đến cái hang cũ và thấy tôi đã đi rồi. Nó dò hỏi và những người trong làng bảo rằng có một nhà tu khổ hạnh giống như một con sâu bướm đã đi qua con đường đó. Nó theo con đường tôi đi, cho đến khi tìm thấy tôi. Trên đường đi, Peta thấy một Lạt-ma sang trọng hào

nhoáng, Lạt-ma Bari-Lotsa-wa, chễm chệ trên trên đài cao dưới một tầng lộng lớn, mặc áo lụa màu sắc sỡ; các đệ tử vây quanh ông thối tù và để làm cho người ta chú ý. Và chung quanh Lạt-ma này thiện nam tín nữ cúng dường. Thấy thế, Peta nghĩ: “Tại sao anh ta không thể như thế này được? Những người khác thụ hưởng đạo phẩm của họ, đạo của anh ta hoàn toàn thanh tu, anh ta lại còn xấu hổ ngay cả với người thân thuộc nữa. Nếu ta có thể gặp được anh ấy, ta phải cố gắng thuyết phục anh ấy đến làm đệ tử của vị Lạt-ma này.” Nhiều lần hỏi thăm những người ở thị trấn nữa, nó biết rằng người ta đã thấy tôi trong vùng này, vì thế cuối cùng Peta đến được chỗ ở mới của tôi với lòng đầy ý định tốt và tay mang tám vải len.

Peta bắt đầu nói ngay với tôi:

“Bây giờ anh hãy nghe đây, sự thực anh không thể tiếp tục sống như thế này được. Sống trần truồng đói khát mà anh gọi là sống tu hành đạo hạnh, không những anh không biết xấu hổ mà anh còn phi luân lý nữa! Với tám vải len này, anh hãy may một chiếc quần để mặc và hãy đến Lạt-ma Bari-Lotsa-wa, một Lạt-ma rất vĩ đại, hoàn toàn khác hẳn anh. Ngài ngự trên ngai dưới tầng lộng lớn, mặc những chiếc áo lụa, ngài luôn luôn uống trà hay bia. Đệ tử và tín đồ vây quanh ngài đông đảo, và bất cứ nơi nào ngài đến, họ cũng đến đón tiếp, thổi kèn hay tù và. Bất cứ chỗ nào ngài ở, cũng có đám đông tụ hội, mang nhiều lễ vật có giá trị đến dâng cúng. Chắc chắn ngài được thiên hạ coi là một vị Đại Lạt-ma. Em muốn anh đến đó, cố gắng làm đệ tử ngài. Dù cho anh có làm người thấp nhất trong hạng thấp cũng vẫn tốt hơn hoàn cảnh hiện tại của anh. Chúng ta không thể tiếp tục sống với sự hiển mình cho cái nghèo của anh, và em ở trong cảnh bất hạnh. Chúng ta sẽ chết mất!” Xúc động trào dâng trong lòng, Peta bật khóc.

Một lần nữa, tôi phải giảng giải về ý nghĩ sai lầm về những giá trị mà Peta chấp giữ giống như tất cả những người khác, để cố gắng an ủi nó. Tôi nói:

“Đừng nói vậy Peta, em xấu hổ vì anh trần truồng. Nhưng anh hãnh diện về sự đạt Chân lý của anh, Chân lý mà nếu anh không phải là người thì không thể đạt được. Vì thế, anh không thể thấy việc gì anh phải xấu hổ về thân thể anh. Anh sanh ra như thế này. Hãy để cho những ai cảm thấy xấu hổ làm những điều ác và làm nát lòng cha mẹ họ, thèm khát những gì được người ta dâng cúng và họ vô lương tâm trong sự đuổi theo những mục đích vị kỷ của họ, không cần biết có đau đớn, đau khổ vì việc làm của mình hay không. Chỉ có những kẻ đó mới cần cảm thấy xấu hổ. Nhưng nếu em cảm thấy xấu hổ khi thấy thân thể anh với những gì khi sanh ra anh đã có, còn bộ ngực em, khi sinh ra em không có nhưng chỉ có sau này, và bây giờ nó hoàn toàn nổi bật, thì sao? Cũng như em nghĩ rằng anh thiên định trong nghèo khổ bởi vì anh không thể làm việc hay kiếm tiền được là em lầm. Nó là thế giới

huyền ảo và những chướng ngại của nó mà anh sợ bị vướng mắc trong đó. Anh cảm thấy sự đau đớn và đau khổ của thế gian tựa như những ngọn lửa đang đốt cháy da anh. Anh chán ghét nghĩ đến vật sở hữu thế gian và sự thèm khát những thứ đó bành trướng ra như một người nóng tính chán ghét nhìn thấy và suy nghĩ đến những món ăn nhiều chất béo. Đạo sư của anh, Dịch giả Marpa, bảo anh hãy từ bỏ những liên hệ, những vật sở hữu thế gian; hãy làm việc không cần thức ăn, quần áo, và cả danh vọng nữa; sống trong cô tịch để thực hành những sự sùng mộ của anh với năng lực và kiên nhẫn. Biết rằng đây là mệnh lệnh của Đạo sư của anh, đây là những gì anh làm. Những kẻ theo anh sẽ không có sự dễ dãi hay tiện nghi, nhưng anh sẽ nâng đỡ nguyên nhân tạo ra [hạnh phúc] của mọi chúng sinh bằng hình thức sống này. Tại sao cứ nghĩ về cuộc sống trong khi em không bao giờ biết cái chết sẽ đến lúc nào? Nếu anh muốn, anh sẽ có tất cả mọi thứ giàu sang xa xỉ mà vị Lạt-ma của em có, thế thì tại sao anh lại phải trở thành một trong những tín đồ tầm thường nhất của ông ta? Thành Phật là điều mà anh theo đuổi và dốc hết sức mình để đạt được trong đời này. Nay Peta, em cũng vậy, em hãy đến đây với anh, huynh trưởng của em, và em sẽ sống cuộc sống thiền định trong cái hang mới của anh. Nếu em có thể từ bỏ thế tục tầm thường, em sẽ tìm thấy hạnh phúc chân thật.”

Rồi tôi hát cho Peta nghe một bài hát để thúc giục nó trong giờ phút đó, kể ra những vật sở hữu của Lạt-ma Bari-Lotsa-wa và tuyên bố rằng tôi cũng có thể có tất cả những thứ đó nếu tôi muốn, nhưng tôi thích rút lui vào vào thâm sơn cùng cốc để thiền định hơn. Giờ chết thì quá bất định, không nên phí thì giờ để cãi cọ vô ích. Nếu Peta muốn bám chặt vào thế gian rồi nó sẽ tạo nên một đồng nghiệp khổng lồ và nếu nó nhìn thấy ánh sáng thì nó sẽ đến với tôi, vào núi để thiền định trong suốt những năm còn lại của đời nó, tùy nó quyết định.

Khi bài hát chấm dứt, Peta nhún vai:

“Em thấy rằng anh cố ý đồng hóa sự dễ dàng và tiện nghi với cuộc sống thế gian. Tất cả những lời thuyết pháp của anh chỉ là những lời biện hộ bào chữa bởi vì anh biết rằng không bao giờ anh có thể trở thành giàu có thừa thãi như Lạt-ma Bari-Lotsa-wa. Nếu em phải đến sơn cốc với anh, em sẽ hoàn toàn khốn khổ vì không có gì để ăn, không có gì để mặc – và em cũng sẽ không biết cả núi Everest ở đâu nữa là khác. Bây giờ anh ơi, xin anh hãy ở yên một chỗ, đừng có chạy lung tung nơi này nơi nọ giống như con thú chạy rong, tìm chỗ ẩn trú trong các hang động, và đeo bám vào các gành núi như một con dê, để em có thể tìm anh dễ một chút. Những người ở đây dường như đã hơi kính trọng anh, vì thế tốt hơn anh nên ở luôn lại đây. Dù sao anh cũng hãy ở lại đây ít ngày. Anh hãy tự may quần áo với tấm vải này,

và em sẽ trở lại ngay.” Và Peta lại ra đi tìm những gì có thể tìm được bằng sự xin xỏ.

Để làm bồn phận, tôi cắt tấm mền ra, và đầu tiên tôi may một cái mũ để trùm đầu, một cái bao nhỏ để trùm mấy ngón tay, một cặp cho hai bàn chân, và một cái ngăn cho bộ phận mà sự hiện diện của nó làm em gái tôi rất ngượng! Vài hôm sau Peta trở lại, muốn xem xét kết quả việc làm của tôi – và khi tôi đưa ra cho nó xem, nó phẫn nộ vô cùng. Tôi đeo từng chiếc bao nhỏ vào...

Peta hét lớn:

“Anh ơi, anh thật chưa phải là người và cũng chẳng biết xấu hổ. Nay, anh phá hỏng tấm mền mà em phải khổ nhọc hết sức mới kiếm được cho anh. Dường như đôi khi anh không có thì giờ để thiên định, đôi khi anh lại phí quá nhiều thì giờ để làm một việc như thế này.”

Tôi nói một cách bình tĩnh:

“Anh quả quyết với em rằng anh là một người xứng đáng với tiếng người nhất vì anh đang hướng đời anh đến một điều có thể nói là tốt đẹp nhất. Biết những gì thật sự đáng xấu hổ và những gì thực sự không đáng xấu hổ, vì thế anh đã sống cuộc sống tu hành này. Dường như em cảm thấy xấu hổ vì hình dạng tự nhiên của anh và vì khó có thể cắt đi cái cơ quan làm em quá bối rối khi em cảm thấy nó như vậy, nên anh đã may một cái bao để bao nó lại; và những cái kia cũng tương tự như vậy nên anh nghĩ rằng em cũng muốn anh che chúng lại cho tử tế. Anh không phí tấm mền của em đâu, nó đã được dùng theo ý em muốn vì bây giờ anh đang dùng nó để che phủ cái cơ quan khiến em hổ thẹn này. Vì em quá kiêu cách và còn nghi lễ hơn anh rõ ràng. Rồi hãy để anh nói cho em nghe, xem anh có hổ thẹn hơn em hay không. Tốt hơn em hãy cắt bỏ nhanh những cơ quan xấu hổ của em đi!”

Đến đây khuôn mặt Peta trở nên hờn giận, vì thế tôi tiếp tục:

“Những người thế gian không biết chỗ nào xấu hổ và chỗ nào không xấu hổ. Cái gì đáng xấu hổ là những hành vi xấu xa, thì họ là những kẻ ít biết xấu hổ nhất cho chính họ trong những việc họ làm; vì thế họ thực sự không thật biết về những gì đáng xấu hổ và cái gì không đáng xấu hổ.”

Rồi tôi hát cho Peta nghe một bài hát nữa nhấn mạnh điểm này và thêm rằng những người tu hành khổ hạnh đã từ bỏ những khoái lạc thế gian và bắt đầu câu Chân lý không cần để ý đến những tiêu chuẩn ước lệ tầm thường về lễ nghi hay không lễ nghi. Peta, em gái của tôi, đang tự làm phiền nó một cách vô ích với những ước lệ này.

Peta vẫn con giận hờn, tuy nhiên khi tôi chấm dứt bài hát, nó chỉ trao cho tôi những thực phẩm mà nó đã dành dụm khi nó đi xin, và nói:

“Anh quả thật không thể sửa đổi được và không bao giờ nghe lời em cả, nhưng dù sao em cũng không thể bỏ mặc anh được. Anh hãy cầm lấy những cái này và để xem em có thể tìm được gì nữa hay không.”

Rồi Peta quay đi; nhưng tôi muốn thay đổi Peta bằng cách suy nghĩ của tôi. Tôi lay hoay thuyết phục nó ở lại cho đến khi hết thức ăn, vì dù nó không tập tữc hiến mình, ít nhất nó cũng không thể làm bất cứ điều gì nó không nên làm khi nó ở với tôi. Trong khi Peta ở với tôi, tôi đã giảng giáo lý về Nghiệp cho nó không ngừng, cố cùng dường như tôi đã gây được một ấn tượng nhỏ trong đầu óc Peta. Vì thế Peta đã bắt đầu thấy hơi thích tôn giáo một chút.

Và một hôm có bóng ai xa xa đang hướng về phía chúng tôi. Nhưng đó chỉ là người thím già độc ác của chúng tôi! Người ta cho biết rằng chồng bà đã chết, bà đã có sự thay đổi hoàn toàn trong lòng liên quan đến cách cư xử của bà đối với chúng tôi, và lòng bà tràn ngập hối hận vì những sai lầm mà hai người – bà và chồng bà – đã đối xử với chúng tôi, và bây giờ bà đến với một con bò yak trên lưng chở nhiều phẩm vật và tìm tôi khắp nơi. Cuối cùng bà đã đến ngôi làng bên dưới sơn cốc của tôi. Bà đã để lại con bò yak và phẩm vật nơi đó, và bà trèo lên sườn núi mang theo những gì bà có thể mang được. Peta nhìn thấy bà trước, kêu tôi:

“Sao bà thím độc ác của chúng ta, người đã gây cho chúng ta bao nhiêu đau khổ lại đến đây làm gì? Chúng ta đừng dây dưa với bà ta nữa!” Vừa nói Peta vừa cật chiếc cầu nhỏ bắc ngang qua cái hố chia cách sơn cốc với con đường nhỏ bên kia.

Bà thím của chúng tôi đến bên hố và dừng lại ở đó, nói với Peta:

“Cháu ơi, đừng cật chiếc cầu, thím già của cháu muốn qua đây.”

“Thế tại sao tôi lại không cật chiếc cầu?” Peta đáp một cách hỗn láo.

Bà ta nói:

“Thím không thể trách cháu được, nhưng thím đã thực sự hối hận một cách chua cay nhất vì những việc thím đã gây ra cho hai cháu, xin cháu đặt chiếc cầu lại; hay nếu cháu không đặt, ít nhất cháu cũng nói với anh cháu rằng thím đang ở đây.”

Ngay lúc đó tôi đến và ngồi trên một ụ đất bên cạnh chúng tôi. Bà tiến đến cúi đầu chào tôi và van xin tôi cho phép bà qua để nói chuyện. Vì là người tu hành, tôi cảm thấy rằng tôi không thể từ chối lời yêu cầu của bà, có thể là chân thật, nhưng ít nhất nó cũng cung cấp một ít sự thật ở nhà. Vì thế tôi nói:

“Tôi đã từ bỏ những người thân thuộc của tôi với tất cả sự vật thế gian và nhất là tôi từ khước các người, chú và thím. Chưa thỏa mãn với những ngược đãi của thím đối với chúng tôi là những đứa trẻ mồ côi, khi tôi đã trở

thành một người tu khổ hạnh mà cơ duyên đã đến cửa nhà thím, thím lại thả chó cắn tôi, thím còn đánh đập tôi tàn nhẫn.”

Rồi tôi bắt đầu hát cho bà nghe một bài hát về những hành động lỗi lầm của bà và kết thúc bằng lời từ chối cách cư xử của bà đối với Peta là người ít nhất về mặt vật chất đã cố gắng giúp đỡ tôi rất nhiều, mặc dù nó thiếu sự mến thích Đạo lý. Và tôi buộc bà phải từ giã khi đã có cơ hội.

Bài hát này làm cho thím tôi cảm động và bật khóc. Bà chấp nhận những lời tố cáo của tôi, nhưng tôi nhắc lại những lời cam kết thành thật sám hối tội lỗi của bà và bà xin tôi tha thứ. Bà nói:

“Thím đến đây với ước mong thật sự muốn gặp cháu. Nếu cháu không muốn thím qua với cháu, thím sẽ tự tử ngay đây.”

Tôi thấy rằng cuối cùng bà đã thành thật và vì tôi ở vị thế phải tha thứ khi bà đã hối lỗi trong những điều kiện như thế. Tôi bắt đầu đặt câu xuống, mặc dù Peta đung khuỷu tay tôi, thì thầm bảo rằng chúng ta đừng có tin mù già độ ác chút nào hết. Tuy nhiên, sự hoài nghi của Peta lúc này không vững. Thím tôi thực sự đã thay đổi, và bà qua đến cốc của tôi với những tặng phẩm. Bà ngồi xuống nghe trong khi tôi giảng về Nghiệp – như thế từ từ bà được cải hóa và sau cùng bà đã tiến đến mức cuối cùng trong đời sống tu hành.

*

*

*

X

MILAREPA NÓI VỀ NGHIỆP

Bây giờ một đệ tử khác thưa: “Bạch thầy, chúng con rất xúc động và ngưỡng mộ khi chúng con nghe nói về sự trì chí kiên tâm của thầy trong cuộc chiến đấu để có được những Chân lý nơi Sư phụ của thầy và tiếp tục không ngừng cuộc chiến đấu đó để sử dụng những gì đã thọ nhận mà thầy đã bất chấp tình trạng sức khỏe bản thân của thầy trong cô đơn và đói khổ. Bên cạnh sự hiển mình cầu Đạo của thầy, sự hiển mình cầu Đạo của chúng con dường như chỉ là trò trẻ con, khi hiện khi mất, chúng con cảm thấy như vậy, bằng sự hiển mình như thế chúng con sẽ không bao giờ đạt được Giải thoát như thầy. Xin thầy dạy cho chúng con phải làm gì?”

Sư phụ Milarepa đáp:

“Nếu các anh nghĩ đến tất cả những đau đớn, những buồn khổ trên thế gian này và dưới hạ giới thì sự đau khổ của tôi không có nghĩa gì cả. Những người biết suy nghĩ chỉ nghe nói về Giáo pháp Nghiệp một lần họ cũng đủ tin theo ngay và họ sẽ nỗ lực tu trì. Chỉ những ai chỉ nghe lời nói mà không lãnh ngộ được ý nghĩa của nó thì chính họ không thể bỏ được những trói buộc của các đường thế gian. Vì thế các anh có thể thấy sự tin tưởng nơi pháp môn này quan trọng đến đâu. Vài người không chấp nhận ngay cả những biến cố hiển nhiên nhất là những sự trừng phạt theo Nghiệp luật. Họ có thể học các bộ luận văn siêu hình cao cấp và nói về Tánh Không như Phật nói, nhưng họ không nhận thức được rằng Giáo pháp Tánh Không còn khó hiểu hơn Nghiệp nhiều lắm. Nếu một người thật sự có thể lãnh hội được cái thấy của Tánh Không thì chắc chắn tư tưởng Nghiệp phải nhường chỗ cho nó và rồi người đó sẽ có những năng lực nhận thức vi diệu hơn nhiều về nhiều vấn đề phẩm chất của những hành động. Một người như thế sẽ trở nên cần trọng hơn những người khác.

Tôi đã bắt đầu thọ nhận và lãnh hội Nghiệp lý rất lâu trước khi tôi lãnh hội Giáo lý Tánh Không; đó là lý do tại sao tôi cảm nhận rất sâu những hành vi độc ác mà tôi đã làm, việc thi triển Huyền thuật tàn sát quá nhiều người và tàn phá quá nhiều của cải của người khác. Theo Nghiệp luật, tôi biết rằng tôi sẽ bị đọa Địa ngục khi tôi chết. Đó là lý do tại sao tôi bám chặt vào Đạo sư của tôi dù phải trải qua bao gian nan nguy hiểm và hết sức kiên trì trong tu tập thiền định. Tôi phải làm như thế. Tôi khuyên tất cả các anh, những đệ tử của tôi, hãy tu tập thiền định trong cô tịch và khổ hạnh, rồi các anh cũng sẽ đạt được Giải thoát như tôi.”

Một đệ tử khác cất tiếng ca ngợi người Thầy kính yêu của chúng tôi, gọi là Rimpoche (một danh hiệu kính trọng nhất), và nói rằng ông phải là một vị Phật trước khi sanh ra, bởi vì cuộc đời của ông đã hiến trọn cho đạo, sẵn sàng hy sinh mọi sự kể cả những thứ cần thiết nhất. Anh ta tiếp tục:

“Hạng phạm phu như chúng con không thể hiểu được tại sao thầy giữ được sự quá lễ độ và luôn luôn trung thành với Đạo sư của thầy sau bao nhiêu đau khổ do ông ta gây ra. Chúng con không thể nghĩ được trong chúng con có ai có thể chịu đựng nổi quá nhiều gian nan cực khổ trong sự cầu Chân lý mà thầy đã chịu đựng. Và cả đến quý thần cũng không muốn để thân xác mình suy nhược đến như thế. Thầy chắc chắn là một vị Bồ-tá hay một vị Phật; và bây giờ chúng con may mắn có cơ duyên hạnh ngộ với thầy trong đời này. Chắc chắn chúng con có thể đạt được giải thoát theo gương thầy, dù cho chúng con không phải chịu nhiều lao khổ như thầy. Xin thầy cho chúng con biết trong những đời trước thầy là ai?”

Sư phụ Milarepa đáp:

“Tôi không biết tôi là hóa thân của ai. Nhưng dù tôi có sinh ra từ một trong những thế giới thấp kém nhất, thấp hơn cả thế giới con người, song niềm tin các anh đối với tôi như là một cái gì cao cả hơn sẽ đưa các anh đến một chỗ đứng vững chắc. Tình thương cá nhân và sự quý trọng của các anh đối với tôi khiến các anh nghĩ rằng tôi là hiện thân của bậc đại nhân nào đó, nhưng cách anh phạm phải tội nghịch với Pháp và sự nghi ngờ của các anh bởi vì các anh không chân thành trong sự sùng mộ của mình. Đây chỉ vì đại lực của Pháp mà bây giờ tôi mới được ở nơi bờ mép của Phật tánh, mặc dù tôi đã xấu xa độc ác trong thời niên thiếu. Đó là vì tôi vững tin nơi Nghiệp hay những hành vi ác của một người trói buộc chính người đó. Tôi đã theo đuổi Chân lý một cách nhiệt thành và liên tục, tôi đã từ bỏ tất cả sự quyến rũ của thế gian.

“Nhất là tôi may mắn đã được một bậc Đạo sư hoàn hảo có thể cho tôi tất cả những gì tôi cần, tuyển chọn và truyền dạy những Chân lý thích hợp nhất với tôi, có thể đưa tôi theo Con Đường Ngắn của Chơn Ngôn Mật thừa (Mantrayana). Ông đã cho tôi những Chân lý không một nghi thức hay một lời lý thuyết nào cần thiết. Ông đã ban cho tôi những cuộc Điềm Đạo Truyền Pháp và cho tôi năng lực thiên định đúng cách. Chắc chắn sự thiên định về các chân lý như thế sẽ đem lại sự giác ngộ cho bất cứ người nào khác trong một đời. Nhưng một cuộc sống phạm tội cũng phải chịu sự trừng phạt riêng của nó. Không tin vào Nghiệp luật, các anh sẽ thiếu sự khích lệ cho mình bằng những nỗ lực và ước vọng vĩ đại trong sự đạt thành Phật tánh. Rồi niềm tin và sự khiêm tốn, lòng kính trọng bậc Đạo sư của các anh, nhiệt tâm và sự tu tập thiên định của các anh, cuối cùng phản ứng đối với những kinh nghiệm về sự phát triển tâm linh của các anh cũng sẽ bằng tôi,

và chẳng bao lâu, các anh sẽ đạt được sự mở mang tinh thần nào đó và người ta sẽ bảo: ‘Ồ, ông ta sinh ra đã là Phật rồi!’ Và họ sẽ không tin Con Đường Đốn Ngộ của Chơn Ngôn thừa.

“Vì thế, tôi khuyên các anh phải suy nghĩ về Nghiệp Luật này, hãy thiền định về nó, hãy suy tư về cuộc đời của các bậc Thánh hiền với những đau khổ và sâu buồn của các ngài. Hãy suy nghĩ về sự chắc chắn của cái chết sẽ đến và sự bất định của giờ chết không biết lúc nào; hãy hiến mình cho việc nghiên cứu và tu tập. Sự hiểu biết tâm linh của tôi đã đến qua sự khước từ thức ăn, quần áo, và ngay cả danh vọng nữa. Như thế lòng nhiệt thành của tôi đã khiến tôi chịu đựng được mọi cực nhọc, tập cho tôi quen với mọi hình thức thiếu thốn để đi vào những nơi cô tịch nhất để thiền định. Như thế tôi đã được tri thức và kinh nghiệm. Các anh hãy đi theo con đường như thế, và hãy tu tập với lòng sùng mộ như tôi đã làm.”

*

*

*

XI

TẠM NGHĨ

Tất cả câu chuyện phong phú tôi đang viết xuống đây do chính Sư phụ yêu quý của tôi kể lại cho chúng tôi nghe và những đoạn sau đây, một ít tôi là người chứng kiến, một ít tôi nghe các đệ tử khác đã sống bên cạnh ông cho đến khi ông nhập diệt, hay như người ta thường nói, “chuyển lên Thượng giới,” kể lại. Song khi ông kể đến đây mà trong chúng tôi không một ai thỏa mãn, trái lại, chúng tôi còn xin ông kể nữa cho chúng tôi nghe.

Tôi thưa:

“Bạch thầy, câu chuyện của thầy đôi khi khôi hài, song về toàn thể, nó rất xúc động khiến mọi người rơi lệ. Xin thầy kể cho chúng con nghe thêm vài câu chuyện vui nho nhỏ nữa đi.”

Ông nói:

“Nguyên nhân thật sự gây cười duy nhất là sự thành công sau chót của tôi, vì nhờ kết quả của nó mà tôi độ được chúng sinh và đưa họ trở về con đường chánh, cả loài người lẫn các loài khác trong các cõi hiện hữu khác nhau. Như thế, tôi đã phụng sự cho niềm Tin Phật Đạo.”

Tôi hỏi thêm:

“Bạch thầy, những đệ tử đầu tiên của thầy là những ai, họ là người hay những ai khác?”

Mialrepa đáp:

“Không phải là người, họ là những chúng sinh ở các cõi trên. Sau đó, các đệ tử người mới bắt đầu tụ hội.”

Seban hỏi:

“Bạch thầy, vả chăng ngoài những am cốc thầy đã kể, thầy còn tu tập thiền định ở nơi nào khác nữa?”

Miarepa đáp:

“Đó là một nơi khác quan trọng ở Nepal. Hơn nữa có sáu sơn cốc nổi tiếng ở nước ngoài, sáu cốc vô danh ở trong nước và sáu cốc bí mật; còn hai cốc nữa tạo thành hai mươi thành trì. Dĩ nhiên còn nhiều cốc nhỏ mà thỉnh thoảng tôi đã ở bất cứ nơi nào có đủ những vật cần thiết. Cho đến cuối cùng, đối tượng thiền định, hành động thiền định, và người thiền định tương giao quá mật thiết đến độ tôi không biết thiền định như thế nào.”

“Bạch thầy,” tôi nói vì một ý nghĩ đến với tôi, “chúng con đang được sưởi ấm trong hào quang suy tưởng của thầy, đang thụ ân những thành quả chiến đấu của thầy, và đang học tập theo sự chỉ dạy của thầy; nhưng sự việc sẽ không luôn luôn như thế. Những người mai sau không có cơ duyên hầu

chuyện với thầy và họ không bao giờ biết thầy, như thế họ sẽ được lợi ích từ những nơi chính thầy đã ở, xin thầy nói cho chúng con biết tên những am cốc đó, như thế họ có thể đến viếng.”

Rồi Milarepa kể tên tất cả những am cốc đó làm lợi ích cho chúng tôi và cho những ai sẽ đến trong mai sau. Câu chuyện Milarepa kể về cuộc đời ông cho chúng tôi nghe đã làm cho những người nghe phát lòng tin thâm sâu. Tất cả chúng tôi xúc động sâu xa khi nghe câu chuyện về những người phát triển cao độ đã quyết tâm hiến mình hoàn toàn và trọn vẹn theo vết chân ông từ bỏ thế gian để sống cuộc đời thiền định. Nhiều người khác, cả nam lẫn nữ, cũng là những tín đồ tại gia, bây giờ lại thêm những nỗ lực mới, họ dứt bỏ những mối ràng buộc với mọi sự vật thế gian và, đồng thời một số người trong bọn họ đã trở thành những hành giả Du già, nam và nữ. Những người kém mở mang hơn đã hiến một số thời gian hàng ngày cho tu tập thiền định, và những người khác còn thấp hơn cả hạng ma quỷ cũng đã quyết định từ bỏ những gì có thể là làm lỗi phi thường và thực hiện một hành động thiện đặc biệt thay thế. Như thế không ai nghe chuyện mà không cải thiện và thu được nhiều lợi ích.’

Vẫn còn nhiều điều để ghi lại, có thể cho cả vào đây; câu chuyện về cuộc chiến đấu chống lại những địch thủ không phải là người và cuối cùng ông đã chuyển hóa được, về sự đến thụ giáo của những đệ tử đầu tiên mà họ là những đệ tử thân cận nhất, và những người khác thỉnh thoảng đến nghe giảng Pháp và rồi lại ra đi sau khi nghe được những điều hay hơn. Phần nhiều những bài giảng Pháp thường mang hình thức của bài hát – những bài hát riêng của Milarepa đã hát, như độc giả biết, nhất là khi nào xúc động hay cần nhấn mạnh điểm nào đó. Trong những bài hát này, bài nổi tiếng nhất có lẽ là “Khúc Hát Tuyết Roi” đã khiến ông xuất hiện vinh quang. Một bài khác cũng rất nổi tiếng là “Tán Ca cho Những Con Chim Cầu.”

Cũng có một chương ghi lại cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với Đạo sư yêu quý của tôi. Vào lúc đó tôi là một người bị bệnh cùi – một người sống ngoài lề xã hội. Nhưng khi Milarepa gặp tôi, bảo tôi mang một số Giáo lý từ Thiên trúc về Tây tạng sau khi đã nói rõ chỗ hẹn gặp. Và trong khi ông đang thiền định trong một sơn cốc ông đã chỉ hướng cho tôi đến tìm. Sau đó tôi trở lại Thiên trúc để chữa bệnh. Ngay khi tôi trở về với Sư phụ tôi, tôi sống với ông trong một sơn cốc với các đệ tử khác nhập bọn với chúng tôi. Những đệ tử khác cũng đã gặp ông tương tự như vậy, dường như do cơ duyên mà gặp gỡ. Một trong các đệ tử là một cậu bé chăn cừu và nhiều đệ tử khác là nữ nhân.

Trong khi ở trong một sơn cốc ở Nyanam với vài đệ tử, một đại Hành giả Du già Thiên trúc tên là Dharma Bodhi đến viếng Milarepa và cúi đầu đánh lễ với ông. Việc này được loan truyền một cách nhanh chóng và làm tăng thêm sự tôn kính của mọi người nên Sư phụ tôi được giữ ở lại đó. Nhưng

việc này cũng làm dấy động lòng ganh tị của của một Lạt-ma khác nổi danh về học thức siêu hình và sự can đảm tranh luận của ông ta. Ông ta đã đưa ra cho Milarepa nhiều vấn đề siêu hình. Nhờ Năng lực Thượng thừa, Milarepa đã trả lời những vấn đề đó một cách dễ dàng. Chẳng bao lâu sau đó tôi lại sang Thiên trúc, và khi tôi trở về, ông đã đến gặp tôi vì bằng tha tâm thông ông đã biết tôi trở về.

Nhiều cuộc gặp gỡ của Milarepa với nhiều nhân vật nổi bật đã trở thành đệ tử của ông đã được ghi lại, vài người trong bọn họ đã là tăng nhân thọ giới và chính họ đã là những Đạo sư với quyền riêng của họ. Khó có người nào đến tiếp xúc với ông mà không có sự khai mở về mặt tâm linh.

Như vậy qua tình thương không biên giới vì nhân đạo, Milarepa đã truyền bá rộng rãi và làm mạnh thêm Niềm Tin Phật giáo trên thế gian vào thời ông, cứu độ nhiều người mà họ sẽ không có gì tốt hơn cho cuộc sống của họ nếu họ không đến với ông.

*
* *

XII

CỐ ÁM SÁT

Bây giờ có một Lạt-ma tên là Tsaphuwa với danh hiệu Geshe, danh hiệu chứng tỏ nhiều thành đạt của hàng cao cấp; trước khi Milarepa đến Brin, ông đã giữ địa vị hàng đầu trong sự tôn kính và trọng vọng của người dân Brin. Ông ta giả vờ kính mến Milarepa rất nhiều, trong khi lòng ông ta thật sự ganh tị với Milarepa. Ông ta đã làm theo thói quen, đặt những câu hỏi hóc búa với Milarepa giữa nơi công cộng, giả vờ vì ham hiểu biết. Nhưng thật ra ông ta cố gắng bắt chệt Milarepa làm như Milarepa là một người ngu. Dĩ nhiên, việc này ông ta không bao giờ thành công.

Bây giờ là mùa thu, Milarepa được mời dự một buổi lễ thành hôn quan trọng và ông cũng được mời ngồi ở chỗ trọng vọng hơn tất cả những người khác. Vị Geshe được mời ngồi kế chỗ của Milarepa, như thế vì lịch sự vị Geshe bước đến cúi đầu chào Milarepa, mong ông đứng dậy nhường chỗ cho mình. Nhưng Đạo sư của chúng tôi không bao giờ cúi đầu làm lễ với bất cứ người nào ngoại trừ Đạo sư của ông và bây giờ cũng không ngoại lệ. Vì thế vị Geshe tức giận vô cùng vì ông ta đã chấp nhận Milarepa ở bậc cao hơn ông ta giữa công chúng. Ông ta công kích sự thiếu kiến thức hàn lâm của địch thủ bằng tên tuổi và danh vọng của mình. Ông ta cương quyết chứng tỏ rằng ông ta ở bậc cao hơn ở trước mặt tất cả những người khách trong bữa tiệc.

Vì thế ông ta lấy một quyển sách từ trong chiếc áo cà sa ông đang mặc ra và nói: “Ồ Milarepa, xin ngài vui lòng cùng tôi thông qua tập sách này và giải nghĩa hộ tôi một vài điều tôi không hiểu được.”

Nhưng Thầy chúng tôi đã biết rõ những gì đang diễn ra trong tâm kẻ khác nên đáp:

“Sự chuyên môn của ngài đủ để hiểu ý nghĩa từng chữ trong cuốn sách đó nhưng không đủ hiểu nó trọn vẹn – vì rằng ngài phải nhờ được rỗi của Tám Tham Vọng Thế Gian, phải chế ngự được niềm tin nơi cái ngã của ngài, và phải tự chinh phục chính ngài bằng thiền định trong cô tịch. Tôi không bao giờ nghiên cứu sự qui biện của lời nói hay học thuộc lòng những câu hỏi và những câu trả lời trong sách để xoa dịu đối thủ của tôi, vì nó chỉ đưa đến sự rối loạn tâm trí và không phải là con đường để đưa đến Chân lý. Bây giờ xin hãy nghe đây!” Và Milarepa hát một bài hát trình bày phương tiện đã đưa ông đến sự chứng ngộ Nhất thể của vạn hữu, hủy diệt ý nghĩ sai lầm mà chúng ta chấp giữ: “tôi” và “anh,” sự tương đãi chủ khách thực sự không hiện hữu. Ông hát:

“Vì tâm ta tràn đầy chân lý
 nên không có phiền não.
 Bởi chiêm nghiệm Từ Bi lâu,
 ta quên sự phân biệt giữa ta và người;
 Bởi suy nghĩ đến Đạo sư ta lâu,
 ta quên uy lực thế gian,
 Bởi thiền định về các Thần Thủ hộ lâu,
 ta quên ta mang thân người;
 Bởi thiền định các Chân lý Khẩu truyền lâu,
 ta quên những gì thấy trong sách vở.
 Bởi nghiên cứu Khoa học Chân lý lâu,
 Ta đã quên tri thức xây trên Vô minh.
 Bởi chiêm nghiệm Ba Thân lâu,
 ta đã quên thế nào là hy vọng và sợ hãi,
 Bởi quen nghiên cứu cô tịch lâu,
 ta đã quên làm sao nhờ người hỏi xin lời khuyên của người khác;
 Bởi quen áp dụng kinh nghiệm vào sự trưởng thành tâm linh từng
 bước,
 ta đã quên tín điều và giáo điều;
 Bởi thiền định về Tuyệt đối lâu,
 ta đã quên các đối tượng kém hơn;
 Tâm ta thông dong từ lâu,
 ta đã quên ước lệ và tập tục;
 Bởi quen với khiếm tốn của thân tâm lâu,
 ta đã quên những lối kiêu căng, cường dũng;
 Bởi quen coi thân như am tu lâu,
 ta đã quên sự dễ dãi và tiện nghi của đời sống chùa chiền;
 Bởi quen với ý nghĩa Phi thế gian lâu,
 Ta đã quên ngữ pháp và từ nguyên học.
 Hỡi ngài, bậc học thức uyên bác, cầu mong ngài
 Hãy theo đuổi điều này trong những việc làm tiêu chuẩn thông
 thường.”

Vị Geshe lạnh lùng nói:

“Đối với một hành giả Du già, điều đó rất hay, nhưng một đề tài tôn giáo như thế không chứng tỏ được kiến thức uyên thâm. Tôi cúi đầu lễ ngài vì tưởng ngài là bậc cao sĩ bác học, hỡi ôi, đâu ngờ không phải vậy.”

Tuy nhiên, việc này đã làm những người khác, nhất là những người theo ông ta, đứng dậy phản đối, họ trách mắng ông ta rằng:

“Này Geshe, dù ông học rộng đến đâu và dù cho toàn thể thế giới này có nhiều đến đâu những người như ông, tất cả gộp lại cũng không bằng một sợi lông trên thân thể của Milarepa, và cũng không thể làm đầy lỗ chân lông ấy. Tốt hơn ông hãy thỏa mãn với chiếc ghế dành cho ông, chiếc ghế đó còn cao hơn tất cả chúng tôi, và hãy tiếp tục làm giàu bằng cách cho vay nặng lãi của ông đi. Về phần tôn giáo, hương thơm của nó sẽ không thấm tí nào vào người ông đâu.”

Lời nói thẳng thừng này làm cho vị Lạt-ma nổi giận nhiều hơn, nhưng mọi người hoàn toàn đồng ý chống lại ông ta, khiến ông ta phải ngậm hờn rút lui trong im lặng, và tự nghĩ: “Milarepa là một tên ngu dốt; hẳn xử sự một cách quái gở, hẳn phá mình nhiều chuyện, và hẳn còn có khuynh hướng phá hoại Phật giáo nữa. Hẳn lừa dối người ta bằng cách gạt họ để lấy tặng phẩm; còn ta là người giàu nhất và có thể lực nhất trong toàn vùng này, lại bị coi là còn kém hơn con chó, khinh khi những thành đạt của ta. Ta phải làm một cái gì để trả thù vụ này mới được!”

Vì thế ông ta chọn một trong những tình nhân của mình và hứa cho người người ấy một viên ngọc bích nếu bà ta cho Milarepa ăn một chút sữa đặc có tâm độc. Bà ta tìm được Milarepa ẩn tu trong cốc của ông và dâng lên ông một đĩa sữa đặc. Nhưng Milarepa có tha tâm thông thông đọc được ý nghĩ của người khác một cách dễ dàng, và ông đã biết bà ta đang làm gì, ngay cả việc bà ta sẽ được hồi lộ một viên ngọc bích khi nào ông ăn đĩa sữa đặc bà ta dâng. Hơn nữa, ông còn biết rằng chính mình, hầu như đã hoàn tất phận sự của mình và chẳng bao lâu nữa ông sẽ nhập diệt, dù có bị đầu độc hay không. Ông đã biết rõ như vậy nên nói với người tình nhân của vị Geshe rằng:

“Bần tăng không ăn ngay bây giờ được. Xin hôm sau hãy đem lại và bần tăng sẽ ăn cho.”

Người đàn bà sợ hãi, tin chắc rằng Milarepa có thể đọc được ý nghĩ của mình, vì thế bà ta trở về thuật lại những gì đã xảy ra chỉ vị Geshe nghe. Bà ta nói rằng Milarepa, bằng thiên nhãn thông, đã biết rõ âm mưu chống ông ta.

Tuy nhiên vị Geshe không tin địch thủ của mình có những năng lực như thế và nói với người tình nhân, thúc giục rằng, nếu ông ta biết như vậy, ông ta đã bắt bà ăn đĩa sữa để chứng minh bà ta [âm mưu], mà ông sẽ không bảo bà ta hôm sau mang lại. Rồi vị Geshe tặng viên ngọc bích để khuyến khích người tình nhân và yêu cầu bà ta mang thức ăn đến dâng cho Milarepa một lần nữa.

Nhưng người đàn bà sợ hãi, biện bạch:

“Người ta nói Milarepa có phép thiên nhãn thông, tôi chắc rằng ông ta từ chối đồ ăn là chứng minh nó có độc. Chắc chắn ông ta sẽ từ chối lần thứ hai. Tôi không cần viên ngọc của ông đâu. Đi nữa tôi sợ lắm, tôi không đi đâu.”

Nhưng vị Geshe vẫn nhất định không lùi bước, ông ta nói một cách khinh thị:

“Những người tâm thường tin như thế, nhưng họ là những kẻ thất học và dễ bị hấn lừa. Hấn không giống như những người có thiên nhãn thông mà em thấy miêu tả trong Kinh điển đâu, anh quả quyết như vậy. Nay, nếu em tìm cách nào đó cho hấn ăn, anh sẽ cưới em làm vợ riêng; rồi em không những chỉ được viên ngọc mà tất cả của cải của anh cũng thuộc về em. Chúng ta có nhiều ác cảm với hấn, như thế lần này em chắc thành công.”

Miếng mồi nhử này đủ cho người đàn bà đó mang đĩa sữa đặc có tâm độc đến cho Thầy chúng tôi một lần nữa. Lần này, Milarepa cầm lấy đĩa sữa với nụ cười trên môi và nói một cách bất ngờ:

“Bà đã được viên ngọc bích để làm việc này rồi!”

Câu nói này làm người đàn bà khốn nạn khiếp sợ. Vì hối hận quá sức, bà ta ngã nhào xuống dưới chân ông khóc nức nở kể rõ đầu đuôi câu chuyện, xin ông đừng ăn đĩa sữa và hãy trả nó lại cho bà để bà ăn cho đáng tội lỗi quá lớn của bà.

Milarepa ôn tồn nói:

“Bần tăng không thể làm như vậy. Bần tăng rất thương xót cho nữ đàn việt; nếu bần tăng làm thế, sẽ trái với hạnh nguyện bỏ-tát của bần tăng và bần tăng cũng sẽ thọ hại tinh thần. Cũng chẳng có gì kỳ lạ, vì thọ mạng của bần tăng đã mãn, dù sao cũng đã đến lúc bần tăng từ già nơi đây để về thế giới khác. Không phải thuốc độc của nữ đàn việt tác hại gì cho bần tăng đâu. Bần tăng từ chối lần đầu chỉ để cho nữ đàn việt có cơ hội lấy được viên ngọc bích hối lộ mà thôi. Bây giờ bần tăng sẽ ăn đĩa sữa độc này để thỏa mãn vị Geshe và để ông ta khỏi lấy lại viên ngọc của nữ đàn việt. Nhưng về những lời hứa kia của ông ta, nữ đàn việt chớ tin, vì nếu tin nữ đàn việt sẽ thất vọng... Và cũng đừng tin bất cứ lời nào ông ta nói về bần tăng. Sẽ đến lúc cho ông ta và nữ đàn việt ăn năn hối hận cho ngày hôm nay. Đến lúc đó, nữ đàn việt hãy thành thật ăn năn và tu hành sùng mộ; dù cho nữ đàn việt không làm được như thế, ít nhất cũng nên tránh làm những chuyện tội ác như thế này, dù cho sinh mạng của nữ đàn việt ở trong tình trạng nguy hiểm. Hãy thành tín cầu nguyện cho bần tăng và các đệ tử của bần tăng, bởi vì vẫn còn nhiều nhiều kiếp nữa trước khi nữ đàn việt và ông chủ của nữ đàn việt được tái sinh nơi cõi hạnh phúc khác. Bần tăng sẽ biết làm gì để giúp đỡ nữ đàn việt. Nhưng khi bần tăng còn sống, nữ đàn việt hãy giữ kín chuyện này; dĩ nhiên sau này mọi người sẽ biết. Có thể nữ đàn việt không tin hết tất cả những gì bần tăng nói, nhưng về chuyện này nữ đàn việt sẽ biết rõ sự thật của những lời bần tăng nói với sự kính trọng đối với nữ đàn việt. Vì thế, nữ đàn việt hãy giữ kín trong lòng để chờ mọi việc xảy ra.”

Người đàn bà trở về kể tất cả mọi việc cho vị Geshe nghe, nhưng ông ta dừng dừng nói:

“Mọi việc nói ra không nhất thiết phải đúng. Hấn đã ăn độc dược, thế đủ rồi. Bây giờ chúng ta hãy xem. Và em hãy nhớ kín miệng đây nhé.”

Milarepa biết rằng mình sắp phải từ giã thế giới này nên đã gửi thông điệp đến những người quen biết và tin ông để họ mang phẩm vật cúng dường đến thăm ông lần cuối. Và cũng mời một số rất đông những người, cả nam lẫn nữ, chưa bao giờ có dịp gặp ông. Tin này cũng truyền đến tất cả các đệ tử của ông vì thế đã có một cuộc hội họp hùng hậu của kẻ xa người gần, cả nam lẫn nữ, được khai thị hay chưa được khai thị, bạn bè và khách lạ. Và Milarepa giảng về Chân lý, Hiện tượng và Thực tướng, cho mọi người nghe.

Nhiều ngày như thế trôi qua, những người lợi căn đã hiểu được nhiều hiện tượng tâm linh. Cũng có một cuộc hội họp khác của chư thiên ở trên trời đang chăm chú lắng nghe, và niềm hân hoan của các bậc thiên thần này đã truyền xuống những người ở dưới lắng nghe. Và với tất cả những hiện tượng thứ yếu tạp đả như cầu vòng, những đám mây sắc sỡ với nhiều hình dạng khác nhau giống như những chiếc áo giáp, những cờ phướn, đều có thể thấy được; những bông hoa từ các cõi trời rơi xuống, âm nhạc thanh nhã, hương thơm ngạt ngào nhuần thấm mọi nơi. Những người đã phát triển cao độ có thể nhìn thấy chư thiên hội họp tham hỏi bậc Đạo sư làm sao có sự cảm thông nhất thể như thế giữa chư thiên và những người ở trần gian, và tại sao những dấu hiệu nhỏ bé hơn mà tất cả có thể thấy được cũng đã hiện rõ.

Milarepa đáp:

“Có rất ít người linh tánh đã được khai mở hoặc nơi những người đã được bí truyền hoặc những người chưa được bí truyền và lại có những chúng sinh cõi trên nhiệt thành muốn nghe giảng Pháp và họ tràn ngập niềm vui bất cứ khi nào họ được nghe Pháp, họ đang dâng tặng vật chúc tụng tôi. Đó là niềm vui của họ rọi sáng xuống tất cả mọi người nên các ông có thể tiếp xúc và ý thức được.”

Một người hỏi:

“Bạch thầy, tại sao quá ít người trong chúng con có thể thấy được các Bậc này?”

Milarepa đáp:

“Nếu các anh muốn thấy những người đã đạt đến cảnh giới khai ngộ nhờ đó họ không còn tái sinh trên Trái đất này nữa thì chính các anh phải được ban cho một cái thấy hoàn hảo, và đây không chỉ có nghĩa là phải có nhiệt tâm sùng mộ mà còn phải thoát khỏi hai nguy thuyết căn bản của những tư tưởng con người: tin vào Thực tại của những gì chỉ thuộc về Hiện tượng và tin vào sự hiện hữu của Bản ngã. Vì thế những hành vi thiện phải nhiều hơn ác nghiệp, và rồi các anh có thể thấy chính mình hòa vào Tâm Thanh Tịnh.”

Và ông lại cất tiếng hát để làm sáng tỏ điểm này và giúp cho mọi người nhớ. Chủ đề của bài hát là con đường theo đó người ta phát triển năng lực để thấy được các Bậc Cõi Trên:

*Bởi vì ác nghiệp mà con người, hầu như từ lúc mới sinh ra,
lại sa vào tội lỗi, và con tệ hơn nữa là họ vui vẻ trong đó,
như thế họ mắc phải ác nghiệp nhiều hơn.
Song ác nghiệp có thể tiêu trừ được phần nào
do ước nguyện làm điều thiện.
Nhưng những kẻ phạm tội một cách có suy tính
bán quyền sinh ra làm người của họ
Để mua một mớ cháo đặc hỗn độn của súc vật ăn.
Những người không có ý nghĩ rõ ràng về Mục đích,
Tự cho có đủ sức làm hướng đạo hay thầy hướng dẫn kẻ khác,
Như thế không những họ hại đệ tử của họ mà còn hại chính họ nữa.
Để tránh tự làm khổ chính mình, đừng làm hại kẻ khác.
Sám hối và thú nhận tội lỗi dưới chân Đạo sư
và quyết tâm không tái phạm là cách đền tội chắc chắn nhất.
Tuy nhiên, những người phạm tội,
tâm hay mục đích không ổn định
vì phân đông đều khôn lanh,
Họ bị khoái lạc thế gian trôi buộc và không cần tôn giáo;
Điều này chứng tỏ họ chìm đắm trong bùn lầy tội lỗi.
Vì thế hãy để mỗi người trong các anh bắt đầu cuộc đền tội của mình,
rồi các anh sẽ thấy chư Thiên bây giờ đang lũ lượt đến trên trời,
Các anh cũng sẽ thấy chân tánh của tâm và sẽ giác ngộ
Tánh Đồng nhất của Pháp giới, Thị kiến Vô biên,
Vòng Sanh-tử và Cảnh giới Tự do.
Rồi ác nghiệp của mình sẽ chấm dứt.”*

Bài hát này đã gây ít nhiều ảnh hưởng đến những người có mặt tùy theo căn cơ của họ. Những người có căn cơ cao nhất hốt nhiên thức ngộ Chân lý nhanh như chớp và được Giải thoát ở đó và lúc ấy. Những người kém hơn cũng kinh nghiệm được An Lạc mà trước giờ họ chưa từng có. Không ai không cảm thấy ao ước được Giải thoát lần đầu tiên trong đời họ.

Rồi Milarepa lại nói:

“Tất cả mọi người ở đây hôm nay đều có thiện nghiệp tích lũy từ các đời trước và bây giờ được cùng nhau nơi đây vì có một mối duyên thanh tịnh thánh thiện giữa chúng ta. Bây giờ tôi đã già và không có gì bảo đảm rằng chúng ta sẽ gặp lại nhau trong đời này. Vì thế tôi cầu mong các người hãy

nhớ những bài thuyết giảng của tôi và hãy tận dụng khả năng của mình thực hành theo những lời dạy đó. Nếu các người làm được như thế, thì bất cứ ở cõi nào tôi cũng có thể viên thành Phật quả. Các người sẽ là những người đầu tiên được những Chân lý tôi sẽ giảng dạy. Hãy an ủi bằng ý nghĩ này.”

Bây giờ những người Nyanam nghe những lời đó, họ muốn cung thỉnh Milarepa đến xứ họ để nhập diệt, hay ít nhất là đến viếng thăm lần cuối. Những người Tingri cũng vậy. Nhưng Milarepa đáp rằng ông đã quá già yếu không thể đi đâu xa được và ông muốn nhập diệt nơi ông đang ở. Ông nói:

“Vì thế, các người hãy từ giả tôi mà trở về quê hương đi. Sau này chúng ta sẽ gặp lại nhau.”

Rồi họ xin Milarepa ban phước lành cho quê hương họ và những nơi mà ông đã từng viếng để tạo ước vọng tốt nhất cho mọi người ông đã từng gặp và những người đã từng nghe ông giảng dạy; tóm lại, là cho tất cả chúng sinh.

Milarepa đáp:

“Tôi xin cảm tạ các người vì đã trọn tin nơi tôi, và cũng vì cách các người đã luôn cung cấp cho tôi những thứ cần thiết của sự sống. Về phần tôi, tôi đã bày tỏ những gì tôi cảm thấy về các người bằng cách giảng dạy và chúc lành cho các người, như vậy mối duyên giữa chúng ta được bền chắc. Và bây giờ thấy rằng tôi là một hành giả Du già đã đạt được Giác ngộ, bản phận của tôi là ban phước và chúc lành cho các người được hạnh phúc, cả tinh thần lẫn vật chất.”

Rồi Milarepa hát một tán ca để tỏ lòng biết ơn và ban phước, diễn tả niềm hy vọng rằng tất cả những người có thể nghe hay đọc được về cuộc đời của ông sẽ xúc động và cùng nhau tu hành, và cuối cùng Giải thoát có thể đến với tất cả chúng sinh, đến cả với côn trùng nhỏ bé nhất!

Bây giờ đại hội đã được an ủi nhiều và giải tán, nhưng những người ở Brin cung thỉnh Milarepa giảng cho họ. Và ông đã giảng cho họ một thời gian. Một hôm ông nói:

“Ai còn bất cứ câu hỏi nào hay vấn đề gì cần minh bạch, hãy trình bày ngay bây giờ vì tôi không còn sống được bao lâu nữa.”

Người ta đã sửa soạn ngay một buổi lễ *puja* đặc biệt, và tất cả những vấn đề khó khăn đã được Milarepa giải đáp rõ ràng. Sau đó, hai đệ tử thân cận nhất đến hỏi ông:

“Bạch thầy, nghe những lời thầy nói, chúng con sợ rằng thầy định nhập diệt. Chắc thọ mệnh của thầy chưa thể chấm dứt được phải không, thưa thầy?”

Milarepa đáp:

“Cả thọ mệnh và năng lực chuyển hóa người khác của thầy đã hết. Vì thế bây giờ, vì thầy đã sinh nên phải chết.”

Vài ngày sau dường như ông bị bệnh và tức khắc một đệ tử trưởng tràng bắt đầu sửa soạn lễ cầu an nhân danh ông với những Năng lực Thần thông sẵn có và cầu xin ông uống thuốc cho lành bệnh. Nhưng Milarepa đáp rằng bệnh của một hành giả Du già sẽ là một thúc giục điều động hành giả và những lời cầu nguyện sẽ không đem lại sự bình phục nào cả. Hành giả sẽ dùng cơn bệnh để tiến hành về mặt tinh thần và bao giờ cũng sẵn sàng cho đau khổ và ngay cả cái chết nữa. Nhưng theo lời dạy của sư ông Marpa, chính hành giả Du già biết tất cả những phương pháp chế ngự cơn bệnh của mình mà không cần người khác cầu xin gì cả. Ông nói:

“Đến lúc, khi thân mà nó có tâm tiến hóa chỉ phải hòa vào Cõi Ánh Sáng và điều này chẳng cần một nghi lễ nào cả. Những người thế gian đã chôn cất ác nghiệp cho chính họ bằng những hành động sai lầm, tự nhiên họ muốn trì hoãn ngày chết của họ bằng thuốc men, vật hiến tế, và những lời cầu nguyện. Song chẳng có phương tiện nào để người ta có thể trì hoãn được Ngày Chết tất nhiên của họ. Nếu có ai sợ hãi vì cái ngày này sự thực muốn đạt được sự an lạc vĩnh cửu mà thầy đã biết rõ bí mật của nó.”

Các đệ tử nghe nói thế, họ lập tức yêu cầu Milarepa tiết lộ bí mật đó. Milarepa bảo họ:

“Tất cả mọi sự theo đuổi thế gian đều chỉ được một quả không thể tránh được là phiền não. Được kết thúc trong mắt; xây dựng kết thúc trong đồ vỡ; gặp gỡ kết thúc trong chia ly; sinh kết thúc trong tử. Biết được điều này, ngay từ đầu người ta phải xa rời tất cả những ý tưởng về góp nhặt sự vật, xây cất, gặp gỡ. Hãy tìm một Đạo sư và tuyệt đối vâng lời vị Đạo sư ấy, quyết tâm giác ngộ Chân lý siêu việt sanh tử.”

Hai đệ tử thân cận gợi ý rằng ông có thể bình phục và sống thêm ít lâu, ông sẽ độ được nhiều chúng sinh nữa, vì thế họ xin ông cho phép tổ chức một buổi lễ theo Nghi thức Mật giáo để kéo dài thọ mệnh của ông, và cũng xin ít thuốc để chữa bệnh cho ông.

Đạo sư đáp:

“Đại hạn của thầy đã đến, vả lại thầy cũng có thể làm được như vậy. Nhưng các con hãy nhớ rằng bất cứ người nào tổ chức Nghi lễ Mật giáo để kéo dài thọ mệnh ngoại trừ mục đích phục vụ người khác, sẽ là cách hành xử hoàn toàn không đúng đối với chư thiên và cũng sẽ bị nghiệp phản ứng. Đừng bao giờ tổ chức Nghi lễ Mật giáo vì mục đích cá nhân hay những mục đích thế gian. Hầu hết đời thầy đã thực hành những nghi thức Mật giáo Thượng thừa và bây giờ những nghi thức đó đang giữ vững cho thầy đây. Hơn nữa, những phương thuốc của sư ông Marpa để tẩy rã Năm Độc: tham, sân, si, vị kỷ, và ganh ghét là thuốc chữa bệnh của thầy. Nhưng các con ạ, bây giờ không đủ cho các con chỉ là những người sùng mộ hay chấp nhận đời sống tôn giáo, các con cũng phải dùng buồn phiền và nghịch cảnh làm

trợ duyên trên đường Đạo. Nếu đại hạn của một người chưa đến, không có gì hại cả trong việc đến nhờ một y sĩ trị bệnh – ngay cả đức Phật cũng cho phép y sĩ của ngài, Jivaka Kumara, thăm mạch và bốc thuốc cho ngài. Nhưng khi đại hạn đến, ngài không dùng bất cứ thứ gì để trốn tránh mà nhập ngay vào Vô dư Niết-bàn. Vì thế, đại hạn của thầy đã đến và thầy sẽ không làm gì để ngăn chặn nó.”

Rồi cuối cùng phải chấp nhận điều không thể tránh được, các đệ tử xin ông chỉ dẫn các nghi thức an táng, những thánh tích của hài cốt, những đồ tang chế, và những nghi thức để dựng tháp miếu (stupa); ai là người thừa kế y bát và những nghi thức dùng để kỷ niệm ngày nhập diệt của ông, phương pháp thiên định nào thích hợp nhất cho mỗi đệ tử.

Milarepa đáp:

“Nhờ sư ông Marpa, thầy đã đạt được Giải thoát khỏi thế gian huyền ảo. Không có gì bảo đảm thân xác thầy sẽ tồn tại sau khi thầy nhập diệt. Vì vậy, chẳng cần tháp miếu hay đèn kỷ niệm gì hết. Vì thầy không có tự viện nên thầy không chọn người thừa kế. Bất cứ người nào cũng có thể sở hữu và ở những sơn cốc mà thầy đã ở, hay những đỉnh núi và am tu thanh vắng khác. Thay vì dựng tháp miếu, hãy vun trồng lòng sùng mộ mến yêu tất cả mọi phần Phật Pháp và hãy dựng ngọn cờ Tình thương; thay vì dựng đài kỷ niệm, hãy để chỗ cho lời cầu nguyện hàng ngày. Để làm lễ kỷ niệm hàng năm, hãy tạo thêm những lễ cầu nguyện. Vì sự tu tập riêng của các con, nếu các con tìm được một thói quen lợi ích nào đó, hãy trau dồi thói quen đó, dù nó trái ngược với ước lệ thông thường, miễn là thói quen đó có khuynh hướng trái nghịch với Năm Phiền não Ác độc. Nếu có gì tai hại hay phiền quấy, các con hãy xa rời nó dù nó thường làm cho các con hài lòng. Bất cứ người nào không nghe lời thầy khuyên, dù cho có học đến đâu, cũng sẽ chìm sâu vào Địa ngục. Đòi ngắn ngủi, giờ chết không biết sẽ đến lúc nào. Vì thế các con hãy tinh tấn thiên định. Hãy tránh làm điều ác dù cho việc đó phải trả bằng sinh mạng các con. Hãy luôn luôn theo đúng qui tắc này: ‘Hãy hành động vì như thể anh sẽ không có lý do gì để hối hận.’ Rồi các con có thể chắc chắn rằng các con theo đúng tất cả những lời chư Phật răn dạy. Và rồi chính thầy cũng sẽ hài lòng, không có gì khác có thể làm thỏa mãn trái tim già của thầy.”

Rồi Milarepa hát một tán ca để nhấn mạnh những điểm thiết yếu mà ông đã dạy:

*Nếu các con làm theo lời ta dạy,
Không chỉ ta mà cả chư Phật cũng hài lòng.
Điểm Đạo Truyền Pháp có nghĩa gì,
Nếu Đạo sư của mình không thuộc dòng truyền thừa liên tục?*

Trừ phi hòa hợp Pháp với bản tánh của mình,
 Thì tụng lâu lâu những Mật điển để làm gì?
 Trừ phi khước từ mọi sự vật thế gian,
 Thì thiền định để làm gì?
 Trừ phi mình tu tập Giáo Pháp suốt đời,
 Thì tổ chức nghi thức và nghi lễ tôn giáo để làm gì?
 Trừ phi chế phục được tánh sân bằng tình thương,
 Thì thiền định về nhân nhục có gì là tốt?
 Trừ phi thoát khỏi ưa và ghét,
 Thì yếu điểm của thờ phụng là gì?
 Trừ phi chế ngự được tất cả lòng vị kỷ,
 Thì bố thí của cải có ích gì?
 Trừ phi tràn đầy tình thương và tôn kính thuần khiết,
 Thì xây tháp miếu để làm gì?
 Trừ phi lời cầu nguyện đến từ đáy lòng sâu thẳm,
 Thì cung hành những ngày kỷ niệm để làm gì?
 Trừ phi trong lòng chứa giữ Giáo lý Bí mật,
 Thì lợi ích gì đến từ đau khổ?
 Trừ phi yêu thương và tin tưởng tuyệt đối một vị Thánh khi còn sống,
 Thì chiêm nghiệm những thánh tích của ngài để làm gì?
 Trừ phi tự mình cảm thấy ăn năn,
 Thì bảo rằng, “Hãy sám hối!” để làm gì?
 Trừ phi thiền định về tình thương người khác hơn chính mình,
 Thì than van thương xót có ích chi?
 Trừ phi đã thoát khỏi những ràng buộc,
 Thì phục vụ chỉ khi nào thấy thích có ích chi?
 Trừ phi luôn luôn tuân giữ lời dạy của Đạo sư,
 Thì có nhiều đệ tử để làm gì?
 Bất cứ lời dạy nào không có chân giá trị và chỉ làm hại,
 Thì hãy nhân nhục mà xa rời.
 Hành giả Du già thực hiện sứ mệnh của mình,
 Không cần phải gánh vác những trách nhiệm khác.”

Milarepa đã hát như thế để ghi sâu trí tuệ của ông vào lòng người nghe.

Bấy giờ bệnh tình của Milarepa đã trở thành hiển nhiên. Nghe thế, vị Geshe vội vàng mang theo một miếng thịt nhỏ và một ít bia làm lễ vật viếng ông. Ông ta nói với Milarepa bằng một giọng giáo hoạt nhất:

“Ồ, Jetsun Milarepa thật là một người thánh thiện,” ông ta ôn tồn nói, “thật sự ngài bị bệnh không trầm trọng lắm. Nhưng hiển nhiên, bệnh của ngài đã chia rẽ các đệ tử của ngài. Hay là, nếu bệnh của ngài có thể chuyển

được, xin ngài hãy chuyển nó sang một người như tôi đây, chẳng hạn. Nhưng dĩ nhiên, ngài không thể làm được, như thế làm thế nào?”

Milarepa mỉm cười và nhẹ nhàng đáp:

“Thực ra tôi không cần phải mang bệnh này, nhưng tôi đã chọn làm như thế này có lẽ ngài đã biết. Thông thường bệnh của một hành giả Du già khác hẳn bệnh của một thường nhân, mặc dù nó vẫn có vẻ là một tai họa. Nhưng trong trường hợp của tôi, nó là một ân huệ. Tôi có thể chuyển được nếu cần thiết phải làm thế, nhưng giờ đây chẳng có gì cần thiết cả.”

Vị Geshe nghĩ rằng Milarepa đã nghi ngờ ông ta đầu độc, nhưng không có bằng chứng để chứng minh. Chắc chắn ông ta không tin Milarepa có phép thần thông chuyển được bệnh. Vì thế ông ta quyết khích thêm Milarepa:

“Ôi, Jetsun, tôi muốn biết nguyên nhân bệnh của ngài. Nếu là do ma quỷ giao quyết gây ra thì phải trừ tà ma mới được. Nếu chỉ là do dạ dày ngài bị đảo lộn thì phải đặt nó lại nguyên vị. Nhưng tôi không biết làm sao giúp ngài. Nếu ngài có thể chuyển nó được, xin cứ chuyển nó sang tôi.”

Milarepa đáp:

“Nếu một người nào đó bị ác quỷ ám ảnh, thì ác quỷ đó là Vị kỷ. Con quỷ này là nguyên nhân gây bệnh cho tôi. Con quỷ này không thể đuổi trừ bằng bùa phép và bệnh này cũng không thể chữa được. Nếu tôi chuyển nó sang ngài thì ngài sẽ không chịu đựng nổi, dù chỉ một phút thôi. Vì thế tôi sẽ không chuyển đâu.”

Vị Geshe tự nghĩ thầm: “Ha! Hẳn không chịu chuyển sang cho ta vì hẳn không có năng lực đó. Hẳn giả vờ bảo rằng hẳn không muốn.” Vì thế, ông ta nói:

“Xin ngài cứ chuyển bệnh sang tôi đi!”

Milarepa đáp:

“Hay lắm! Tôi sẽ chuyển nhưng không phải sang ngài mà sang cánh cửa kia, và ngài sẽ thấy sức mạnh của nó.”

Lập tức cánh cửa kêu răn rặc như rên rỉ than van. Nó rung động, rung chuyển dường như gỗ cửa muốn vỡ đôi, trong lúc đó Milarepa dường như hết đau đớn.

“Đây chỉ là ảo ảnh, một hình thức của thuật thôi miên,” vị Geshe nghĩ, vì thế ông ta nói:

“Kỳ diệu quá! Bây giờ xin ngài hãy chuyển nó sang tôi.”

Milarepa đáp:

“Được, vì ngài quá cố chấp, tôi phải cho ngài biết một chút đau đớn xem sao.” Rồi ông thu hồi sức mạnh làm vỡ cửa, chỉ chuyển một nửa sức mạnh ấy vào người vị Geshe và hỏi ông ta có đau lắm không.

Vị Geshe trong cơn đau đớn hãi hùng như thế khiến ông ta hầu như hoàn toàn suy nhược, và đó chỉ là một nửa sự đau đớn mà Milarepa đã chịu đựng.

Ông ta tràn ngập hối hận trong lòng và cúi đầu xống dưới chân Milarepa kêu khóc: “Ôi Bạc Thiên sư, ngài bảo bệnh này do một kẻ ganh tị, ích kỷ và không xứng đáng gây ra; tôi xin ngài hãy nhận những của cải và sự nghiệp thế gian của tôi, xin ngài tha thứ tội lỗi cho tôi để tôi khỏi bị ác nghiệp kéo xuống bùn lầy.”

Milarepa thấy ông ta thành thật ăn năn nên sẵn sàng hi xả. Ông thu hồi tất cả sự đau đớn trong người vị Geshe lại, và nói:

“Suốt đời tôi, tôi không bao giờ có nhà cửa hay của cải gì cả, bây giờ tôi đang nằm trên giường chết, tôi cần những thứ ấy để làm gì? Ngài hãy giữ lấy và sau này đừng phạm tội trái nghịch với Giới luật Phật Pháp nữa. Tôi sẽ làm những gì tôi có thể làm để giúp ngài. Vì địa vị hiện tại của ngài, ngài không thể chịu thiệt hại nhiều vì việc làm sai lầm này.”

Và ông hát một tán ca biểu lộ tâm Đại Bi đối với loài người khiến vị Geshe cảm thấy dễ chịu ở mức độ nào đó.

Ngay lúc đó với nhiệt tâm vì đạo, vị Geshe đã nguyện hiến mình cho cuộc sống tốt đẹp và tránh xa tất cả mọi hành vi xấu xa, ông ta nói với Jetsun, những hành vi phát xuất từ lòng yêu mến của cải và tài sản thế gian. Ông ta quyết định:

“Từ đây tôi không cần ruộng đất hay nhà cửa gì hết, như thế dù cho ngài không cần sản nghiệp của tôi nhưng có lẽ nó cũng có thể giúp được chút ít trong sự duy trì sự sống cho các đệ tử và tín đồ của ngài. Xin ngài hãy nhận cho.”

Mặc dù ông ta chân thành hăng hái, tuy nhiên Milarepa vẫn một mực khước từ. Nhưng sau khi Milarepa nhập diệt, các đệ tử đã nhận những của cải đó để trả các khoản phí tổn trong tang chế và lệ phí cho cuộc truy niệm ngày ông nhập diệt. Và cuối cùng vị Geshe đã trở thành một người sùng mộ. Thầy chúng tôi bình giảng:

“Một người tội lỗi sâu dày đã được chuyển hóa, đó là phần thưởng cho thầy ở đây. Bây giờ không còn gì giữ một hành giả Du già ở lại nơi ngục tù thế gian này nữa.

Song một hành giả Du già sẽ không chết trong ngôi làng nhỏ bé như thế này. Ta sẽ đến một thị trấn lớn. Ta sẽ đến Chubar. Seban Repa, một trong những đệ tử, nói:

“Thưa thầy, tình trạng sức khỏe của thầy thật đáng ngại nếu thầy phải đi bộ. Chúng con sẽ làm kiệu đưa thầy đi.”

Milarepa đáp:

“Khỏe mạnh hay đau yếu đều chẳng thật. Ở đây, thầy đã hóa hiện một hiện tượng của đau yếu. Đến Chubar, thầy sẽ hóa hiện một hiện tượng của sự chết. Hãy bảo vài sư đệ của con đến Chubar trước để chuẩn bị sẵn mọi việc.”

Và bây giờ, việc xảy ra như phép lạ, vì không những chỉ một Milarepa mà rất nhiều Milarepa đến Chubar, cùng đi với những nhóm người khác nhau và đến Chubar bằng những con đường khác nhau. Khi các đệ tử trẻ đã được phái đi trước đến địa điểm họ phải đến, họ thấy Thầy của họ đã ở đó rồi, song ông cũng đang cùng đi với những người khác trên đường đến Chubar và đồng thời ông cũng nằm bệnh ở một nơi khác. Và một hóa thân khác của ông đang thuyết giảng ở núi Đá Đỏ, và ông cũng có mặt với tất cả những người còn ở tại nhà của họ và họ đang dâng lễ vật nhân danh ông, và chính ông cũng đã hiện thân. Như thế độc giả có thể tưởng tượng được cuộc tranh luận sôi nổi giữa các đệ tử như thế nào. Tất cả mọi người gặp nhau ở Chubar. Mỗi người bảo rằng Sư phụ yêu quý của mình đã ở bên mình và như thế không thể ở bên người khác được như họ tuyên bố.

Thực tế cuộc tranh luận trở nên sôi nổi vô cùng. Sau cùng, họ đến yêu cầu Milarepa cho biết sự thật về tình trạng của sự kiện phi thường này.

Thầy chúng tôi đáp một cách bất ngờ:

“Tất cả các con đều đúng. Ta vừa đùa với các con một chút đó.” Nghe nói thế, mọi người đều thỏa mãn.

Bây giờ Milarepa chiếm cứ một ngôi nhà ở Chubar và bệnh của ông gia tăng. Các hiện tượng thiên nhiên cũng phù hợp với những bài thuyết pháp của ông và một vàng hào quang siêu nhiên đã bao phủ tất cả vùng đồng quê xứ đó. Rồi hai đệ tử trưởng thành hỏi Milarepa sẽ đến cõi nào và họ sẽ dâng lời cầu nguyện lên nơi nào để đến ông. Họ còn hỏi ông còn Giáo lý Tối hậu nào cho họ không, và xin ông ban cho họ mỗi người lời chỉ dạy đặc biệt như là phương pháp tốt nhất cho sự tu tập sùng mộ của họ.

Milarepa đáp:

“Hãy hướng lời cầu nguyện của các con đến nơi nào các con thấy tốt lành nhất; các con cầu nguyện bất cứ nơi nào, miễn là các con chí thành, ta sẽ ở bên cạnh các con. Vì thế, các con hãy cầu nguyện một cách nhiệt thành, không do dự. Trước tiên, Thầy sẽ đến Cõi Phúc. Bây giờ, sau đây là phó chúc và lời hứa của thầy:

“Với Rechung, chẳng bao lâu anh ta sẽ đến đây (như tôi đã nói trước, tôi rất hối tiếc vì tôi đã vắng mặt trong suốt thời gian này), ta sẽ cho anh ta cây trượng và chiếc áo vải này mà các con đều biết đó là những vật sở hữu cá nhân duy nhất của ta. Hai vật đó sẽ là bùa hộ mệnh giúp đỡ Rechung trong phép Điều hòa các luồng Sinh Khí trong người (tức phép luyện lửa Tam-muội). Trước khi Rechung đến đây, không ai được chạm đến thân thể ta. Upa-Tonpa được chiếc mũ của Đạo sư Maitri và cây trượng đen này; mang hai vật này sẽ thành công trong việc nhập định sâu xa và ước vọng cao cả nâng đỡ Niềm Tin. Shiwa-Wod được cái bát gỗ. Chiếc sọ người ta cho anh Ngan. Còn anh, Seban-Repa, ta để lại cho anh viên đá lửa và miếng thép

mài này. Chiếc muổng bằng xương thuộc về BriGom. Chiếc y vải này có thể chia ra từng mảnh nhỏ cho tất cả những người còn lại. Về mặt vật chất, những vật này chẳng có giá trị gì, nhưng tất cả những vật đó mang theo phúc lành của ta.”

Rồi Milarepa nói đến một điều khiến mọi người ngạc nhiên vô cùng:

“Bây giờ về phần chính của di chúc, ta chỉ nói với các đệ tử chính và các đệ tử tại gia của ta thôi: Tất cả số vàng mà ta, Milarepa, đã góp nhặt được trong suốt đời, được chôn dấu dưới lò sưởi này, cùng với số vàng đó là những chỉ dẫn của ta về việc phân chia như thế nào giữa tất cả các con. Khi ta đi rồi, chớ bỏ mà không tìm hay không vâng lời chỉ dẫn mà làm.”

“Về việc thực hiện các giáo lý của ta trong đời sống hàng ngày của các con, hãy nhớ điều này: Có vài người trong các con tự kiêu bằng cách phô trương thánh vật bên ngoài nhưng bên trong chỉ quan tâm đến tên tuổi và danh vọng mà họ chỉ có thể đạt được bằng cách đó. Chưa kể đến chuyện nó không những chẳng có giá trị gì mà còn có nhiều tai hại nữa là khác. Họ kiên gan theo đuổi nó hoàn toàn vì ích kỷ. Sự đạo đức giả như thế, sự bám víu vào khoái lạc thế gian trong khi có vẻ sốt sắng tu hành, giống như ăn những thức ăn có mùi vị ngon lành và sang trọng nhất nhưng đã bị tẩm độc. Vì thế, các con chớ uống thuốc độc của lòng ham danh vọng thế gian, nhưng hãy cởi bỏ những chiếc còng làm ‘việc thiện’ mà chúng chỉ đưa các con đến sự ham muốn nhiều hơn danh tiếng là một người làm ‘việc thiện,’ và hãy nhiệt tâm và chân thành tu tập sùng mộ.”

Có người hỏi rằng có được phép thực hiện các bồn phạn thế gian trong phạm vi nhỏ để giúp đỡ kẻ khác không?

Milarepa đáp:

“Được, miễn là tuyệt đối không có dấu vết tư lợi trong các việc làm như thế. Nhưng hãy nhớ rằng sự dốt bỏ tư lợi vì lòng vị tha chân thật rất hiếm và những ‘việc thiện’ ít khi có kết quả chân chánh trừ phi người ta hoàn toàn vị tha. Điều này giống như một người đang chết đuối cố gắng cứu một người khác cũng đang chết đuối. Đừng quá vội vàng ra tay giúp đỡ người khác trước khi chúng ngộ Chân lý. Nếu kẻ nào làm thế, thì đó cũng giống như một người mù dẫn đường cho đám người mù. Bao lâu bầu trời còn trên đầu các con, chừng đó vẫn còn chúng sinh cần sự giúp đỡ của các con.

“Như thế, mọi người đều có cơ hội để phụng sự khi họ đã sẵn sàng. Cho đến khi cơ duyên hội đủ, tuy nhiên ta nhấn mạnh với các con rằng cần phải bám chặt vấn đề duy nhất phải giải quyết là: ‘Thành Phật vì điều tốt của tất cả chúng sinh.’ Hãy ôn nhu và đừng giả dối. Hãy mặc bằng những miếng vải rách. Hãy từ bỏ tất cả mọi ý nghĩ về danh vọng thế gian. Hãy dùng những nghịch cảnh của tâm và thân như những hình phạt đền bù tội lỗi và vì thế hãy học từ những điều đó. Hãy ghi nhớ những lời dạy của ta để việc

ngiên cứu và thực hành của các con trong nghịch cảnh theo đúng Chánh Đạo.”

Vì cần đưa điểm trọng yếu vào tận đáy lòng người nghe lần cuối cùng, Milarepa cất tiếng hát cho hai đệ tử nghe để họ có thể nhớ những lời ông đã nói một cách dễ dàng hơn:

*Nếu các con là những người hiến mình chân thật,
Chớ tìm danh vọng thế gian nơi Đạo sư của mình,
Vì cơ duyên hội ngộ chẳng có ích gì mấy.
Nếu các con không được Điểm Đạo Truyền Pháp,
Thì những câu Chân ngôn sẽ chỉ là thêm xiềng xích mà thôi.
Nếu các con không sống theo lời dạy của Mật điển,
Tất cả sự thực hành nghi lễ chỉ là bầy sập làm các con chìm ngập sâu
hơn.*

*Nếu các con không thiên định các Giáo lý,
Thì sự từ bỏ thế gian chẳng đem lại ích lợi gì.
Nếu các con không chế ngự được dục vọng xấu xa bằng Tình thương,
Thì lời rao giảng chỉ là những âm thanh trống rỗng.
Nếu các con không theo các Pháp môn vi diệu,
Thì sẽ mất nhiều kiên tâm nhưng chỉ đạt được ít oi.
Nếu các con không biết Bí Pháp,
Thì Con Đường nhiệt tâm các con theo thực sự sẽ dài.
Nếu các con không tu hành để đạt Giải thoát,
Thì các con vẫn còn bị buộc vào Bánh xe Sinh-tử.
Nếu không chuẩn bị từ bỏ tất cả sở hữu thế gian để cầu Chân lý,
Thiên định nhiều nhưng lợi ích chẳng bao nhiêu.
Nếu các con không bằng lòng với chính mình,
Dù các con có bất cứ thứ gì, cũng chỉ là lợi ích cho kẻ khác.
Nếu các con không có sự Bình An bên trong,
Thì những khoái lạc và tiện nghi vật chất sẽ trở thành nguồn đau khổ.
Nếu các con không ngăn chặn Tham vọng,
Lòng ham danh vọng sẽ đưa đến điêu tàn và kiện tụng.
Sự ton hót kích thích những bản năng thấp kém của con người,
Lòng tham lợi sẽ chêm nêm chia rẽ bè bạn.
Nếu các con không tranh biện thì đâu thấy mình đứng giữa pháp đình,
Hãy giữ bình tĩnh hoàn toàn rồi tâm các con sẽ được nhiếp giữ.
Hãy ở một mình rồi các con sẽ thấy bạn bè.
Hãy ngồi ghế thấp nhất
Rồi các con sẽ được nâng lên ghế cao hơn.
Hãy bước từ từ rồi các con sẽ đến sớm hơn.*

*Hãy từ bỏ tất cả mục đích thế gian,
 Rồi các con sẽ được Mục đích Tối thượng.
 Nếu các con bước đi trên Mật Đạo,
 Thì các con sẽ thấy con đường ngắn nhất.
 Nếu các con liễu ngộ Tánh Không,
 Các con sẽ thấy chính mình phát triển Tâm Bi.
 Nếu các con từ bỏ ý tưởng về 'ta' đối lập với tất cả thế gian,
 Thì các con sẽ xứng đáng phục vụ mọi người.
 Và khi các con thành công trong phục vụ kẻ khác,
 Thì các con và ta sẽ gặp lại nhau.
 Và khi thấy ta, các con sẽ thành Phật.
 Hãy cầu nguyện với ta, với Phật và Tăng già mà không phân biệt.*

Đó là chủ đề bài hát của Milarepa. Rồi ông nói thêm rằng:

“Vì ta không thể sống lâu hơn nữa, các con hãy chú ý đến Giáo lý của ta và hãy theo ta.” Đến đây dường như ông chìm sâu trong cơn nhập định xuất thần, và không bao giờ tỉnh lại nữa. Như thế, ông đã nhập diệt vào năm tám mươi bốn tuổi, tháng cuối cùng của năm con Thỏ (tức tháng giêng, năm 1135 D.L.).

*
* *

XIII

MILAREPA NHẬP DIỆT - VÀ SAU ĐÓ

Nếu đã thấy có những hiện tượng lạ thường trong những ngày cuối cùng của Milarepa, thì vào lúc bậc Đại Đạo sư nhập diệt, những hiện tượng tương tự lại tăng lên gấp đôi. Đẹp là nét chủ yếu: đẹp ở bề ngoài, đẹp ở âm thanh, đẹp ở hương thơm; những tán ca tán tụng tràn ngập hư không. Chư Thiên các Cõi Trên hiện thân rõ ràng đối với loài người, mang theo hiến vật đến tỏ lòng kính trọng lần cuối với khi bậc Thánh đã ra đi, và điều lạ lùng nhất là chư Thiên này đã xuống chung hội với những người trần thế đã tôn thờ bậc Đại Đạo sư.

Những người Nyanam, một thị trấn gần đó, khi nghe Milarepa nhập diệt, họ đã đến xin các đệ tử đặc quyền xếp đặt thánh thể tại thành phố của họ. Nhưng lời yêu cầu này bị từ chối. Rồi họ xin hoãn lại cuộc hỏa táng cho đến khi họ đến Brin gọi tất cả những người theo ngài vẫn còn ở đó. Yêu cầu này được các đệ tử chấp nhận, nhưng khi họ trở về họ kéo theo đoàn người khỏe mạnh, định dùng sức mạnh để mang thi hài của Đạo sư đi. Nghe chừng như sẽ có một cảnh bạo động hỗn loạn xảy ra nên các đệ tử xen vào, cố gắng can thiệp để làm dịu bầu không khí sôi động:

“Hãy nghe đây, hỡi những người Nyanam và Brin! Tất cả những người đã tin theo Jetsun Milarepa và là những tín đồ của ngài. Vì ngài đã nhập diệt ở Chubar thì lễ hỏa táng thi hài của ngài chỉ được cử hành tại đây. Các người hãy ở lại đây cho đến khi hỏa táng xong, các người sẽ được tặng một phần xá lợi và thánh tích để thờ.”

Nhưng những người Nyanam nghĩ rằng họ có đủ sức mạnh và họ sắp sửa muốn dời thi hài đi, thì trên bầu trời một thiên thần hiện ra, với giọng nói của chính Milarepa, hát cho họ nghe một thánh ca bảo họ ngu xuẩn làm sao lại đi tranh giành với nhau một cái xác chết, và đó không phải là cách để họ lấy được thi hài, nhưng nếu họ thành tín cầu nguyện thì tất cả sẽ được thánh tích.

Giọng hát của bậc Thầy kính yêu vang lên khiến cho tất cả mọi tín đồ trở nên im lặng, họ chú ý lắng nghe những lời dạy của ngài và họ đổi ý từ bạo động sang cầu nguyện. Những người Nyanam và Brin đã thấy một phép lạ: mỗi người trong bọn họ dường như đều nhận được một thi hài của Milarepa trong khi thi hài thật vẫn nằm ở Chubar. Vì thế, họ rất thỏa mãn, mỗi thị trấn tổ chức một lễ hỏa táng riêng trong thị trấn của họ.

Dĩ nhiên các đệ tử trưởng tràng ở Chubar ngày đêm cầu nguyện bên cạnh chiếc đò đám ma trong khi thi hài càng lúc càng thu nhỏ lại và phóng ra

một vầng hào quang sáng ngời. Khi thi hài thu nhỏ lại chỉ còn bằng xác của một đứa bé tám tuổi, các đệ tử, những người đang chờ tôi đến, vì Thầy đã cấm họ, bây giờ nói với nhau:

“Không có gì chứng tỏ rằng sư huynh Rechung sắp đến cả. Nếu chúng ta còn chờ lâu hơn nữa sẽ không còn gì để hỏa táng, và rồi chúng ta sẽ không có thánh tích để thờ. Tốt nhất chúng ta hãy tiến hành hỏa táng ngay bây giờ.”

Lời nói này được tất cả đồng ý, vì thế thi hài được di chuyển đến tảng đá mòn to lớn mà Thầy chúng tôi thường giảng dạy ở đó.

Giàn hỏa được dựng lên trên tảng đá ấy, và mọi người đến lễ bái lần cuối. Nhưng không có mồi lửa nào đốt cháy được giàn hỏa. Sau bao nhiêu lần cố gắng đều thất bại, một nhóm năm thiên nữ (Dakini) hiện ra trên bầu trời và bắt đầu hát cho các đệ tử đang sầu buồn nghe, và họ ngược mắt nhìn lên đầy kinh ngạc.

“Rom!” Ngọn lửa thần của Sinh Khí
 đã từng được ngài chiêm nghiệm.
 Lửa có năng lực gì đốt được một người như thế?
 Khi một người đã thiên định suốt đời
 thì cần gì để lại thân xác phía sau?
 Ngài đã vượt lên trên tất cả những xếp đặt tang chế của các anh
 Và có thể miễn trừ những điều đó.
 Thiên chư thiên đang cử hành lễ mừng,
 Thì cần gì nghi lễ của các anh?
 Thi hài của bậc đã Giác ngộ không cần nghi thức ước lệ thế gian.
 Vì thế tốt hơn, hãy tôn thờ và cầu nguyện,
 Đừng trịnh trọng bảo rằng thi hài đó là “của tôi” hay “của anh.”
 Về các Giáo lý Bí mật, hãy im lặng, tìm cô tịch,
 Rồi các anh sẽ nhận được phần thưởng xứng đáng,
 do sự nhập diệt của Thầy ban cho, đừng bao giờ sợ hãi!
 Hãy chú tâm vào những chỉ dẫn cuối cùng của Jetsun,**
 đừng trái nghịch,
 Rồi phúc lành sẽ đến với tất cả các anh.*

Đó chính là lời các thiên nữ hát và Ngan Dzong nói: “Điều này xác định mệnh lệnh của Thầy chúng ta. Chúng ta không được hỏa táng thi hài của Thầy trước khi sư huynh Rechung đến đây. Nhưng chẳng có gì chứng tỏ

* Hay Rang, Hạt giống Chơn âm (Mantra) của Hòa đại.

** Có nghĩa là Tôn giả.

rằng sư huynh Rechung sắp đến. Thi hài đang tan đi một cách nhanh chóng và nó sẽ hoàn toàn biến mất nếu chúng ta hoãn cuộc hỏa táng, rồi chúng ta sẽ không có xá lợi để thờ.”

Lúc ấy Shiwa-Wod Repa nói:

“Mệnh lệnh của Thầy, lời hát của thiên nữ, và giàn hỏa không cháy, tất cả chúng tỏ cùng một ý nghĩa. Chắc sư huynh Rechung sẽ đến sớm. Như thế chúng ta hãy tiếp tục cầu nguyện.” Và họ tiếp tục cầu nguyện.

Vào lúc ấy tôi đang ở tại một tu viện Chubar cách khá xa. Và một đêm nọ tôi thấy một bảo tháp đang được người và thần thờ phượng, và chung quanh chung quanh có nhiều đệ tử của Thầy tôi. Rồi tôi thấy Đạo sư của tôi từ bảo tháp nghiêng mình ra bảo tôi rằng ông rất vui mừng khi gặp lại tôi. Chúng tôi nói chuyện với nhau và ông vuốt tóc tôi. Tôi cảm thấy tất cả tình thương to lớn của tôi hướng về ông, và tôi thức giấc.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là: “Đạo sư của ta có thể chết được sao?” và cùng với ý nghĩ này, lòng tôi muốn gặp lại Thầy tôi vô cùng, vì thế tôi bắt đầu đi tìm ông. Khi tôi khởi hành, dường như có một vị thiên nữ đến bảo tôi: “Này thầy Rechung, hãy nhanh lên! Nếu không, thầy sẽ không thấy được Đạo sư của thầy còn sống nữa. Hãy đi ngay đi!”

Điều này thúc giục tôi cố gắng nhiều hơn. Bằng phép đề khí và kiểm soát tinh thần vào lúc bình minh, tôi đã hoàn thành cuộc hành trình trong khoảng vài tiếng đồng hồ, nhưng nếu đi bằng vận tốc của lửa, phải mất hai tháng. Tạm dừng lại trên một đỉnh núi để nghỉ, tôi lại thấy một cảnh khác. Một đám đông các thiên nữ và các bậc cõi trên, tất cả đang đi cùng một hướng, mang theo nhiều lễ vật. Tôi hỏi họ đang đi đâu và lòng tôi đầy lo âu.

Một vị thiên nữ đáp:

“Anh có đui và điếc không mà không nghe thấy những biến cố gần đây? Anh không biết việc gì đang xảy ra hay sao? Tất cả những dấu hiệu trên trời này là để ghi dấu cuộc di hành của Jetsun Milarepa đến các Cõi Thánh thiện hơn. Vì thế tất cả những ai tôn vinh Chánh Pháp đều đến đánh lễ ngài, trong khi những người ở trần giới đang tụ hội ở Chubar cũng cùng mục đích này.”

Tim tôi dường như rạn vỡ khi nghe tin này. Tôi hỏi há vận dụng hết tốc lực khinh công bay đi và khi gần đến Chubar, tôi nhìn thấy Đạo sư của tôi ngồi trên một tảng đá mòn. Ông chào mừng tôi nồng nhiệt và vuốt đầu tôi như tôi đã từng thấy trong ảo cảnh. Tôi quá vui mừng vì thấy Thầy tôi không chết. Sau cùng tôi cúi đầu thật thấp hành lễ với ông. Rồi tôi hỏi ông nhiều câu và ông đáp lại tất cả. Cuối cùng ông nói:

“Này Rechung, con hãy thông thả mà đi, thầy phải đi trước để sắp đặt mọi việc cho con.” Rồi ông biến mất khỏi tầm mắt tôi.

Bây giờ khi đến Chubar, dĩ nhiên không thấy dấu hiệu nào của ông cả, nhưng chung quanh cốc của ông có nhiều đệ tử và tín đồ đang bị thương, quì lạy. Và tức khắc tôi biết việc gì đã xảy ra.

Không may một số đệ tử nhập môn sau này không biết mặt tôi nên họ từ chối không cho tôi đến gần thi hài ông. Vì thế tôi tôi buồn vô hạn, và tôi hát một tán ca dâng lên Đạo sư tôi để bày tỏ nỗi thống khổ trong lòng. Tôi bắt đầu tán ca diễn tả lòng sùng kính rồi kêu gọi ông cho mọi người biết tôi là đệ tử ưu ái của ông. Tôi khẩn cầu ông cho tôi thấy mặt ông một lần nữa và được nghe giọng nói chứa đầy Trí tuệ và sự Chỉ dạy Thần diệu của ông. Mặc dù tôi không xứng đáng gì, tôi vẫn cầu mong ông hãy từ bi với tôi.

Tôi hát bài tán ca này với tất cả cảm xúc của trái tim tan vỡ, màu sắc thi hài Milarepa đã phai nhạt, bỗng nhiên trở nên rực rỡ và giàn hỏa bắt lửa khiến cho cây gỗ bùng cháy rạng ngời. Ngay lúc đó, Shiwa Wod, Ngan Dzong và Seban Repa, mấy người bạn đồng thời của tôi đến chào mừng tôi, nhưng lòng tôi vẫn đau nhói vì nỗi buồn do các đệ tử trẻ gây ra.

Bây giờ niềm tin và lòng chân thành của tôi quá to lớn đến nỗi dường như làm cho thi hài của ông sống lại, ngời bật dậy giữa ngọn lửa và nói như thế này:

“Ồ các con, những đệ tử trẻ tuổi của ta, đừng hành xử như thế, một con sư tử vẫn hơn một trăm con cọp. Và con sư tử đó là Rechung, con trai ta. Hãy để nó đến đây. Và Rechung, con đừng quá buồn vì việc đó và hãy đến đây với Cha.”

Mọi người đều giật mình vì chuyện này, như người ta có thể tưởng tượng. Rồi họ tràn ngập niềm vui và tôi nhảy đến sờ vào người Đạo sư yêu mến của tôi với nước mắt tuôn trào trên má. Tôi quá yếu ớt vì xúc động đến nỗi không lau được nước mắt. Khi tôi đến đó, tất cả các đệ tử đã ngồi chung quanh giàn hỏa, trong khi Jetsun Milarepa chỗi dậy trong Thần thể và mọi người đều thấy rõ ràng rằng ông toàn thân ngồi giữa những ngọn lửa và tựa như ngự trên một đóa hoa sen, với một đầu gối xếp lại và bàn tay phải chìa ra trong thái độ giảng dạy ưa thích, ông nói:

“Hãy lắng nghe những lời cuối cùng của một ông già và giáo lý tối hậu của ta. Hỡi Rechung, con ta, con là người thân yêu nhất của ta, hãy lắng nghe tán ca này, và hãy chú ý đến những giới luật của ta:

*Hãy canh chừng thể xác,
sự thực nó là một tội nhân,
luôn luôn đòi thức ăn và quần áo,
nó không tìm được nơi ẩn náu tránh được phiền não thế gian.
Trong thế giới tinh thần, tên tội nhân là tâm hiện tượng,
tên nô lệ của thể xác không có thì giờ để nhận thức bản tánh của Tâm,
cũng không liễu ngộ được Chân như thực tại.*

*Trên biên giới của Trí tuệ và Vật chất,
tên tội nhân là tri thức có từ kinh nghiệm giác quan,
bao giờ cũng tự vệ chống lại sự sụp đổ của nó.
Nó không có thì giờ để khám phá bản Chân tánh.
Hỡi Rechung, con hãy bám sát Trí Vô sanh.*

*Trên biên giới Trí bất sinh và cuộc sống vị lai,
tên tội nhân là ý thức,
nó tưởng nó là cái gì khác vĩ đại hơn chính nó,
và nó không có thì giờ để giác ngộ Chân lý.
Hỡi Rechung, con hãy tìm ra chân tướng của Chân lý Vĩnh cửu!*

*Trong thế giới Huyền ảo,
tên tội nhân là tội tạo ra Nghiệp,
từ đó ham muốn và ràng buộc nảy sinh.
Hỡi Rechung, con hãy tránh ưa và ghét.*

*Có nhiều sự thật bề ngoài và vi tế liên hệ với ưa và ghét,
bạn bị với chúng người ta không có thời giờ để tìm ra Chân lý.
Hỡi Rechung, con hãy tránh tranh luận vi tế.*

*Chư Đạo sư và chư Thiên và Thiên nữ,
hãy hợp cả ba thành một toàn thể duy nhất
và tôn thờ toàn thể đó.*

*Mục tiêu của các người, thiền định và tu tập,
hãy hợp nhất chúng để đạt Chân tri.
Hãy nghĩ đến quá khứ, vị lai và hiện tại như là một,
và tập cho quen với ý niệm này.*

*Rechung con, đây là lời Phó chúc cuối cùng của ta;
ngoài Chân lý này không còn Chân lý nào khác.
Hãy học Chân lý này.”*

Lửa bây giờ bùng cháy cao hơn, tạo thành hình một căn nhà vuông lớn với bốn cửa vào và trần thiết, ngập trong vầng hào quang của một cầu vồng và những màn ánh sáng. Đường như có những mái vòm trong lửa đỏ; và dưới chân những ngọn lửa uốn cong như những cánh của một đóa hoa sen khổng lồ. Tiếng lách tách của củi cháy giống như âm thanh của những nhạc cụ khác nhau. Khói dâng lên thơm mùi nhang thơm nhất. Bên trên giàn hỏa,

chư thiên và thiên nữ đầy khắp bầu trời; một số mang nước cam lồ rưới xuống, những vị khác đem thức ăn và đồ uống, các loại dầu xức và hương thơm, và tất cả đều có thể dự hưởng. Rồi các thiên nữ hát tán ca tiễn biệt Thầy của chúng tôi:

*Bởi vì Ngài đã ra đi, nên vài người khóc trong sâu buồn,
 Những người khác xúc động quá sâu đến nỗi đã bất tỉnh.
 Song với sự bi thương này, lửa há chẳng không nhen mà bùng cháy
 Và tạo thành những hình tượng kỳ diệu.
 Không phải tiếng lửa reo giống như âm thanh của não bạt,
 tù và, thụ cầm, tiêu, sáo, và trống sao?
 Và những tia lửa há không tạo thành hình dáng của hàng thiên nữ
 vươn lên?
 Từ giàn hỏa các thiên nữ ấy đã mang đi xá lợi và tro của ngài đã
 bỏ lại lốt phàm.
 Ngài đã nhận lấy Chân Thân thấm nhuần tất cả
 Từ đó loài người và các loài hữu tình khác có thể được lợi ích.
 Bốn tánh Bất tác, Bất sinh, Chân Không, vô thủy vô chung,
 Đó là chân Chân lý.*

Bây giờ trời đã về chiều và lửa cũng đã tàn. Lại một phép lạ khác xuất hiện. Vì ngôi nhà hỏa táng dường như trống rỗng, song vài đệ tử thấy trong nhà có một bảo tháp vĩ đại, những người khác thấy hiện thân của chư Phật quá khứ, những người khác nữa thấy các biểu tượng tôn giáo, những người khác nữa thấy một khối vàng ròng óng ánh, những người khác nữa thấy một ao nước trong veo, song cũng có những người không thấy gì cả. Rồi họ mở các cửa ngôi nhà hỏa táng để tro than nguội đi và chúng tôi đi ngủ. Đêm đó chúng tôi mơ thấy những xá lợi sẽ thuộc về chúng tôi vào ngày hôm sau. Chính tôi đã mộng thấy: mấy thiên nữ đang khiêng một tinh cầu Ánh Sáng từ trong nhà hỏa táng đi ra và tôi mê mải ngắm nhìn. Bỗng tôi nghĩ có thể họ lấy tro và xá lợi. Tôi giật mình thức dậy, chạy nhanh vào nhà hỏa táng với vài người bạn. Xá lợi và tro đều mát sạch! Chẳng còn một hạt bụi hay chút tro nào trên sàn nhà. Lòng đau nhói, tôi cầu nguyện các Thiên nữ trong giấc mộng của tôi, yêu cầu họ trả lại tro và xá lợi để làm lợi ích cho mọi người.

Lời đáp vọng từ thiên giới xuống:

“Các anh, những đệ tử chính, há chẳng phải tất cả các anh đã chiếm được những thánh tích quý báu nhất là các Chân lý theo đó các anh đã có Pháp hình thành trong tâm các anh sao? Nếu như vậy chưa đủ, các anh hãy cầu nguyện với Thầy của các anh, có lẽ ngài sẽ ban cho các anh thứ gì đó. Còn loài người, họ đã làm gì xứng đáng để được những xá lợi này? Ngay cả khi

đức Milarepa còn tại thế, họ cũng không hiểu được giá trị của ngài, mặc dù ngài là một Bạc rất cao cả. Không, bọn họ không đáng được chút xá lợi nào. Những xá lợi này thuộc về chúng tôi.”

Chúng tôi biết các thiên nữ nói đúng, vì thế chúng tôi cầu nguyện Đạo sư của chúng tôi, để cuối cùng, ít nhất ông cũng cho phép chúng tôi giữ một ít xá lợi, nhắc cho ông nhớ lại cuộc đời khổ nhọc của ông và chúng tôi cũng đã dự một phần nhỏ trong đó. Ông đã tử tế với chúng tôi như thế nào, sao bây giờ ông có thể tỏ ra ít tử tế và thông cảm với chúng tôi như thế được?

Khi chúng tôi hát như thế, thì từ trên Cõi Ánh Sáng, một tinh cầu lớn bằng quả trứng di chuyển xuống, từ tinh cầu phát ra một tia sáng. Mỗi người trong chúng tôi đưa tay ra bắt lấy cho mình, nhưng tinh cầu lại vọt lên khỏi tầm tay và bốc thẳng lên trời. Thay cho tinh cầu, một Bảo tháp vĩ đại lại hiện ra và bên trong là hình tượng Milarepa; hai Thiên nữ canh giữ tượng, mỗi bên một người, và họ hát một tán ca khác:

*Hỡi các con và những đệ tử, các người đã kêu gọi danh hiệu
người Cha Tinh thần để cầu xin xá lợi,
Tinh cầu các người thấy đó là hiện thể của Chân Thân.
Làm sao nó thuộc về chỉ một người trong các vị?
Nó không phải là của riêng để các người giữ chặt như thế!
Bây giờ các người đã được thấy các cảnh và biểu tượng lạ lùng rồi.
Đấng Đạo sư đã nhập Chân Thân,
Chính Ngài hóa hiện trong mọi hình tướng khả niệm bằng thần lực.
Các người hãy đặt niềm tin nơi ngài.
Nếu các người tự tách mình ra khỏi thế gian
Thì sẽ được các bậc cõi trên vây quanh đánh lễ.
Nếu các người chân thanh tu hành,
Sẽ đạt được thành công trong đạo Du già;
Nếu các người bằng lòng với địa vị của mình,
Chắc chắn phiền não ác hại sẽ được tẩy sạch tận gốc:
Nếu các người không bám giữ “cái ta” và những vật sở hữu,
Thì rõ ràng dục vọng của các người đã được chế ngự.
Nếu các người không chú ý đến những khác biệt giai cấp và tôn giáo,
Thì các người sẽ giữ được Chánh kiến.
Nếu các người thấy được tính đồng nhất của
Niết-bàn và thế gian với Tánh Không,
Thì sự thiên định của các người sẽ Chân chánh.
Nếu các người có nhiệt tâm và năng lực,
Thì những Hành động của các người sẽ Chân chánh.
Nếu Đạo sư và đệ tử có tâm hợp nhất,*

*Thì mối liên hệ này sẽ Chân chánh.
 Nếu các người nhận được các điềm lành thành công và
 những tặng phẩm thiêng liêng,
 Thì Tư duy của các người sẽ Chân chánh.
 Vì thế, hãy để Thiện tín, Kinh nghiệm hỗ tương
 Và lòng thỏa mãn của các người làm xá lợi.*

Bảo tháp vẫn còn thấy rõ khi các Thiên nữ mang lên xa tím trên đầu chúng tôi. Tuy nhiên khi họ tỏ dấu hiệu từ giả thì Shiwa Wod Repa, sư đệ của tôi, với giọng hát êm ái đã cất lên thêm một lần yêu cầu cuối cùng và họ dừng lại lắng nghe:

*Ôi, thưa Cha, cha đã hóa thân để giúp loài người,
 hồi bậc Hành giả Du già Hoàn thiện,
 Bây giờ người đã thâm nhuần Tất cả chính là Chân lý,
 cầu mong người ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người con tại thế và gặp những hành giả Du già khác,
 Người đã sáng chói giữa họ, người là bậc Thầy của nếp sống Khổ tu;
 Cầu mong người, hãy ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi thầy hầu sư ông, người thật ôn nhu và nhân nhục,
 sẵn sàng làm những việc thấp hèn nhất,
 Cầu mong người, hãy ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người khước từ tất cả những mục đích thế gian,
 Người là Thầy của những bậc thầy,
 một hành giả Du già cương quyết, đại hùng đại lực;
 Cầu mong người, hãy ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người thiên định Giáo lý của sư ông,
 người như một con hổ sống bằng thịt người,
 không nghi ngờ, không lay chuyển, bao giờ cũng kiên trì,
 Cầu mong người, hãy ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người đi qua những vùng cô liêu hoang vắng,
 Người kiên cố như đá hoa cương, ở trong quyết tâm
 Là một hành giả Du già không thay đổi,
 Cầu mong người, hãy ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người đạt được Giác ngộ và
 tỏ ra những dấu hiệu của các Năng lực Siêu phàm,
 người vẫn dững mãnh, vô úy;
 Cầu mong người, hãy ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người luyện thành Tam-muội Chân hỏa,
 Ánh sáng của người tỏa khắp thế gian, người không còn ham muốn,
 Cầu mong người, hãy ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người gặp đệ tử chúng con,
 người giống như ánh mặt trời chiếu vào kính hội tụ
 khiến chúng con làm chủ tâm mình;
 Cầu mong người, hãy ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người được tặng những của cải thế gian,
 Người chẳng gợn chút lòng tham;
 Cầu mong người, hãy ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người thường khuyên dạy hàng ngàn chúng sinh,
 Người như ánh sáng mặt trời rọi khắp thế gian buồn tẻ;
 Chúng con cầu xin người, bậc Từ bi và Trí tuệ,
 Ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người còn tại thế, những ai thấy người
 như mẹ gặp con, người làm tất cả những điều lành cho họ;
 Chúng con cầu xin người ban cho chúng con, những đệ tử của người,
 Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

Sư phụ, khi người ra đi đến Cõi Ánh Sáng,

*Người giống như chiếc rương tàng trữ phước lành,
Chúng con cầu xin người ban cho chúng con, những đệ tử của người,
Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi tiên tri người luôn luôn đúng,
Người biết tất cả quá khứ, hiện tại, vị lai;
Chúng con cầu xin người ban cho chúng con, những đệ tử của người,
Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

*Sư phụ, khi người ban ân huệ,
Giống như cha ban cho con, chẳng giữ lại gì;
Chúng con cầu xin người ban cho chúng con, những đệ tử của người,
Bảo tháp các nữ thần đang giữ.*

Shiwa chấm dứt bài tán ca, chúng tôi nghe giọng nói của Sư phụ vang xuống từ Bảo tháp trên đầu chúng tôi bài pháp cuối cùng chỉ dẫn chúng tôi.

“Con ơi, với niềm tin và sự hứa hẹn tương lai to lớn, con đã cầu xin ta. Bây giờ hãy lắng nghe trong khi ta giảng cho con, người đệ tử áo vải của ta. Về Chân Thân mà ta đã chứng ngộ, không ai có thể nói, “Nó là của tôi,” hay “Tôi có nó,” hay “Tôi không có nó.” Nó là Tánh Không. Tinh cầu mà các con đã thấy là những gì còn lại của thân thể gian của ta và bây giờ đã trở thành Bảo tháp các con đang thấy đó. Nó sẽ tồn tại mãi mãi ở Thiên giới, sẽ được các Thiên thần và chúng sinh cõi trên thờ phượng. Nếu để nó lại cho loài người, nó sẽ dần dần tiêu tan. Các con, những người con tinh thần và tín đồ của ta, đã có phần xá lợi là Chân tri mà ta đã cho các con để các con cũng có thể chứng ngộ Chân Thân trong chính tâm các con. Bây giờ các con hãy suy tư về những điều tương tự, mà nếu lầm lẫn, sẽ đưa đến sai lạc.

*Phục vụ một Đạo sư hoàn hảo và
phục vụ một người giàu có
giống nhau, song không giống.
Các con chớ nhầm lẫn.*

*Sự liễu ngộ đích thực về Tánh Không trong tâm mình và
những ám ảnh hư huyền của ý thức
giống nhau, song không giống.
Các con chớ nhầm lẫn.*

*Sự hiểu biết về Cảnh giới Thanh tịnh qua Thiên định và
sự ưa thích tịch tĩnh sinh ra trong cơn xuất thân Tĩnh lặng*

*giống nhau, song không giống.
Các con chó nhâm lẫn.*

*Con Lụt của Trục giác Thâm sâu và
những niềm tin quyết sâu xa về những gì đúng và thật
giống nhau, song không giống.
Các con chó nhâm lẫn.*

*Sự nhận thức rõ ràng về Tâm quán nhiếp và
sự thúc giục cao quý phụng sự người khác
giống nhau, song không giống.
Các con chó nhâm lẫn.*

*Mùa gặt tinh thần và tư hữu thế gian đem lại
giống nhau song không giống.
Các con chó nhâm lẫn.*

*Sự hướng dẫn tinh thần và những mệnh lệnh từ các Nguồn Cao hơn
và những cảm dỗ của những yếu tố kém hơn
giống nhau, song không giống.
Các con chó nhâm lẫn,*

*Tinh cầu của Chân Thân và tinh cầu nhân tạo
giống nhau, nhưng không giống.
Các con chó nhâm lẫn.*

*Chân Niết-bàn và Hoa Trời của Thiên đàng Nhục cảm
giống nhau, song không giống
Các con chó nhâm lẫn.*

*Bảo tháp do chư thiên làm và bảo tháp do ma quỷ làm
giống nhau, song không giống
Các con chó nhâm lẫn.*

*Niềm tin sinh ra từ nghiệp tốt trong quá khứ và
niềm tin sinh ra từ ngẫu nhiên
giống nhau, nhưng không giống nhau.
Các con chó nhâm lẫn.*

Niềm tin chân thật tự phát sinh từ đáy tim và

*niềm tin do qui ước và giáo dục tạo nên
giống nhau, song không giống.
Các con chớ nhầm lẫn.*

*Lòng sùng mộ chân thành học Chánh Pháp và
sự sùng mộ giả vờ để làm hài lòng Đạo sư
giống nhau, song không giống.
Các con chớ nhầm lẫn.*

*Sự thành công chân thật đã làm được và
danh tiếng vì thành công
giống nhau, song không giống.
Các con chớ nhầm lẫn.*

“Bảo tháp này tượng trưng chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, và chư Phật vị lai. Tất cả chư Phật gặp nhau tại đây. Và Đạo sư Milarepa của các con cũng thiên định tại đây. Bây giờ nó sẽ được đưa lên cõi Trời Hạnh Phúc, nơi nó sẽ được chào đón thích nghi. Nếu các con chân thành và sùng mộ cầu nguyện với bảo tháp này, và kính ngưỡng cúng dường, các con sẽ được bảo vệ trong Niềm tin bất động của các con, và nếu các con mong được năng lực Trí tuệ Cá nhân, hãy cúi đầu đánh lễ dưới bảo tháp này.”

Bây giờ chúng tôi có thể thấy đài kỷ niệm di chuyển và khi đi ngang qua trên đỉnh đầu chúng tôi, hào quang phát ra rọi lên đầu mọi đệ tử tụ hội nơi đây. Chúng tôi nhìn thấy cảnh vài Thiên thần Cao nhất với đám tùy tùng của họ, cho đến cuối cùng toàn thể hội chúng ngập trong tinh cầu ánh sáng, dường như nó đi nhanh về phương Đông. Vài người trong chúng tôi còn thấy những hiện tượng khác nữa, tùy theo căn cơ của mỗi người.

Dù đã có những lời khích lệ huyền diệu của Thầy như vậy, nhiều người trong chúng tôi vẫn buồn vô cùng vì nghĩ rằng mình không được xá lợi. Một lần nữa, giọng nói của Thầy chúng tôi lại vọng xuống, mặc dù lần này không có ảnh tượng nào đi kèm theo lời nói:

“Các con chớ có tức giận quá như vậy. Muốn có xá lợi kiên cố, các con hãy đến Tầng đá mòn Amolika rồi sẽ thấy bốn chữ khắc bằng phép lạ ở đó. Hãy thành kính và tin tưởng chiêm nghiệm. Hãy đến tìm phía dưới tầng đá mòn đó.”

Chúng tôi lập tức bắt đầu đi tìm và thấy các chữ trên tầng đá mòn nơi đã cử hành lễ hỏa táng. Bây giờ những người cần thánh tích có cả một tầng đá khổng lồ để thờ, lòng họ đã thỏa mãn. Và tầng đá này được dựng tại Tự viện Lapchi-Chubar. Mặt khác, các đệ tử tiên tiến hơn, được hoàn toàn an ủi vì sự mất mát của họ bằng ý nghĩ rằng nơi nào Thầy họ đã đi và đã thành Phật,

đến lượt họ gặp lại người ở đó. Họ cũng cảm thấy rằng cuộc đời và tấm gương của Milarepa đã thấm nhuần một tinh thần mới vào các tôn giáo và tâm của tất cả những ai đã nghe nói về ông. Họ cũng biết rằng những cuộc Điềm Đạo Truyền Pháp mà họ đã thọ nhận, mỗi người tự mình hoàn thiện cho chính mình và cho người khác.

Rồi chúng tôi nhớ lại lời Di chúc và Hứa ngôn cuối cùng của Sư phụ Milarepa, trong đó người bảo chúng tôi đào tất cả số vàng mà người đã tích lũy cả đời. Với lòng hiếu kỳ, chúng tôi bắt đầu công việc, vì chúng tôi rất ngạc nhiên người tích lũy vàng bạc để làm gì với một cuộc đời như người đã sống.

Vì thế chúng tôi lật nhào chiếc lò sưởi lên theo lời chỉ dẫn và trước tiên chúng tôi tìm thấy một vuông vải mà Thầy chúng tôi mặc. Trong vuông vải gói một con dao, cán dao tiện hình cái dùi may giày và sống dao dùng để quẹt lửa. Lưỡi dao còn tốt và bén gói cùng với một cục đường nâu và một mảnh giấy viết: “Vải và đường nếu cắt bằng lưỡi dao này sẽ không bao giờ hết. Vải và đường này có thể cắt thành bao nhiêu mảnh nhỏ cũng được, để phân phát cho đại chúng. Tất cả những ai nếm đường này hay sờ vải này đều được phước lành. Đây là thức ăn của Milarepa khi nhập định hợp nhất với Tuyệt Đối Thể, và đã được tất cả chư Phật mười phương ban phước cho. Chỉ nghe danh hiệu Milarepa thôi cũng đủ cho những ai quan tâm được một phần thưởng nho nhỏ. Bất cứ kẻ nào bảo rằng Milarepa có vàng chôn giấu sẽ phải nuốt lời của mình.”

Câu cuối cùng này làm chúng tôi thích thú, mặc dù đang buồn. Rồi phần chót của bức thông điệp là một bài thơ ngắn giải thích rõ ràng hơn về ý nghĩa viên dung của thức ăn và tấm áo của một người nhập Định (Samadhi), và thêm rằng điều này dành cho những ai giống như người, chúng ngộ cái vô cùng, cái Vũ trụ Toàn thể giống như vàng ròng thì cần gì đến thứ kim loại do con người đặt giá trị vào? Cuối cùng thông điệp kết thúc: “Hãy làm như lời ta khuyên dạy, hỏi các con và đệ tử của ta.”

Rồi chúng tôi cắt vải và đường ra, phân phát tự do, không ai không nhận được món quà ân huệ này. Những tính nét xấu xa, những bệnh tật đã nhường chỗ cho Đức Tin và sự toàn thể tính.

Từ đó, vào những ngày tưởng niệm sự ra đi của người, hoa đẹp muôn màu từ trời cao rơi xuống như mưa khắp cả mặt đất, ngập đến mắt cá chân, lại tan vào cõi hư không. Những cầu vồng rọi sáng cả bầu trời rồi biến mất khi nghi lễ đã hoàn tất, và âm nhạc trang nhã tràn ngập không gian trong lúc nghi lễ tiến hành.

Bậc Đại đạo sư đã để lại phía sau những đệ tử để chứng minh sự thật câu chuyện về đời ngài mà bây giờ tôi kết thúc nơi đây. Người có vô số đệ tử và

nhiều người đã đạt Cứu cánh và thành Phật. Có nhiều người đã đi vào Con Đường Giác Ngộ nhờ kết quả của tấm gương và lời dạy của người.

*

*

*

XIV

PHỤ LỤC

Có thể độc giả muốn biết những gì xảy ra với một số đệ tử chúng tôi trong những năm kế tiếp. Phần đông các tín đồ, nam cũng như nữ, có mặt tại cuộc nhập diệt và hỏa táng của bậc Đạo sư, đã rút lui ra khỏi đời sống thế gian để sống một mình và thiền định trong cô tịch. Tôi mang ra đi mang theo các phẩm vật Sư phụ Milarepa để lại trên tử sàng tới Dvagpa Rimpoche,* lúc bấy giờ đang ở tỉnh khác. Tôi đã tặng Dvagpo chiếc mũ Maitri, cây tích trượng, và kể lại cho ông nghe toàn thể câu chuyện này. Nghe tôi kể, Dvagpo ngất đi. Khi tỉnh lại, Dvagpo cầu nguyện rất nhiều với bậc Đạo sư quá cố. Và có những việc đã được ghi lại trong tác phẩm riêng của Dvagpo về cuộc đời của Milarepa, vì về phần Dvagpo, ông cũng viết riêng một cuốn sách. Sau đó, ông mời tôi ở lại với ông, tôi đã cho ông các Chân lý Khẩu Truyền. Rồi tôi từ giã ông và đến sống ở tu viện Loro-Dol, để thiền định trong suốt quãng đời còn lại của tôi. Những đệ tử tiên tiến nhất không từ giã cõi đời theo cách thông thường mà họ chuyển lên Cõi Thiên và không để lại nhục thể (chính Rechung là một trong những người này). Trong khi số đệ tử còn lại thì tịch theo lối thông thường và họ lưu lại nhục thể làm thánh tích cho những chúng sinh còn mê muội.

Và như thế, năng lực vĩ đại của Milarepa, đã đạt được một cách khó nhọc qua nhiều đau đớn khổ nhọc và tự khép mình vào kỷ luật, đã trải khắp Vũ trụ đến các thế giới bên kia cảnh giới này. Như thế, câu chuyện lịch sử về bậc Đại Hành giả Du già Milarepa, người đã sống và đã chết vì lợi ích cho tất cả chúng sinh và cuối cùng đã thành Phật, chấm dứt tại đây.

*

*

*

* Tức Gambopa.

